

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT
(MS: 7140206)**

**THEO TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(DỰ THẢO)

Cần Thơ, tháng 05 năm 2020

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

(Kèm theo QĐ số: 3404/ QĐ-ĐHCT ngày 19 tháng 08 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên giai đoạn 2019 – 2020)

I. Danh sách Hội đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vị trí trong Hội đồng TĐG
1	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch thường trực
3	TS. Nguyễn Văn Hòa	Trưởng BM.GDTC	Phó Chủ tịch
4	TS. Lê Thanh Sơn	Thư ký Hội đồng trường	Thành viên
5	GVC.TS. Lê Thị Nguyệt Châu	Đại diện Hội đồng KH&ĐT	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 2
6	GVC.ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
7	GVC.CN. Lê Phi Hùng	Trưởng Phòng QTTB	Thành viên
8	GVC.TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc TT.QLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1
9	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng Phòng CTSV	Thành viên
10	PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi	Phó trưởng Phòng QLKH	Thành viên
11	TS. Lê Bá Tường	Phó trưởng BM.GDTC	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3
12	TS. Nguyễn Thanh Liêm	Giảng viên BM.GDTC	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 4
13	Nguyễn Trường Sang	Sinh viên, ngành GDTC	Thành viên

(Danh sách có 13 thành viên)

II. Danh sách Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Hữu Tri	- Giảng viên BM.GDTC	Thành viên Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách 1&2
2	ThS. Nguyễn Văn Thái	- GVC BM.GDTC	Thành viên Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách 1

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
3	ThS. Đoàn Thu Ánh Điểm	- Giảng viên BM.GDTC	Thành viên Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách 2 &1
4	TS. Đặng Thị Kim Quyên	- Giảng viên BM.GDTC	Thành viên Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách 2
5	ThS. Châu Hoàng Cầu	- Giảng viên BM.GDTC	Thành viên Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách 3&4
6	TS. Phan Việt Thái	- Giảng viên BM.GDTC	Thành viên Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách 3
7	ThS. Phạm Như Hiếu	- Giảng viên BM.GDTC	Thành viên Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách 4&3
8	ThS. Tống Lê Minh	- Giảng viên BM.GDTC	Thành viên Ban thư ký, nhóm công tác chuyên trách 4
9	ThS. Đào Phong Lâm	- Phó Giám đốc TT.QLCL	Thành viên Ban thư ký, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1&2
10	KS. Nguyễn Thị Trinh	- Chuyên viên TT.QLCL	Thành viên Ban thư ký, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 3&4

(Danh sách có 10 thành viên)

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Hà Thanh Toàn

MỤC LỤC

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT	i
DANH MỤC BIỂU BẢNG, HÌNH, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ	iii
PHẦN I: KHÁI QUÁT	1
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	10
Tiêu chuẩn 1	10
Tiêu chuẩn 2	17
Tiêu chuẩn 3	22
Tiêu chuẩn 4	29
Tiêu chuẩn 5	36
Tiêu chuẩn 6	44
Tiêu chuẩn 7	58
Tiêu chuẩn 8	67
Tiêu chuẩn 9	77
Tiêu chuẩn 10	86
Tiêu chuẩn 11	97
PHẦN III: KẾT LUẬN	110
PHẦN IV: PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1	BCN	Ban chủ nhiệm
2	BLQ	Bên liên quan
3	BM	Bộ môn
4	BM GDTC	Bộ môn Giáo dục thể chất
5	CBQL	Cán bộ quản lý
6	CBVC	Cán bộ viên chức
7	CĐR	Chuẩn đầu ra
8	CTCT	Công tác chính trị
9	CTĐT	Chương trình đào tạo
10	CTSV	Công tác sinh viên
11	CVHT	Cố vấn học tập
12	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
13	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
14	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
15	ĐHCT	Đại học Cần Thơ
16	ĐT	Đào tạo
17	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
18	GDTC	Giáo dục thể chất
19	GS	Giáo sư
20	GV	Giảng viên
21	HCM	Hồ Chí Minh
22	HP	Học phần
23	HSSV	Học sinh sinh viên
24	HV	Học viên
25	KHTH	Kế hoạch tổng hợp
26	KT/ĐG	Kiểm tra/ Đánh giá
27	KTSP	Kiến tập sư phạm
28	KTX	Kí túc xá
29	LVTN	Luận văn tốt nghiệp
30	NCKH	Nghiên cứu khoa học
31	NCV	Nghiên cứu viên
32	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
33	PGS	Phó giáo sư
34	PPGD	Phương pháp giảng dạy

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
35	PTTH	Phổ thông trung học
36	QĐ	Quyết định
37	QLCL	Quản lý chất lượng
38	QLKH	Quản lý khoa học
39	QTTB	Quản trị thiết bị
40	SV	Sinh viên
41	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
42	TCCB	Tổ chức cán bộ
43	TĐTT	Thể dục thể thao
44	TĐG	Tự đánh giá
45	THPT	Trung học phổ thông
46	TLTN	Tiểu luận tốt nghiệp
47	TP	Thành phố
48	TS	Tiến sĩ
49	TSKH	Tiến sĩ khoa học
50	TT CNPM	Trung tâm Công nghệ phần mềm
51	TTQTM	Trung tâm quản trị mạng
52	TTSP	Thực tập sư phạm
53	VC-NLĐ	Viên chức - người lao động

DANH MỤC BIỂU BẢNG, HÌNH, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

THỨ TỰ	TÊN BIỂU BẢNG, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ	TRANG
Bảng 1.1	Nội dung mục tiêu đào tạo ngành GDTC	11
Bảng 3.1	Các học phần trong CTDH phục vụ CDR của CTĐT ngành GDTC	25
Bảng 3.2	Cơ cấu phân bố tín chỉ (TC) theo khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành	28
Bảng 6.1	Số lượng giảng viên (tính đến tháng 12 năm 2019) năm học 2018-2019	48
Bảng 6.2	Tỷ lệ giảng viên/người học (cụ thể phương pháp tính toán sử dụng FTE cho người học) năm học 2018-2019	49
Bảng 6.3	Quy định giờ chuẩn của giảng viên theo chức danh, học vị và công việc	49
Bảng 6.4	Thống kê các đề tài và hoạt động NCKH của bộ môn từ 2014 – 2019	57
Bảng 7.1	Số lượng nhân viên (Trường ĐHCT tính đến tháng 12 năm 2019)	60
Bảng 7.2	Số lượng đội ngũ CBVC phục vụ thuộc BM.GDTC, giai đoạn 2014 – 2019	61
Bảng 8.1	Tổng số sinh viên ghi danh vào chương trình GDTC trong 5 năm gần nhất	70
Bảng 9.1	Thống kê hiện trạng CSVC của Trường năm 2016	78
Bảng 9.2	Thống kê trang thiết bị, dụng cụ TDDT phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học ngành GDTC	82
Bảng 9.3	Thống kê kinh phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ TDDT hàng năm giai đoạn 2015-2019	83
Bảng 10.1	Bảng thống kê các đề tài, bài báo của đơn vị giai đoạn 2015 – 2019	92
Bảng 11.1	Bảng tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học các khóa ngành GDTC	98
Bảng 11.2	Thời gian tốt nghiệp trung bình 5 khoá gần nhất ngành GDTC	102
Bảng 11.3	Bảng thống kê số lượng NCKH của sinh viên ngành GDTC	106
Sơ đồ 1	Sơ đồ tổ chức Trường Đại học Cần Thơ	6
Sơ đồ 2	Sơ đồ tổ chức Bộ môn GDTC	8
Sơ đồ 3	Ma trận chương trình dạy học ngành GDTC	24
Biểu đồ 11.1	Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm giai đoạn 2016 – 2019	104

PHẦN I

KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1 Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí. Báo cáo gồm 4 phần chính sau:

Phần I. Khái quát:

Giới thiệu tổng quan về nội dung của báo cáo, quá trình tổ chức thực hiện báo cáo, trách nhiệm của các bộ phận liên quan, các thông tin cơ bản về CTĐT và cơ sở đào tạo.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Mô tả và phân tích theo yêu cầu các tiêu chí đánh giá kiểm định chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT về các mặt sau:

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên

Tiêu chuẩn 7. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Phần III. Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh và điểm yếu của CTĐT được đánh giá và đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Phần IV. Phụ lục

Danh mục minh chứng cho các tiêu chuẩn đánh giá.

Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

Kế hoạch chi tiết tự đánh giá.

Quy định về mã hóa các minh chứng: Trong báo cáo tự đánh giá, các minh chứng được mã hóa theo quy định sau: Mã minh chứng (**Hn.ab.cd.ef**), trong đó:

H: Viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

n: Số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết

ab: Số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: Số thứ tự của tiêu chí (Tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

ef: Số thứ tự của minh chứng theo từng vị trí minh chứng trong hộp (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

1.1.2 Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá chương trình

Kiểm định chất lượng CTĐT là yêu cầu tất yếu trong công tác quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục, là phương thức xác định mức độ đáp ứng của chương trình đối với các mục tiêu đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của BM GDTC, Trường ĐHCT.

Theo qui định về kiểm định chất lượng CTĐT trong Trường ĐHCT, BM GDTC đã triển khai tự đánh giá CTĐT cử nhân GDTC (nhằm đánh giá chất lượng giáo dục so với mục tiêu đặt ra và nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng mục tiêu đào tạo trong giai đoạn mới; giải trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng người lao động lựa chọn nhân lực).

TĐG CTĐT là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng CTĐT, với mục đích chính là tự xem xét, đánh giá trên cơ sở tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT cử nhân GDTC làm cơ sở để Trường ĐHCT và BM GDTC tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của nhà trường đối với xã hội và cộng đồng.

TĐG CTĐT không chỉ là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để Trường ĐHCT và BM GDTC cải tiến chất lượng của CTĐT cử nhân GDTC, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. TĐG CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ

liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

Căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao và các quy định về kiểm định chất lượng CTĐT, Hiệu trưởng trường ĐHCT đã ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT Cử nhân GDTC (Quyết định số: 3404/QĐ-ĐHCT, ngày 18 tháng 09 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT). Hội đồng gồm có 13 thành viên (*xem tại bảng Danh sách HĐ TĐG CTĐT ngành GDTC*) với sự tham gia đầy đủ của Ban Giám hiệu, Ban chủ nhiệm BM GDTC, trưởng các phòng chức năng, đại diện GV và đại diện SV.... Hội đồng Tự đánh giá đã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện kế hoạch TĐG và viết báo cáo TĐG theo từng mảng công việc được phân công cụ thể trong Kế hoạch chi tiết (*Phần phụ lục*). Chủ tịch Hội đồng TĐG là Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác ĐBCL là Phó Chủ tịch thường trực, chịu trách nhiệm chỉ đạo và điều hành tất cả các hoạt động của Hội đồng và sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong trường. TT. QLCL tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; BM GDTC phối hợp với các Phòng/Ban/Trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, hệ thống các minh chứng. Ngoài ra, các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT được đánh giá và sinh viên có trách nhiệm tham gia tất cả các hoạt động TĐG.

Công cụ đánh giá: Công cụ được sử dụng để tự đánh giá chất lượng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT, được ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

Phương pháp đánh giá: Dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Bộ môn GDTC đã tiến hành xem xét theo các phương pháp sau:

- Thu thập thông tin, minh chứng
- Lấy ý kiến phản hồi từ những người liên quan
- Mô tả để làm rõ thực trạng của Bộ môn GDTC theo từng tiêu chí.
- Phân tích, so sánh đối chiếu, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại để từ đó đi đến những nhận định tự đánh giá cuối cùng
- Xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng, có chỉ rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện

Quy trình tự đánh giá

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG

Bước 2: Xác định mục đích, phạm vi TĐG

Bước 3: Lập kế hoạch TĐG

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được

Bước 6: Viết báo cáo TĐG

Từ tháng 11/2019, các thành viên trong nhóm chuyên trách bắt đầu thu thập minh chứng, mã hóa thông tin, xây dựng đề cương và bắt đầu viết báo cáo các tiêu chí. Đầu tháng 12/2019 Ban thư kí bắt đầu tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành tiêu chuẩn, đọc nhận xét báo cáo từng tiêu chí, đồng thời viết báo cáo phân tổng quan chung đánh giá thu thập thêm thông tin bổ sung và hoàn thiện hồ sơ minh chứng.

Đến giữa tháng 2/2020, dự thảo báo cáo TĐG lần 1 và hồ sơ minh chứng của chương trình được hoàn thành. Hội đồng TĐG đọc thẩm định và thông qua trước khi gửi tới bộ phận ĐBCL để lấy ý kiến góp ý và nhận xét. Đến tháng 04/2020 báo cáo tự đánh giá được gửi tới các thành viên Hội đồng TĐG. BM GDTC tiếp tục tiến hành chỉnh sửa bổ sung theo ý kiến của trường ĐHCT, TT.QLCL, các Phòng/Ban/Trung tâm trong trường để hoàn thiện báo cáo. Từ tháng 05/2020 đến tháng 06/2020 Trường ĐHCT chuẩn bị các điều kiện để tổ chức và triển khai đánh giá ngoài CTĐT.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Cần Thơ

Trường ĐHCT được thành lập ngày 31/03/1966 với tên gọi ban đầu là Viện ĐHCT, là trường công lập đa ngành và trọng điểm trực thuộc Bộ GD&ĐT ở vùng ĐBSCL, là thành viên của tổ chức AUN (từ tháng 07/2013). Hoạt động duy trì và cải tiến chất lượng theo hướng tiếp cận chuẩn mực chất lượng quốc gia và quốc tế là chủ trương nhất quán của Trường. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả và công nhận chất lượng với số phiếu tán thành đạt tỷ lệ 92,86%. Năm 2016, QS University Rankings Asia xếp hạng Trường trong nhóm 251 - 300 trường đại học hàng đầu Châu Á. Năm 2018, Trường ĐHCT còn là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển thành Trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay Trường đào tạo 98 chuyên ngành đại học (trong đó có 2 CTĐT tiên tiến, 3 CTĐT chất lượng cao), 45 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 16 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

Chức năng và nhiệm vụ của Trường ĐHCT được xác định theo CV số 12/TCCB ngày 02/01/1996 của Bộ GD&ĐT và được điều chỉnh, bổ sung theo quy hoạch phát triển tổng thể của Trường trong từng thời kỳ Trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ “đào tạo, NCKH (NCKH), chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Song song với công tác đào tạo, Trường thực hiện các chương trình NCKH, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa và xã hội của vùng”.

Trường ĐHCT tranh thủ được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương ĐB.SCL trong các lĩnh vực đào tạo, hợp tác khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Trường đã mở rộng quan hệ hợp tác khoa học kỹ thuật với nhiều tổ chức quốc tế, trường đại học và viện nghiên cứu trên thế giới. Thông qua các chương trình hợp tác, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, tài liệu thông tin khoa học được bổ sung.

Trường ĐHCT đã xác định mục tiêu phát triển của Trường đến 2022 tại các quy hoạch phát triển tổng thể của Trường; tuyên bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi tại Quyết định số 1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/04/2014 (<https://sj.ctu.edu.vn/ql/docgia/baocaothuongnien-2019.html>), cụ thể như sau:

Tầm nhìn (Vision)

Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022.

Sứ mệnh (Mission)

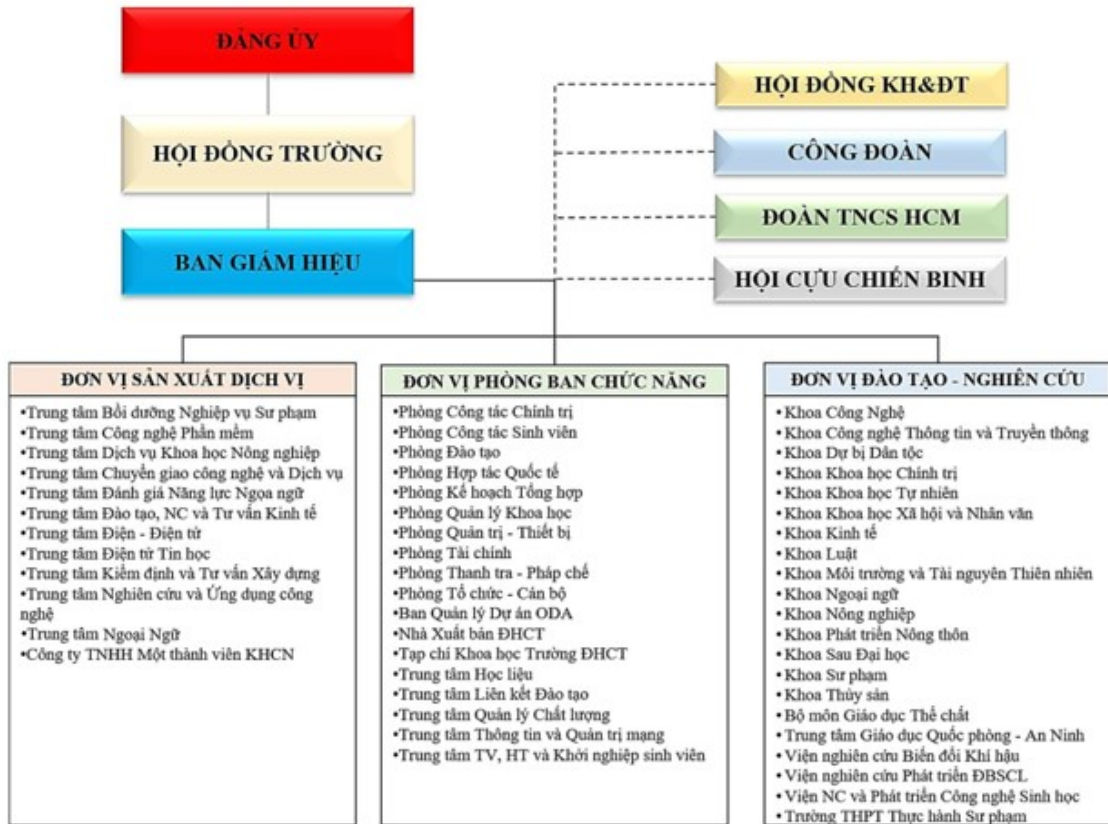
Sứ mệnh của Trường ĐHCT là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL.

Giá trị cốt lõi (Core Values)

Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

Consensus - Devotion - Quality – Innovation.

Sơ đồ 1 : Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCT



1.2.2 Thông tin chung về Bộ môn Giáo dục thể chất

Lịch sử phát triển BM GDTC:

Năm 1976 với tên gọi Bộ môn Thể dục Thể thao được thành lập và ghép chung với Bộ môn Quân Sự gọi là Bộ môn Quân Thể;

Năm 1984: Bộ môn Thể dục trực thuộc Phòng Đào tạo;

Năm 1987, Bộ môn Thể dục trực thuộc Trường ĐHCT;

Năm 1996, đổi tên thành Bộ môn Giáo dục Thể chất trực thuộc Trường ĐHCT và duy trì cho đến nay.

BM GDTC rất chú trọng công tác phát triển đội ngũ giảng viên, hằng năm Bộ môn đều có xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng giảng viên, đáp ứng nhu cầu đào tạo sinh viên ngành giáo dục thể chất. Tính tại thời điểm 31/12/2019, BM GDTC có tổng số 18 giảng viên có trình độ đạt 100% từ thạc sĩ trở lên, và 3 chuyên viên, nhân viên trong đó: giảng viên chính 09 GV; giảng viên có trình độ tiến sĩ là 05 và có 05 GV đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

Trường ĐHCT phân công BM GDTC thực hiện chức năng và nhiệm vụ: giảng dạy các môn thể dục thể thao cho sinh viên chuyên và không chuyên ngành giáo dục thể chất, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động phong trào TDTT phục vụ cho việc phát triển giáo dục đào tạo và thể chất cho khu vực ĐBSCL, cụ thể:

- *Công tác đào tạo*: Từ khi được thành lập đến năm 2004, BM GDTC được Ban Giám hiệu Trường ĐHCT giao nhiệm vụ đào tạo sinh viên ngành Sư phạm TDTT, nay là ngành GDTC ở trình độ cử nhân, là đơn vị đào tạo ngành GDTC đầu tiên ở khu vực ĐBSCL. Với vai trò đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia, năm 2015 Trường Đại học Cần Thơ giao nhiệm vụ BM GDTC đào tạo thạc sĩ ngành GDTC và hiện nay đang đào tạo khóa thứ 2 (liên kết với Trường Đại học TDTT TP HCM) với sĩ số 24 học viên, khóa này tốt nghiệp vào năm 2020. Ngoài ra, trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2019 công tác đào tạo ngắn hạn cũng được Trường Đại học Cần Thơ và BM GDTC phối hợp cùng các Liên đoàn, các huấn luyện viên, đã tổ chức nhiều khóa huấn luyện chuyên môn cho các GV trường đại học, cao đẳng, các giáo viên THPT trong khu vực ĐBSCL, cụ thể như: Tập huấn thể dục nhịp điệu (Aerobic), Taekwondo, Võ Cổ truyền, Trọng tài Bóng đá, Khiêu vũ thể thao...nhằm cung cấp những kiến thức chuyên môn cần thiết đáp ứng công tác đào tạo các cấp hiện nay.

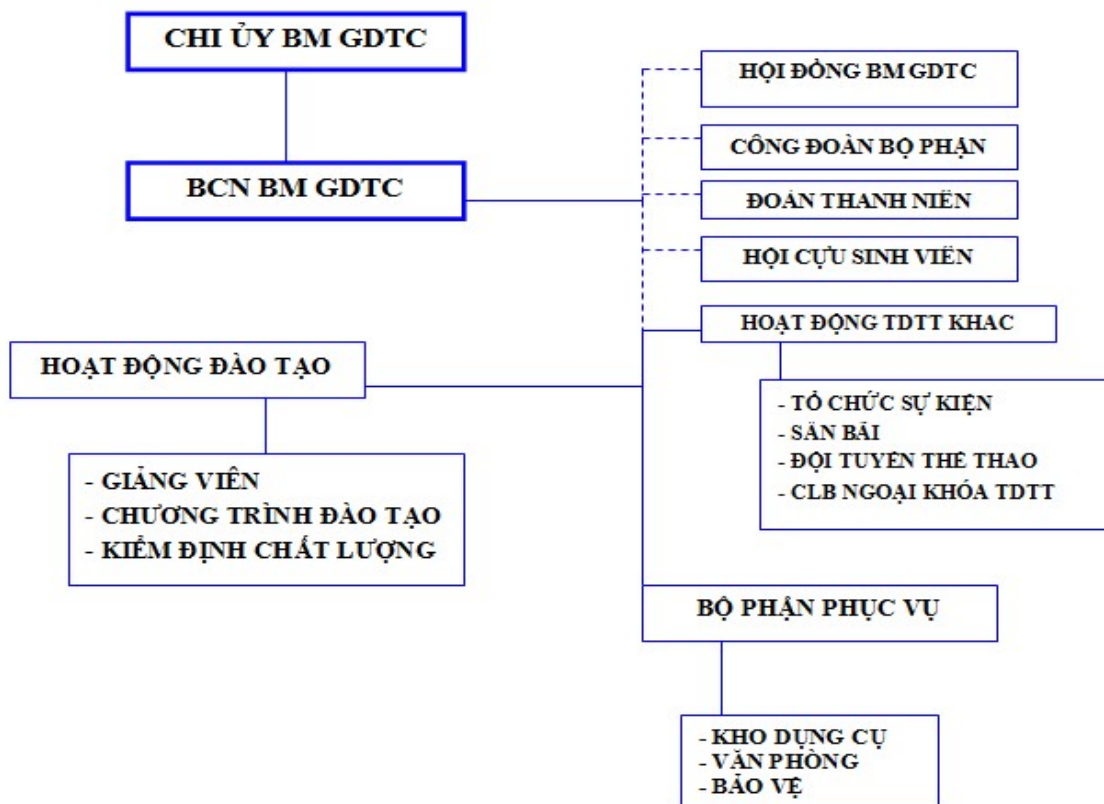
- *Công tác nghiên cứu khoa học*: Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được Ban Giám hiệu Trường ĐHCT rất quan tâm và chỉ đạo BM GDTC xây dựng kế hoạch đăng cai tổ chức với 6 kỳ Hội thảo NCKH liên tiếp ở cấp khu vực và cấp Quốc gia, được Vụ GDTC - Bộ GD&ĐT cùng với Hội Thể thao Đại học và Chuyên nghiệp ĐBSCL phối hợp tổ chức rất thành công, đã quy tụ được trên 30 trường Đại học trên cả nước tham gia vào Hội thảo NCKH, với kết quả này Trường ĐHCT là một trong ba trường tổ chức đăng cai thường xuyên nhất đối với hội thảo NCKH ở lĩnh vực TDTT. Bên cạnh đó, các GV còn tham gia viết bài đăng các tạp chí trong và ngoài nước, tham gia làm chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực TDTT và biên soạn các giáo trình giảng dạy...

- *Công tác tổ chức các phong trào TDTT*: Tổ chức thành công 39 kỳ Hội thao truyền thống toàn trường thu hút rất đông sinh viên và cán bộ tham gia; phối hợp với

Công đoàn Trường ĐHCT tổ chức Hội thao công đoàn cho cán bộ hằng năm. Đã tham gia nhiều hoạt động TDTT cấp Tỉnh và Thành phố và giải sinh viên toàn quốc... đạt nhiều thành tích cao. Đồng thời, Trường ĐHCT cũng là nơi đăng cai tổ chức nhiều sự kiện TDTT cho TP, cho khu vực và cho Bộ GD&ĐT, cụ thể: Giải Hội thao truyền thống Sacombank, Giải bóng chuyền trẻ khu vực, Giải Boxing Toàn quốc, Giải Vovinam toàn quốc...

Với các thế mạnh và thành tựu này, Trường ĐHCT được tặng nhiều Bằng khen danh giá. Riêng về công tác thể dục thể thao thì được Hội Thể thao Đại học và Chuyên nghiệp ĐBSCL gởi danh sách đề nghị Trung Ương Hội Thể thao Việt Nam tặng bằng khen 6 năm liên tiếp từ năm 2014 đến nay đối với tập thể và cá nhân có nhiều thành tích đóng góp cho quá trình thành công của Hội.

Sơ đồ tổ chức BM GDTC



* Sứ mạng (Mission)

BM GDTC Trường ĐHCT, thực hiện giảng dạy các môn thể dục thể thao cho sinh viên chuyên và không chuyên ngành giáo dục thể chất, thực hiện các hoạt động

ngiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động phong trào TĐTT phục vụ cho việc phát triển giáo dục đào tạo và thể chất cho khu vực ĐBSCL.

*** Tầm nhìn (Vision)**

Đến năm 2022, BM GDTC Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổ chức các phong trào chất lượng tốt nhất trong khu vực ĐBSCL, góp phần nâng cao chất lượng bền vững cho trường ĐHCT.

Cơ cấu điều hành hoạt động đào tạo của BM GDTC gồm các thành phần sau:

- Ban chủ nhiệm BM GDTC: gồm trưởng Bộ môn và 02 phó trưởng Bộ môn.
- Tổ văn phòng : 02 VC và 01 NLĐ.
- Bộ môn hiện có 01 Chi ủy trực thuộc BM GDTC (11 đảng viên), 01 Công đoàn Bộ phận (21 công đoàn viên); 01 hội cựu chiến binh trực thuộc trường (02 đồng chí) và 01 hội cựu sinh viên thành lập từ đầu tháng 4/2016.
- Hội đồng khoa học BM.

BM GDTC phấn đấu đến năm 2022 sẽ theo tiến trình trở thành Khoa GDTC.

PHẦN II

TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mở đầu

CTĐT trình độ cử nhân ngành GDTC đã được xây dựng theo quy chế đào tạo đại học ở Trường ĐHCĐ và của Bộ GD&ĐT. CTĐT được ban hành năm 2004, được bổ sung cập nhật, chuyển đổi phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ năm 2007, bổ sung cập nhật định kỳ năm 2010. Đến năm 2013, CTĐT trình độ đại học ngành GDTC tiếp tục được điều chỉnh và được ban hành theo Công văn số 2097/KH-ĐHCĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHCĐ. Trên cơ sở đó, các mục tiêu đào tạo đã được cụ thể hóa, có tính khả thi hơn trong khi thực hiện đào tạo. CDR của CTĐT cử nhân ngành GDTC được xây dựng cụ thể, rõ ràng, có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

BM GDTC, Trường ĐHCĐ xây dựng và vận hành CTĐT dựa trên những kiến thức, kỹ năng mà người học có thể tiếp thu được và thể hiện thành công sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDTC chú trọng vào các kết quả học tập, kiến thức, kỹ năng và thái độ được xác định rõ ràng. Quá trình xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDTC chú trọng xem xét nhu cầu của các bên liên quan.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Mục tiêu CTĐT ngành GDTC nhằm thực hiện sứ mệnh đào tạo giáo viên GDTC có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, góp phần vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện con người, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu được xác định cụ thể, rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHCĐ, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. [H1.01.01.01].

CTĐT ngành GDTC đáp ứng tiêu chuẩn theo Luật giáo dục đại học của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định. Mục tiêu đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực

hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

Bảng 1.1: Nội dung mục tiêu đào tạo ngành GDTC

Yêu cầu	Định hướng nhân lực đào tạo	Năng lực và phẩm chất	Vị trí việc làm
Mục tiêu đào tạo	Đào tạo giáo viên GDTC	<ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, góp phần vào sự nghiệp giáo dục và Đào tạo, phát triển toàn diện con người, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ Đào tạo. - Có đủ kiến thức và khả năng tiếp tục theo học các CTĐT sau đại học và phát triển nghiên cứu khoa học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy môn học Giáo dục thể chất ở các bậc học thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân. - Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý xã hội về TDTT. - Huấn luyện viên tại các đơn vị TDTT cơ sở, các câu lạc bộ TDTT.

CTĐT ngành GDTC xây dựng các yêu cầu kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn và được phổ biến tích cực ngay từ đầu khóa học để sinh viên nắm rõ đích đến cần phải đạt được xuất phát từ sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu đào tạo của trường ĐHCT là *“trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022”* và sứ mạng là *“trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường Đại học Cần Thơ là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL”* [H1.01.01.06], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12].

Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành GDTC được xây dựng có hệ thống, tuân theo các quy định, yêu cầu về đào tạo giáo viên trình độ cử nhân và có tham khảo ý kiến của các BLQ [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHCT, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học là đào tạo giáo viên giảng dạy môn thể dục trong các cơ sở giáo dục.

3. Điểm tồn tại

BM GDTC chưa khảo sát đầy đủ các BLQ trong giai đoạn xây dựng mục tiêu đào tạo và CĐR

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, BM GDTC hoàn thiện mục tiêu CTĐT ngành GDTC đã khảo sát, tham khảo ý kiến của các BLQ.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả

CTĐT ngành GDTC bao gồm 140 TC, được xây dựng CĐR rõ ràng, bao quát cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT theo yêu cầu. [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT ngành GDTC được xây dựng cụ thể, rõ ràng bao quát yêu cầu chung, bao gồm kiến thức và kỹ năng theo qui định của công văn số 2196/BGDĐT và thông tư số 07/TT-BGDĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR bao gồm: tên ngành đào tạo; trình độ đào tạo; yêu cầu kiến thức (chuyên môn, năng lực nghề nghiệp...); yêu cầu về kỹ năng; yêu cầu về thái độ; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; khả năng học tập nâng cao trình độ; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. CĐR ngành đào tạo của nhân GDTC có các khối kiến thức bao gồm đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành; kỹ năng bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm:

Khối kiến thức giáo dục đại cương

1) Khái quát được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; kiến thức về sức

khỏe, kiến thức về giáo dục quốc phòng để đáp ứng các yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2) Vận dụng kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, khoa học xã hội và nhân văn trong công việc, học tập và cuộc sống.

3) Vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

4) Thể hiện kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.

5) Thể hiện kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và khai thác sử dụng Internet đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.

Khối kiến thức cơ sở ngành

6) Nắm vững kiến thức cơ bản về ngành học, mục tiêu, những yêu cầu nghề nghiệp.

7) Nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

8) Áp dụng hiệu quả các kiến thức khoa học để làm việc trong ngành thể thao nói chung và ngành giáo dục thể chất nói riêng.

9) Vận dụng kiến thức khoa học giáo dục vào tổ chức kiểm tra đánh giá người học.

10) Vận dụng kiến thức nghiên cứu khoa học để tham gia và thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục thể chất.

Khối kiến thức chuyên ngành

11) Nắm vững hệ thống kiến thức chuyên ngành, thành thạo kỹ - chiến thuật và phương pháp huấn luyện, tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài ở một số môn Thể thao phổ biến trong phong trào thể thao quần chúng, kiến thức cơ bản và kỹ năng vận động cần thiết ở một số môn Thể thao trong nhà trường trung học phổ thông.

12) Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào phân tích, đánh giá môn học Giáo dục thể chất, một số môn thể thao phổ biến hiện hành.

13) Nắm vững kiến thức cơ bản quá trình phát triển sinh lý theo lứa tuổi - giới tính và đặc điểm thích nghi của lứa tuổi với hoạt động thể lực.

14) Cụ thể hóa được các phương pháp, thủ thuật giảng dạy đặc thù của môn học thể dục thể thao nhằm phát huy tính tích cực, phát triển tư duy và rèn luyện phát triển các tố chất thể lực của học sinh qua đó phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao.

Kỹ năng chuyên môn (kỹ năng cứng)

15) Thực hiện chương trình, tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn học giáo dục thể chất (Thể dục) cho học sinh – sinh viên trong các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

16) Hướng dẫn, tổ chức thực hành các môn thể thao trong CTĐT.

17) Tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường.

18) Tham gia và thực hiện công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực GDTC.

19) (Sinh viên tốt nghiệp phải) Đáp ứng các tiêu chuẩn vận động viên cấp II ở môn thể thao nâng cao và tiêu chuẩn vận động viên cấp III ở 02 môn thể thao phổ tu tự chọn.

Kỹ năng mềm

20) Giao tiếp, ứng xử với học sinh và đồng nghiệp đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục và xử lý tốt các tình huống sư phạm trong quá trình giảng dạy, quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên.

21) (Ngoại ngữ) Giao tiếp phổ thông và trong công việc bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu được nội dung các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

22) (Tin học) Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet đáp ứng nhu cầu công việc, học tập.

CĐR của CTĐT ngành GDTC xác định rõ ràng, cụ thể các yêu cầu chung và khái quát được năng lực của người học sau khi tốt nghiệp. Trường ĐHCT đã ban hành văn bản và tổ chức tập huấn viết chuẩn đầu ra theo thang năng lực nhận thức, kỹ năng và thái độ. [H1.01.02.08], [H1.01.02.09].

2. Điểm mạnh

CĐR CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, bao quát các yêu cầu của CTĐT, rõ ràng cụ thể về các khối kiến thức, kỹ năng, thái độ, xác định vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT ngành GDTC được xây dựng chưa chú trọng tham khảo ý kiến của các BLQ, đặc biệt là ý kiến nhà tuyển dụng, yêu cầu xã hội đối với SVTN ngành GDTC.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, BM GDTC tiếp tục xây dựng kế hoạch lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan, nhằm hoàn thiện, cụ thể những CĐR mà nhà tuyển dụng, xã hội yêu cầu đối với SVTN ngành GDTC.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CTĐT cử nhân ngành GDTC đã được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu, quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT trên cơ sở ý kiến các Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp. Trường ĐHCT đã quyết định xây dựng và điều chỉnh CTĐT kết hợp điều chỉnh CĐR theo chu kỳ 5 năm 1 lần [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03].

Năm 2013, BM GDTC tiếp tục cập nhật, hoàn chỉnh các CTĐT về xây dựng chương trình cử nhân ngành GDTC theo tiêu chuẩn đầu ra theo QĐ số: 4946/QĐ-ĐHCT ngày 30/10/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT. Trong lần cập nhật điều chỉnh này, Phòng ĐT, BM GDTC đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là của các nhà tuyển dụng. BM GDTC đã xây dựng chuẩn đầu ra và bổ sung hoàn thiện CTĐT theo chuẩn đầu ra. CĐR của CTĐT cử nhân ngành GDTC đã xác định được chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được, chuẩn đầu ra về kiến thức đã bám sát từng khối kiến thức, chuẩn về kỹ năng đã thể hiện được chuẩn nghề nghiệp, các nhân, xã hội, chuẩn về phẩm chất đạo đức. CĐR của chương trình được cụ thể hóa qua CĐR của từng học phần được cập nhật, chỉnh sửa hằng năm cho hoàn thiện hơn và cung cấp cho sinh viên vào đầu khóa học. [H1.01.03.04].

CTĐT cử nhân ngành GDT được rà soát chỉnh sửa (trong đó có rà soát chỉnh sửa CĐR) theo đúng quy trình và yêu cầu của trường ĐHCT. Nhà trường quyết định thành lập nhóm chuyên gia điều chỉnh chương trình cử nhân ngành GDTC. Trường ĐHCT tổ chức các buổi họp chung với nhóm chuyên gia để thống nhất nội dung điều chỉnh, sau đó nhóm họp riêng và triển khai việc điều chỉnh, cập nhật chương trình cử nhân ngành GDTC ...; nhóm hoàn thành và được hội đồng nghiệm thu của nhà trường đánh giá góp ý; sau khi nhóm chỉnh sửa, Phòng ĐT trình Ban Giám hiệu. Trường ĐHCT tổ chức buổi nghiệm thu chương trình cử nhân ngành GDTC; sau khi chỉnh sửa chương

trình đã được Trường ĐHCT nghiệm thu và ban hành theo Công văn số 2099/CV-ĐHCT, ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng trường ĐHCT; [H1.01.01.02].

Trong quá trình xây dựng chuẩn đầu ra và hoàn thiện CTĐT theo chuẩn, BM GDTC luôn tuân thủ quy định trong các văn bản hướng dẫn của trường ĐHCT; BM GDTC triển khai xây dựng chuẩn đầu ra có sự tham gia của các giảng viên và cán bộ quản lý cũng như tham khảo ý kiến của chuyên gia đầu ngành trong nước, kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra và nhận được những phản hồi tích cực từ phía cán bộ quản lý giáo dục, người học, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07].

Năm 2018, Trường ĐHCT đã ban hành các quyết định và kế hoạch rà soát, điều chỉnh và thẩm định CĐR/CTĐT của các ngành và các văn bản hướng dẫn điều chỉnh CĐR/CTĐT. CĐR của ngành cử nhân GDTC được rà soát và điều chỉnh dựa trên ý kiến của các bên liên quan và kết quả khảo sát vị trí việc làm sinh viên tốt nghiệp các năm 2015, 2016, 2017, 2018. Ma trận về mối liên hệ giữa mục tiêu và CĐR, ma trận về CĐR với các HP cũng được điều chỉnh. CĐR ngành cử nhân GDTC năm 2019 có nhiều thay đổi so với CĐR được ban hành vào năm 2014, cụ thể, xác định rõ ràng, có thể đo được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và các vấn đề liên quan.

CĐR của chương trình Cử nhân ngành GDTC và được công khai rộng rãi trên website của trường: <https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html>; và website BM GDTC: <https://dpe.ctu.edu.vn/images/upload/daotao/TD40.pdf> và thông tin rộng rãi đến sinh viên, các bên liên quan.

Các kiến thức, năng lực và kỹ năng mà người học tiếp thu được từ CTĐT giúp họ có khả năng học lên, phát triển nghề nghiệp và phát triển nhân cách của người quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực giáo dục. [H1.01.03.08].

2. Điểm mạnh

Việc định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật CTĐT cử nhân ngành GDTC, cũng như chương trình chi tiết học phần, đề cương học phần đã được triển khai định kỳ với sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường.

Trong quá tổ chức điều chỉnh, cập nhật CTĐT cử nhân ngành GDTC Nhà trường luôn chú trọng đến nhu cầu xã hội, vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến về CTĐT của các tổ chức giáo dục, tổ chức xã hội. Trong việc tổ chức xây dựng CDR của chương trình giáo dục chưa có sự tham gia trực tiếp của người học và các nhà tuyển dụng, mà mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát thông tin với các đối tượng người học, nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra và CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2020-2021, BM GDTC kết hợp với TT.QLCL và Phòng ĐT của Trường ĐHCT chủ trì xây dựng lộ trình định kỳ hằng năm một lần tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của các cơ sở đào tạo khác, các tổ chức xã hội về CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1

CTĐT cử nhân ngành GDTC đã xác định rõ chuẩn đầu ra trang bị cho người tốt nghiệp kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, những năng lực chuyên môn và nghề nghiệp, những khả năng cần thiết để đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng học ở trình độ cao hơn, học suốt đời, phát triển năng lực nghề nghiệp, phát triển nhân cách và phẩm chất xã hội. Tuy nhiên khả năng chuyển đổi nghề nghiệp của người tốt nghiệp còn hạn chế.

Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 1: Tiêu chuẩn 01 có mức đánh giá trung bình 6.0/7

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT cử nhân ngành GDTC được thiết kế, xây dựng theo đúng quy trình, cấu trúc chương trình do Bộ GD&ĐT và Trường ĐHCT quy định.

Trên cơ sở sứ mạng, mục tiêu chiến lược, căn cứ chương trình khung của Bộ GD&ĐT ban hành và quy định về xây dựng CTĐT của Trường ĐHCT căn cứ chuẩn đào tạo cử nhân ngành GDTC, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT ngành GDTC biên soạn CTĐT cử nhân ngành GDTC với sự tham gia của các giảng viên, chuyên gia đào tạo, chuyên gia đầu ngành và các cán bộ quản lý CTĐT. CTĐT cử nhân ngành GDTC đã được thẩm định cấp cơ sở và cấp trường và đã được Hiệu trưởng Trường ĐHCT ký quyết định ban hành.

Dựa trên chương trình đã được phê duyệt, BM GDTC đã xây dựng bản mô tả CTĐT cử nhân ngành GDTC với đầy đủ thông tin và được thông báo công khai tới các đối tượng liên quan. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC là tài liệu chính thống của Nhà

trường, cung cấp thông tin đầy đủ và chi tiết về CTĐT cho giảng viên, sinh viên, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, học sinh và các hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

CTĐT cử nhân ngành GDTC được xây dựng trên cơ sở chương trình khung giáo dục đại học khối ngành sư phạm của Bộ GD & ĐT và CTĐT ngành cử nhân GDTC tại Trường ĐHCT với mã ngành 52140206 [H2.02.01.01], năm 2018 đổi thành mã ngành 7140206 [H2.02.01.02]

Dựa trên CTĐT đã được Hiệu trưởng Trường ĐHCT phê duyệt, BM GDTC đã xây dựng bản mô tả CTĐT cử nhân ngành GDTC với đầy đủ thông tin như: cơ sở cấp bằng; cơ sở đào tạo, giảng dạy; kiểm định chất lượng; tên văn bằng; tên chương trình; chuẩn đầu ra của chương trình; yêu cầu tuyển sinh; các chương trình chuẩn mà chương trình tham khảo so sánh; cấu trúc CTĐT; thời điểm xây dựng bản mô tả ... Trong bản mô tả CTĐT, BM GDTC cũng cung cấp rõ cho các đối tượng liên quan cấu trúc của khóa học, tóm tắt các học phần, các chuẩn đầu ra về năng lực mà người học có thể đạt được sau khi hoàn thành khóa học. [H2.02.01.01].

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành GDTC sau khi xây dựng, được các giảng viên Khoa sư phạm và các giảng viên có nhiều kinh nghiệm góp ý, Trường ĐHCT phê duyệt năm 2014. Bản mô tả CTĐT ngành cử nhân GDTC được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan một cách thường xuyên theo Kế hoạch chung của Nhà trường. Năm 2015, dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ban hành quy định về khối kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học. Trường ĐHCT ra QĐ số 5002/QĐ-ĐHCT về việc ban hành CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC năm 2015 khác biệt so với năm 2014 ở điểm: học phần Kỹ năng mềm (KN001) được bổ sung thêm vào khối kiến thức đại cương.

Năm 2018, Trường ĐHCT ban hành kế hoạch thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT, quyết định thành lập tổ thư ký, tổ điều chỉnh CTĐT căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Bản mô tả CTĐT mới được hướng dẫn điều chỉnh năm 2018 cơ bản giống như phiên bản năm 2015, tuy nhiên có một số điểm thay đổi khác biệt như sau: mã ngành: 7140206 [H2.02.01.04]; các nhóm học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm thay đổi cho phù hợp với các ngành đào tạo giáo viên thuộc

trường; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành tăng tỷ lệ học phần tự chọn... Sự điều chỉnh, thay đổi CTĐT nhằm phát huy ưu điểm của Trường ĐHCT là trường đa ngành, đa lĩnh vực; sử dụng hiệu quả nguồn lực giảng viên và cơ sở vật chất của Nhà trường.

Việc tổ chức thực hiện CTĐT, giảng dạy các học phần của CTĐT cử nhân ngành GDTC được dựa trên cơ sở kế hoạch đào tạo đã xây dựng và mô tả trong chương trình, được thông báo cho người học trước khi bắt đầu CTĐT, kèm lịch trình giảng dạy cụ thể giúp người học chủ động trong việc lập kế hoạch học tập cho chính bản thân. [H2.02.01.02]. Trên cơ sở CTĐT được Nhà trường phê duyệt, BM GDTC xây dựng Kế hoạch học tập toàn khóa cho sinh viên từng khóa học đầy đủ thông tin và cập nhật hàng năm. Phòng ĐT tiếp nhận Kế hoạch giảng dạy và đăng tải các môn học cho sinh viên lựa chọn, đăng ký.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành GDTC được tổ chức xây dựng, thẩm định theo một quy trình chặt chẽ, được bổ sung cập nhật để phù hợp với mục tiêu đào tạo, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. CTĐT đã được chuyển đổi phù hợp với đào tạo tín chỉ theo các văn bản hướng dẫn của trường ĐHCT.

BM GDTC đã cung cấp bản mô tả CTĐT, kế hoạch giảng dạy của khóa học, lịch giảng dạy từng học kỳ, học phần cho các phòng chức năng, giảng viên và sinh viên, nhờ vậy nâng cao tính tự chủ, trách nhiệm và định hướng thực hiện cho cán bộ quản lý, giảng viên; nâng cao tính tự học, tự lập kế hoạch của sinh viên trong quá trình thực hiện chương trình.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT tuy đã mô tả và cập nhật đầy đủ các thông tin, tuy nhiên vẫn chưa tổ chức lấy ý kiến góp ý của các tổ chức hội nghề nghiệp mà mới chỉ dừng lại ở việc lấy ý kiến góp ý của người học và nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, BM GDTC kết hợp với Khoa SP phối hợp với Phòng ĐT tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, các tổ chức hội nghề nghiệp về bản mô tả CTĐT ngành GDTC của nhà trường, để từ đó có kế hoạch chỉnh sửa, rà soát lại CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.

Bộ môn GDTC sẽ định kỳ rà soát, cập nhật bản mô tả chương trình chi tiết, cụ thể hơn, định kỳ đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng bản mô tả CTĐT trước khi bắt đầu mỗi năm học.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

CTĐT ngành GDTC bao gồm 140 TC, bao gồm 89 nhóm HP. Đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng cụ thể thông tin và thường xuyên cập nhật theo quy định chung của Trường ĐHCT [H2.02.02.01]. Đề cương chi tiết HP thể hiện được 11 nội dung là : *tên HP; Đơn vị phụ trách HP; Điều kiện tiên quyết; Mục tiêu của HP; Mô tả tóm tắt nội dung HP; Cấu trúc HP; Phương pháp giảng dạy và đánh giá; Nhiệm vụ của SV; Đánh giá kết quả học tập của SV; Tài liệu học tập và hướng dẫn SV tự học.* Đề cương chi tiết HP thể hiện đầy đủ các thông tin trên để SV chủ động lựa chọn HP sắp xếp vào CTĐT cho phù hợp. [H2.02.02.02].

Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành GDTC được thường xuyên rà soát và điều chỉnh theo qui định. Năm 2018, Trường ĐHCT ban hành mẫu đề cương chi tiết học phần bằng tiếng Việt và tiếng Anh dành cho CTĐT trình độ đại học. Mẫu đề cương chi tiết học phần năm 2018 có một số điều chỉnh so với năm 2014 như sau: phần mục tiêu, mỗi mục tiêu học phần được cập nhật tương ứng với mỗi CDR; mục đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng được chỉ ra mỗi phần đánh giá đáp ứng CDR nào của học phần. Thang năng lực nhận thức, kỹ năng và tình cảm được đưa vào để làm chuẩn căn cứ viết chuẩn đầu ra cho phiên bản mới. Các cập nhật, thay đổi đề cương chi tiết học phần năm 2018, giúp cho việc đánh giá CDR và đánh giá nội dung dạy học đáp ứng mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT ngành GDTC.

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết HP trong CTĐT ngành GDTC được xây dựng đầy đủ, thường xuyên cập nhật theo kế hoạch, yêu cầu chung của trường ĐHCT.

3. Điểm tồn tại

Các nội dung giảng dạy trong đề cương chi tiết các HP chưa được quan tâm, cập nhật theo yêu cầu chung của nhà tuyển dụng, xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 – 2021, BM GDTC cần xây dựng kế hoạch điều chỉnh CDR từng HP phù hợp với CTĐT ngành GDTC và tham khảo ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng về các yêu cầu, tiêu chuẩn cần thiết của SVTN ngành GDTC.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các HP ngành GDTC được công bố trên website của trường ĐHCT (<https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html>) để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bộ môn GDTC giới thiệu đến SV qua tài liệu giới thiệu về ngành đào tạo trong các buổi tư vấn tuyển sinh, website tuyển sinh. [H2.02.03.01].

Các bên liên quan, người học có thể dễ dàng tìm thấy bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành GDTC cũng được công bố công khai trên website của Bộ môn GDTC (<https://dpe.ctu.edu.vn/index.php/thong-tin-dao-tao/de-cuong-chi-tiet>). Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, các thông tin liên quan được bộ phận tuyển sinh của Nhà trường thông tin đến tất cả các đối tượng liên quan. Những thông tin cung cấp cho các bên liên quan đầy đủ, chính xác về năng lực dự kiến, vị trí việc làm SVTN. [H2.02.03.02].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các HP ngành GDTC thông tin đầy đủ, thường xuyên được cập nhật, bổ sung.

3. Điểm tồn tại

Sự tiếp cận thông tin đầy đủ về CTĐT và đề cương chi tiết các HP ngành GDTC của các bên liên quan chưa được chú trọng, thông tin chưa được phổ biến rộng rãi nên các bên liên quan ít được giải đáp kịp thời những vấn đề cần thiết.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2020, BM GDTC cần xây dựng các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường sự tiếp cận thông tin của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành GDTC.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 2

CTĐT cử nhân ngành GDTC đã được chuyển đổi phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ năm 2007. Năm học 2013-2014 thực hiện chủ trương của Trường ĐHCT, BM GDTC đã xây dựng CDR của ngành đào tạo, hoàn thiện CTĐT theo chuẩn. Việc thực hiện bổ sung và hoàn thiện CTĐT đã được thực hiện theo hướng dẫn của Trường ĐHCT, theo đúng quy trình từ khâu thành lập nhóm chuyên gia đến khâu nghiệm thu cấp cơ sở. Các kế hoạch giảng dạy cho mỗi khóa đào tạo, kế hoạch giảng dạy năm học cũng như lịch trình giảng dạy cho từng học phần đều được xây dựng dựa trên hướng dẫn thực hiện chương trình. CTĐT cử nhân ngành GDTC các học phần do trường quản lý đều có đầy đủ đề cương chi tiết, giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, các văn bản khác. Chương trình và đề cương học phần được công bố và phổ biến cho sinh viên trước khi bắt đầu học tập

-Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 2: Tiêu chuẩn 2 có đánh giá trung bình 5.67/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTĐT cử nhân ngành GDTC được chuyển đổi từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ năm 2007, được hoàn thiện theo chuẩn đầu ra đúng theo các quy định của Trường ĐHCT. Chương trình dạy học được tổ chức xây dựng và thẩm định một cách nghiêm ngặt, được Hiệu trưởng trường ĐHCT phê duyệt và ban hành tháng 12 năm 2013. Đến năm 2018, Trường ĐHCT ban hành kế hoạch rà soát, chỉnh sửa CTĐT theo Thông tư 07/2015/BGD&ĐT.

Chương trình dạy học có cấu trúc hợp lý về các khối kiến thức, chú trọng đến sự cân đối giữa các nội dung và đảm bảo tính khoa học, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường ĐHCT, với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của BM GDTC. Các học phần trong chương trình đảm bảo triết lý giáo dục, có tính tích hợp, liên thông, liên ngành, trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của chuẩn đầu ra và đảm bảo được độ sâu rộng của kiến thức.

Tiêu chí 3.1 Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Hệ thống các học phần trong CTĐT ngành cử nhân GDTC được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, phẩm chất theo yêu cầu của CDR. Đề cương các học phần thể hiện rõ những kiến thức mà người học cần tích

lũy, các kỹ năng cần rèn luyện và phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xã hội.

Trường ĐHCT và BM GDTC đã triển khai xây dựng CTĐT cử nhân ngành GDTC theo chuẩn đầu ra với định hướng tích hợp các học phần ít thời lượng, có nội dung tương thích thành các học phần có dung lượng kiến thức lớn, trọn vẹn, đồng thời giảm số lượng học phần bắt buộc trong chương trình và tăng số học phần tự học để đảm bảo tính linh động và phù hợp với nhu cầu của người học. Dựa trên chuẩn đầu ra là đào tạo giáo viên có kiến thức và năng lực chuyên môn vững vàng, CTĐT cử nhân ngành GDTC đã xây dựng khung chương trình đảm bảo độ rộng, độ sâu của kiến thức và kỹ năng của mỗi sinh viên sau khi tốt nghiệp; Độ rộng của các kỹ năng thể hiện ở chuẩn đầu ra bao gồm kỹ năng cá nhân, kỹ năng xã hội, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cần thiết [H3.03.01.01], [H3.03.01.02].

Năm 2013, Trường ĐHCT đã xây dựng kế hoạch và ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị đào tạo trong trường thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan (BLQ), thực hiện điều chỉnh mục tiêu đào tạo, CDR và CTĐT trình độ đại học áp dụng từ khóa đào tạo 40, bắt đầu nhập học vào học kỳ 1 năm học 2014 – 2015. Năm 2015 và 2019, CTĐT ngành GDTC được chỉnh sửa, điều chỉnh theo kế hoạch chung của Nhà trường. Nhiều học phần tự chọn được đưa vào CTDH, giúp người học phát triển những năng lực cá nhân phù hợp. Ngoài ra chương trình dạy học được chỉnh sửa, cập nhật còn xây dựng các học phần tiên quyết, bắt buộc sinh viên phải học trước để đảm bảo tính hệ thống của các khối kiến thức. [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]

Chương trình dạy học ngành GDTC còn chú trọng nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực tư duy và giải quyết vấn đề, kỹ năng vận dụng, năng lực sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, giúp người tốt nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường với chuyên môn và tri thức cao. [H3.03.01.05], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07].

Sơ đồ 3: Ma trận chương trình dạy học ngành GDTC

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)																Thái độ (2.3)									
	Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)																
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)							Kỹ năng mềm (2.2.2)					
	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b					c	d	e	a	b	c
1a	x	x	x	x	x	x	x	x	x											x			x	x	x	x
1b		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1c			x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x		x		x
1d						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành GDTC đã chú trọng đến việc đảm bảo độ rộng, độ sâu của kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra và đáp ứng yêu cầu trình độ đào tạo.

CTDH đã thể hiện được mục tiêu giáo dục, tính liên thông, tạo điều kiện cho người tốt nghiệp tự tin với kiến thức và kỹ năng đã được rèn luyện trong quá trình đào tạo, vận dụng vào thực tế đáp ứng yêu cầu của công việc và của nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Những học phần tự chọn chưa được rà soát, lưu ý đến việc tích hợp thành học phần có dung lượng kiến thức sâu, rộng hơn.

Tính liên ngành của nội dung chương trình chưa được thể hiện rõ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, BM GDTC rà soát lại chương trình dạy học, xem xét lại các học phần tự chọn trong chương trình dạy học, xây dựng đề cương học phần chú trọng tăng độ rộng và độ sâu của kiến thức, theo định hướng tập trung tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình vào các học phần và thể hiện rõ tính liên ngành.

5. Tự đánh giá 6/7

Tiêu chí 3.2 Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

CTDH ngành GDTC được xây dựng bao gồm nhiều khối kiến thức: khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành với 140 TC và 89 nhóm HP. Chương trình dạy học ngành GDTC được xây dựng theo kế hoạch

8 học kỳ với 101 tín chỉ bắt buộc tích lũy, mỗi học kỳ qui định số tín chỉ để sinh viên đăng ký học và tích lũy, ngoài ra còn có học kỳ hè dành cho sinh viên đăng ký học vượt và học cải thiện. [H3.03.01.01], [H3.03.02.01].

Các HP trong CTDH ngành GDTC đóng góp rõ ràng, cụ thể đối với CĐR của CTĐT. Khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung các HP trong CTĐT ngành GDTC đều đạt yêu cầu của CĐR và được góp ý, phản hồi từ các BLQ [H3.03.02.02]. Các HP đều được đánh giá theo các phương pháp thông dụng, phù hợp đối với người học.

Bảng 3.1: Các học phần trong CTDH phục vụ CĐR của CTĐT ngành cử nhân GDTC

Học phần	Chuẩn đầu ra (2)																												
	Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)										Thái độ (2.3)								
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)					Kỹ năng cứng (2.2.1)									Kỹ năng mềm (2.2.2)				
	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d	e	a	b	c	a	b	c	d			
Khối kiến thức giáo dục đại cương	x																					x				x	x	x	x
Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	x																									x	x	x	x
Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	x																									x	x	x	x
Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	x																									x	x	x	x
Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	x																									x	x	x	x
Anh văn căn bản 1 (*)		x			x																					x			
Anh văn căn bản 2 (*)		x			x																					x			
Anh văn căn bản 3 (*)		x			x																					x			
Anh văn tăng cường 1		x	x		x																					x			
Anh văn tăng cường 2		x	x		x																					x			
Anh văn tăng cường 3		x	x		x																					x			
Pháp văn căn bản 1 (*)		x			x																					x			
Pháp văn căn bản 2 (*)		x			x																					x			
Pháp văn căn bản 3 (*)		x			x																					x			
Pháp văn tăng cường 1 (*)		x	x		x																					x			
Pháp văn tăng cường 2 (*)		x	x		x																					x			
Pháp văn tăng cường 3 (*)		x	x		x																					x			
Tin học căn bản (*)		x	x		x																					x			
TT. Tin học căn bản (*)		x	x		x																					x			
Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	x	x	x																						x				x
Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	x	x	x																						x				x
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x																						x				x
Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x																						x				x
Pháp luật đại cương	x	x	x																							x			x
Logic học đại cương	x																												x
Cơ sở văn hóa Việt Nam		x																								x			x
Tiếng Việt thực hành		x																											x
Văn bản và lưu trữ học		x																											

Học phần	Chuẩn đầu ra (2)																											
	Kiến thức (2.1)															Kỹ năng (2.2)									Thái độ (2.3)			
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)					Kỹ năng cứng (2.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)							
	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	a				
đại cương																												
Xã hội học đại cương		x																				x					x	
Kỹ năng mềm		x	x																			x					x	
Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT		x	x																			x				x	x	
Tâm lý học đại cương		x	x																			x					x	
Giáo dục học		x	x																			x				x	x	
Khối kiến thức cơ sở ngành																												
Tâm lý học TĐTT							x	x	x		x											x		x		x	x	
Giáo dục học - TĐTT							x	x	x		x											x		x		x	x	
Lý luận và phương pháp dạy học TĐTT							x	x	x		x											x		x			x	
Giải phẫu người							x	x	x		x											x						
Lý luận và phương pháp TĐTT trường phổ thông							x	x	x		x											x					x	
Vệ sinh học đường							x	x	x																			
Phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT							x	x	x		x																x	
Lịch sử thể dục thể thao							x	x	x		x																x	
Sinh lý học – TĐTT 1							x	x	x		x																	
Sinh lý học – TĐTT 2							x	x	x	x	x																	
Đánh giá môn học Giáo dục thể chất							x	x	x	x	x																	
Thiết kế chương trình môn học GDTC							x	x	x	x	x															x	x	
Tập giảng TĐTT							x	x	x	x																x	x	
Kiểm tập sự phạm – TĐTT							x	x	x	x																	x	x
Thực tập sự phạm – TĐTT							x	x	x	x																	x	x
Khối kiến thức chuyên ngành																												
Sinh hóa – TĐTT																												
Toán thống kê – TĐTT																												
Đo lường – TĐTT																												
Anh văn chuyên môn TĐTT																												
Pháp văn chuyên môn – KHXX																												
Sinh cơ học – TĐTT																												
Y học – TĐTT																												
Taekwondo																												
Phổ tu thể dục																												
Phổ tu bóng bàn																												
Phổ tu đá cầu																												
Công tác Đoàn – Đội và Trò chơi vận động																												
Phổ tu điện kinh																												
Phổ tu bóng chuyền																												
Phổ tu bóng đá																												
Phổ tu cầu lông																												
Điện kinh nâng cao 1																												
Điện kinh nâng cao 2																												
Điện kinh nâng cao 3																												
Điện kinh nâng cao 4																												
Điện kinh nâng cao 5																												
Bóng chuyên nâng cao 1																												

Học phần	Chuẩn đầu ra (2)																													
	Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)										Thái độ (2.3)									
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)					Kỹ năng cứng (2.2.1)						Kỹ năng mềm (2.2.2)								
	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d	e	a		b	c	a	b	c	d			
Bóng chuyên nâng cao 2											x	x		x	x	x	x								x	x	x			
Bóng chuyên nâng cao 3											x	x		x	x	x	x										x	x	x	
Bóng chuyên nâng cao 4											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Bóng chuyên nâng cao 5											x	x		x	x	x	x		x									x	x	x
Bóng đá nâng cao 1											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Bóng đá nâng cao 2											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Bóng đá nâng cao 3											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Bóng đá nâng cao 4											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Bóng đá nâng cao 5											x	x		x	x	x	x		x									x	x	x
Cầu lông nâng cao 1											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Cầu lông nâng cao 2											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Cầu lông nâng cao 3											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Cầu lông nâng cao 4											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Cầu lông nâng cao 5											x	x		x	x	x	x		x									x	x	x
Luận văn tốt nghiệp - TDTT												x		x	x		x	x										x	x	x
Tiểu luận tốt nghiệp - TDTT												x		x					x									x	x	x
Bóng rổ											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Quần vợt											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Bơi lội											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Cờ vua											x	x		x	x	x	x											x	x	x
Bóng ném											x	x		x	x	x	x											x	x	x

2. Điểm mạnh

Đóng góp của các HP trong chương trình dạy học ngành GDTC cụ thể, rõ ràng để phục vụ CDR của ngành đào tạo và có tính liên kết, bổ trợ cho nhau, phù hợp với các qui định chung hiện hành.

Các HP có mối quan hệ rõ ràng và đóng góp cụ thể vào CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CTDH ngành GDTC vẫn tồn tại một số ít HP có tính lý thuyết, hàn lâm ít phục vụ cho công việc cụ thể của người học sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Trong lần điều chỉnh chương trình dạy học lần tới, BM GDTC cần có kế hoạch thay thế các học phần mang nặng tính lý thuyết, hàn lâm, ít ứng dụng thực tiễn trong CTDH ngành GDTC.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.3 Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTDH ngành GDTC có kết cấu đảm bảo tính hệ thống, hợp lý, cân đối giữa lý

thuyết và thực hành, với tự học, tự nghiên cứu với ba khối kiến thức: khối kiến thức đại cương 42 tín chỉ chiếm tỷ lệ 25%, khối kiến thức cơ sở ngành 35 tín chỉ chiếm tỷ lệ 35%, khối kiến thức chuyên ngành 63 tín chỉ chiếm tỷ lệ 45% [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

CTDH ngành GDTC theo hệ thống tính chỉ nhằm mục đích là nội dung của CTĐT được xây dựng từ một khối kiến thức ban đầu và được phân chia thành các học phần một cách hợp lý, khoa học nhất. Các môn học trong CTĐT giáo viên GDTC trình độ đại học có sự củng cố, hỗ trợ, quan hệ chặt chẽ với nhau.

Định kỳ 5 năm, Trường ĐHCĐ tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT, cập nhật, bổ sung các nội dung, kiến thức phù hợp... và được thực hiện tổng thể trong phạm vi của Nhà trường. BM GDTC tiến hành tham khảo ý kiến các bên liên quan, tiến hành cập nhật CTDH định kỳ. CTDH ngành GDTC bao gồm 140 TC, được thiết kế cho 08 học kỳ chính tương đương 04 năm học. [H3.03.03.01].

Chương trình dạy học có tính tích hợp thể hiện rõ các môn cơ bản, bổ trợ, chuyên ngành và tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp. CTĐT giáo viên ngành GDTC trình độ đại học thể hiện rõ ràng 3 khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành với 10 TC dành cho luận văn tốt nghiệp hoặc môn học thay thế luận văn. CTĐT được xây dựng gồm những môn học tiên quyết, bổ trợ chặt chẽ cho nhau. Sinh viên chỉ có thể học các học phần sau khi đã tích lũy các học phần tiên quyết theo quy định (nếu có) và đã được phổ biến cụ thể, rộng rãi vào đầu khóa, đầu năm học. [H3.03.01.02], [H3.03.02.03].

Bảng 3.2: Cơ cấu phân bố tín chỉ (TC) theo khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành

Các khối kiến thức		TC	Tỷ lệ (%)
1. Kiến thức đại cương		42	30
	Khoa học xã hội (chính trị, pháp luật, xã hội- nhân văn)	14	10.00
	Nghiệp vụ sư phạm	7	5.00
	Ngoại ngữ căn bản	10	7.14
	Giáo dục quốc phòng	8	5.71
	Tin học căn bản	3	2.14
2. Kiến thức cơ sở ngành		35	25
	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	35	25.00

Các khối kiến thức		TC	Tỷ lệ (%)
	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn	0	0.00
3. Kiến thức chuyên ngành		63	45
	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	36	25.71
	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	17	12.14
	Luận văn tốt nghiệp	10	7.14

2. Điểm mạnh

CTDH ngành GDTC có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp thể hiện rõ các môn cơ bản, bổ trợ, chuyên ngành và tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp. Chương trình thể hiện rõ ràng 3 khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các HP tự chọn cơ sở ngành còn tương đối thấp trong CTDH ngành GDTC.

4. Kế hoạch hành động

BM GDTC cần tham khảo ý kiến các bên liên quan, so sánh với các CTĐT của các trường khác, xây dựng kế hoạch nâng số lượng các HP tự chọn trong CTDH ngành GDTC phù hợp với yêu cầu đào tạo hiện nay.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTĐT cử nhân ngành GDTC khoa học phù hợp với sự mạng của nhà trường, đảm bảo sự cân đối giữa các nội dung, các khối kiến thức và đảm bảo phát triển các kỹ năng các nhân, xã hội và nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra. Bộ mô GDTC đã định kỳ và chủ động cập nhật và đổi mới nội dung chương trình.

-Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 3: Tiêu chuẩn 3 có mức đánh giá trung bình là 5.67/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

BM GDTC, cũng như nhiều đơn vị đào tạo khác trong Trường ĐHCT chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã công bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV

Để thực hiện được điều này, CTĐT ngành GDTC đã xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kỹ năng, kiến thức, sức khỏe, thái độ phục vụ đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về các hoạt động dạy học và chuẩn đầu ra của CTĐT được truyền đạt đến từng giảng viên và SV một cách đầy đủ, rõ ràng để từng thành viên thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

BM GDTC bắt đầu xây dựng đề cương học phần theo học chế tín chỉ ở bậc đào tạo đại học hệ chính quy vào năm 2007 theo hướng dẫn của Trường ĐHCT, hướng tới mục tiêu giáo dục lấy người học làm trung tâm, tăng tính tương tác giữa người dạy và người học, tăng tính chủ động của người học thông qua việc tăng thời lượng thực hành, thảo luận, tự học. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHCT được cụ thể hóa qua “*Tầm nhìn*”, “*Sứ mạng*” và “*Chính sách đảm bảo chất lượng*”, phù hợp với Luật giáo dục đại học, các quy định hiện hành của Nhà nước. Mục tiêu “*...sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022...*” và “*là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long*”. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng, phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan trên các phương tiện thông tin, tài liệu tuyển sinh, website của Nhà trường (<https://www.ctu.edu.vn/gioi-thieu/gioi-thieu.html#a-ta-m-nha-n-sa-ma-nh>).

Đối với đội ngũ GV, mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương môn học đại cương, môn học phổ tu, môn học cơ sở ngành, môn học chuyên ngành, môn học chuyên sâu.

Đối với SV, ngay từ khi mới nhập trường, mục tiêu giáo dục được Nhà trường phổ biến một cách đầy đủ trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV các khóa; Ở cấp BM GDTC, các em được giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo của ngành GDTC. Đoàn thanh niên và Hội sinh viên Trường ĐHCT cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của chính mình trong quá trình học tập 4 năm tại Trường. Mỗi GV khi bắt đầu giảng dạy môn học của mình, đều dành thời gian để giới thiệu vị trí của học phần trong CTĐT, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, chuẩn đầu ra của môn học và tiêu chí đánh giá. Các GV là CVHT sinh hoạt với SV định kỳ 4 tuần 1 lần, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của ngành GDTC, giúp các em có chiến lược đăng ký môn học phù hợp. Đối với nhà tuyển dụng, nhiều chuyên gia tâm lý học làm việc tại các cơ quan tuyển dụng như: Sở Giáo dục & Đào tạo, sở Văn hóa Thể thao & Du lịch, các Trường Trung học Phổ thông được mời tham gia xây dựng chương trình, biên soạn đề cương môn học, và đánh giá chương trình đào tạo ngành GDTC. Nội dung về chủ trương, chiến lược giáo dục của nhà trường cũng được Bộ môn trao đổi trong các buổi tọa đàm trong Hội đồng Khoa học – Đào tạo BM GDTC.

BM GDTC, đã mời các nhà tuyển dụng để xin ý kiến góp ý cho CTĐT ngành GDTC.

Với Xã hội: Mục tiêu đào tạo và CDR của chương trình đào tạo ngành GDTC được công khai trên website của Nhà trường. [H4.04.01.05], [H4.04.01.06], [H4.04.01.07], [H4.04.01.08], [H4.04.01.09].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu đào tạo Ngành GDTC của Trường ĐHCT được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới GV và SV. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng: các trường đại học, các trường cao đẳng, các sở giáo dục, các sở văn hóa – thể thao và du lịch, các trường trung học phổ thông góp ý, tham gia xây dựng.

3. Điểm tồn tại:

Mục tiêu đào tạo ngành GDTC của Trường ĐHCT được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và biên soạn đề cương môn học cho BM. Mục tiêu này chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020, BM GDTC sẽ tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR ra cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả:

Trường ĐHCT cho phép hằng năm, các CTĐT có thể được điều chỉnh về nội dung hoặc tên môn học trong phạm vi 20% tổng số tín chỉ. Các GV thường xuyên sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, làm việc nhóm, thực hành tập luyện cho phù hợp với điều kiện sân tập luyện và số sinh viên trong một tiết học. Hình thức thi kết thúc môn: đối với các môn thực hành thì thực hiện đánh giá xác thực thông qua số lần thực hiện động tác kỹ thuật và thi lý thuyết bằng trắc nghiệm; đối với các môn thiên về lý thuyết thường thi kết thúc bằng viết hoặc trắc nghiệm [H4.04.02.10], [H4.04.02.11]. Hình thức kiểm tra đánh giá giữa kỳ thông qua thuyết trình nhóm, bài tập nhóm, phần kết thúc thi viết hoặc trắc nghiệm; Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của SV được thể hiện rõ trong đề cương của từng môn học phù hợp với CDR của CTĐT. Trong từng đề cương các học phần của từng môn học có thiết kế giờ tự học cho SV để SV chủ động tự học tự rèn luyện nâng cao kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đạt mục tiêu của CTĐT và CDR.

Chương trình học tập linh hoạt, đa dạng tạo điều kiện tối ưu cho SV lựa chọn các môn học phù hợp với mong muốn và nguyện vọng nghề nghiệp của mình; SV ngành Giáo dục Thể chất được chọn 1 môn chuyên sâu trong 4 chuyên sâu: (Điền kinh, Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng đá) trong năm đầu tiên để học. SV có thể chủ động lựa chọn lộ trình học tập nhanh hay chậm tùy vào nhu cầu và khả năng của từng em. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ như nghiên cứu khoa học, KTSP, TTSP và hoạt động cộng đồng [H4.04.02.12], [H4.04.02.13]. Hoạt động NCKH: SV được khuyến khích tham gia làm luận văn tốt nghiệp từ năm thứ 2-3, nhưng SV thường thực hiện luận văn tốt nghiệp vào năm thứ

tu. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ BM và được phân công hướng dẫn bởi một nhà khoa học. Bên cạnh môn học phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học GDTC và TĐTT; SV ngành GDTC còn được trang bị các môn học hỗ trợ để thực hiện nghiên cứu khoa học như: đo lường trong lĩnh vực TĐTT, toán thống kê, lý luận và phương pháp thể dục thể thao, lý luận thể thao trường học, tâm lý học thể dục thể thao, sinh lý học thể dục thể thao, y học thể dục thể thao, dinh dưỡng học TĐTT được giảng dạy từ năm thứ 1 và năm thứ 2, giúp SV có kiến thức, kỹ năng NCKH ngay từ những năm đầu. Hoạt động KTSP và TTSP đây là phần bắt buộc của chương trình đào tạo gồm hai phần: KTSP 2 tín chỉ, TTSP 3 tín chỉ. Ở 4 môn chuyên sâu hướng chuyên ngành, SV đều có những học phần thực tập tổng hợp và thực tập chuyên ngành nhằm giúp cho SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp [H4.04.02.14], [H4.04.02.15], [H4.04.02.16]. Các cơ sở kiến tập, thực tập đáp ứng yêu cầu của 4 hướng chuyên ngành, ví dụ như: trường học trung học phổ thông. Việc KTSP, TTSP của sinh viên tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách KTSP, TTSP và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn. Các hoạt động ngoại khóa: Để có được thái độ đúng đắn với con người những nhóm xã hội yếu thế, SV được khuyến khích tham gia các hoạt động cộng đồng. [H4.04.02.17], [H4.04.02.18], [H4.04.02.19], [H4.04.02.20], [H4.04.02.21], [H4.04.02.22].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động giảng dạy của GV rất đa dạng, linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho SV được tiếp thu được kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của xã hội; Đồng thời giúp SV tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ nhất. CTĐT có nhiều hoạt động KTSP, TTSP, seminar, các hoạt động cộng đồng đa dạng, các hoạt động dạy – học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

3. Điểm tồn tại:

Cơ sở hạ tầng một số sân tập luyện chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của SV, ví dụ sân bóng đá 11 người là sân cát

mùa mưa lầy lội, mùa nắng bụi bặm GV không thể thực hiện đầy đủ các phương pháp giảng dạy dựa trên giải quyết vấn đề tình huống trong bóng đá, hoặc như đường chạy điền kinh 400m không có cho nên GV không thể áp dụng các phương pháp để phát triển sức nhanh, sức mạnh, sức bền tốc độ, sức bền chuyên môn cho người học rất khó áp dụng. Một số ít GV của BM GDTC chưa chịu khó cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa tích cực tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về mọi mặt để đáp ứng đòi hỏi và nhu cầu ngày càng cao của SV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020-2021, nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đạt chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu của xã hội, BM GDTC kiến nghị Nhà trường đầu tư xây dựng sân bóng đá 11 người, bể bơi, đường chạy điền kinh 400m để phục vụ cho công tác đào tạo; Đồng thời tạo sân chơi lành mạnh cho SV toàn trường. Tiếp tục công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội Ngũ GV, tiếp tục tổ chức hội thảo khoa học về phương pháp giảng dạy mới bắt buộc tất cả các GV tham gia, chứ không chỉ một số ít giảng viên trẻ. Bộ môn sẽ từng bước đề xuất với Nhà trường ký kết những thỏa thuận hợp tác với các cơ sở KTSP, TTSP, đặc biệt là thỏa thuận về phương thức TTSP, cán bộ hướng dẫn tại cơ sở, kinh phí, nhằm nâng cao chất lượng TTSP cho SV, lấy ý kiến phản hồi của SV về TTSP.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả:

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, KTSP, TTSP đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, đặt biệt là kỹ năng đứng lớp giảng dạy. Hoạt động học tập tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp rất đa dạng và linh hoạt tạo điều kiện thuận lợi cho SV xây dựng được các chiến lược học tập phù hợp với năng lực của riêng mình để từ đó hoàn thành kế hoạch học tập đã đề ra một cách tốt nhất. Hoạt động NCKH và TTSP phải vận dụng tổng hợp rất nhiều kiến thức vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn đòi hỏi SV phải siêng năng, cần cù, kiên nhẫn, cố gắng hết mình để hoàn thành công việc đã đặt ra. Các bài tập

nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho SV khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác; SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như câu lạc bộ học thuật chuyên ngành, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học. [H4.04.03.23], [H4.04.03.24], [H4.04.03.25].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động dạy học đa dạng và linh hoạt của GV kết hợp trang thiết bị dạy học tiên tiến tạo điều kiện thuận lợi cho SV có môi trường học tập tốt, rèn luyện các kỹ năng tự học, tự rèn luyện làm cơ sở cho việc nâng năng lực học tập suốt đời của mình.

3. Điểm tồn tại:

Nhiều SV chưa có động cơ học tập phù hợp vì vậy nảy sinh tâm lý học đối phó, học chỉ để có điểm cao hoặc học cho thi qua môn học mà chưa chú trọng đến việc học để tiếp thu kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho mình. GV chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, các kỹ năng mềm: các bài tập đưa ra nhiều khi chưa phong phú, hoặc chưa gắn với thực tiễn cuộc sống, nên gây tâm lý nhàm chán cho SV. Bên cạnh đó cơ sở vật chất: như sân tập không tạo sự linh động cho việc áp dụng các bài tập nhóm.

Giờ học thực hành để rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo về các môn thể thao cần sắp xếp số lượng SV phù hợp với sân tập khoảng 20 người trở xuống mới tạo điều kiện tương tác tốt giữa GV và SV để phát triển tối đa năng lực của người học; Trong khi đó đôi khi số lượng SV trong một lớp học quá đông (trên 40 SV) dẫn đến quá trình tương tác giữa GV với SV sẽ bị giảm xuống rất nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020-2021, BM GDTC sẽ hướng dẫn các giảng viên bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tự tập luyện để nâng cao trình độ chuyên môn” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của SV. Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, bộ môn cũng đề xuất với nhà trường bố trí sân tập, phòng học bàn ghế có thể di chuyển, số lượng SV trong các buổi tập luyện khoảng 20 trở xuống tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa GV và SV đạt hiệu quả tốt nhất.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng linh hoạt giúp người học đạt chuẩn đầu ra như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, KTSP, TTSP, thực hành, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp SV có khả năng và tinh thần học suốt đời.

Sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học được thực hiện trong môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và giúp đỡ từ đó tạo điều kiện cho người học an tâm thực hiện nhiệm vụ của mình.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là cơ sở vật chất chưa hoàn thiện như: sân tập bóng đá, đường chạy điền kinh 400m, bể bơi, thư viện chuyên ngành giáo dục thể chất chưa có tạo điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV.

Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu tự tin vào bản thân, kỹ năng kém ngoại ngữ. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phân biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

-Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 4: Tiêu chuẩn 4 có mức đánh giá trung bình 6/7.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả người học là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo, công tác đánh giá hàng năm được BM GDTC luôn cải tiến và thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng.

Đánh giá kết quả học tập của người học về kết quả của từng học phần, của từng môn học và toàn bộ CTĐT là một trong những nhân tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các

quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả:

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của từng học phần, của từng môn học và toàn bộ CTĐT của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu CTĐT và CDR của các môn học. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thể hiện thông qua Quyết định ban hành quy định công tác học vụ dành cho SV trình độ đại học hệ chính quy của Ban Giám hiệu Trường ĐHQG. SV được thông báo một cách đầy đủ các quy định về kiểm tra đánh giá của từng môn học và cả CTĐT để từ đó điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương từng môn học và được thay đổi cho phù hợp với thực tế. [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: Việc tuyển SV mới; kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; kiểm tra kết thúc môn học, luận văn tốt nghiệp. Ngay sau khi nhập học, SV được Nhà trường bố trí thi xếp loại trình độ ngoại ngữ theo khung tham chiếu Châu Âu; việc phân loại trình độ ngoại ngữ được thực hiện theo tinh thần tự nguyện của người học. Việc thi xếp trình độ ngoại ngữ cho SV sẽ giúp cho công tác phân loại, tổ chức đào tạo đáp ứng theo các chuẩn đầu ra đã được tuyên bố. Đề cương các môn học, từng học phần trong CTĐT đều nêu rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá), về kỹ năng (bắt chước, vận dụng thao tác, chính xác, thành thạo, kỹ xảo), về thái độ (tiếp nhận, hỏi đáp, đánh giá, tổ chức và tính cách). Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc. Từ mục tiêu của môn học, GV xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành đánh giá kết thúc môn học. [H5.05.01.05], [H5.05.01.06].

Tất cả đề thi của các môn học đều được Trưởng bộ môn phê duyệt, bộ môn xem xét từng câu hỏi sử dụng trong đề có khả năng đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận

dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học như thế nào, đặc biệt ở các môn học chuyên sâu (bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, cầu long) được phân công cho các GV chuyên sâu về môn thể thao đó, điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh giá không chỉ trên tham chiếu của cơ sở xây dựng CTĐT là BM GDTC, mà còn với tham chiếu của đơn vị sử dụng lao động ngành GDTC và TDTT. [H5.05.01.07], [H5.05.01.08].

Để có đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp, ngoài các điều kiện cần và đủ theo yêu cầu của Trường ĐHTC, các SV cần đạt điểm trung bình chung học tập trên 2.5/4.0. Đề tài luận văn tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính thực tiễn cao. [H5.05.01.09], [H5.05.01.10].

Luận văn tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV. Đối với đánh giá tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa lý luận, thực tiễn, hệ thống khái niệm và phương pháp nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với luận văn, đề kiểm tra tốt nghiệp bám sát yêu cầu về kiến thức, năng lực của toàn bộ chương trình học. [H5.05.01.11], [H5.05.01.12], [H5.05.01.03].

2. Điểm mạnh:

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tất cả các đề thi của các môn học đều được BM xem xét từng câu hỏi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học.

Đối với các học phần thực hành, việc đánh giá được thiết kế bởi các tiêu chí thực hiện kỹ năng động tác mà người học phải thực hiện một cách thành thạo hoặc kỹ xảo, thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề tại cơ sở, kỹ năng nghiên cứu....

Có sự phối hợp chặt chẽ với các sở GD & ĐT ở địa phương và các trường THPT nơi sinh viên đi KTSP, TTSP.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của chuẩn đầu ra đối với các học phần chuyên ngành, nhưng với các môn học chung

toàn trường như các môn thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, việc đánh giá phần nhiều dừng ở nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích.

Chuẩn đầu ra về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua điểm rèn luyện thường xuyên, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2020-2021, BM GDTC tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo chuẩn đầu ra.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả:

Các quy định về đánh giá kết quả học tập cho người học của BM GDTC được xác định rõ ràng theo Quyết định ban hành quy định công tác học vụ dành cho SV trình độ đại học hệ chính quy của Ban Giám hiệu Trường ĐHCT và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHCT. Về thời gian, bài kiểm tra giữa kì được thực hiện vào tuần thứ 7, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau 15 tuần và đã kết thúc môn học. Trọng số điểm là: chuyên cần (10%), giữa kì (30%), cuối kì (60%). Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường. Điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kì được cập nhật trên cổng thông tin SV. Phòng ĐT công khai rõ quy định phúc khảo dành cho SV. Tiêu chí cụ thể để đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương học phần. Đánh giá KTSP, TTSP của sinh viên đều có bộ tiêu chí cụ thể. Việc kiểm tra, đánh giá và thi cử đã bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình ở mức độ khá toàn diện. Để được làm luận văn tốt nghiệp, SV phải đạt điểm trung bình chung học tập trên 2,5/4,0.

Đối với luận văn tốt nghiệp, BM GDTC công khai thông tin về quy định về bảo vệ luận văn tốt nghiệp, hội đồng chấm, danh sách GV hướng dẫn, GV phản biện, mẫu

trình bày luận văn đến sinh viên. Điểm luận văn được công khai ngay sau khi Hội đồng thống nhất ý kiến, trong ngày SV bảo vệ luận văn tốt nghiệp [H5.05.02.13].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai cho người học ngay từ khi đề cương các học phần được thông qua (phát cho SV hoặc đăng tải trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường), Sổ tay SV và Quy chế đào tạo đại học. Toàn bộ GV của BM GDTC đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kì thi cuối kì được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy. Bộ phận trợ lý đào tạo của BM GDTC phối hợp với Phòng ĐT của Trường, các đội ngũ cố vấn học tập trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập nên kết quả học tập được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể.

3. Điểm tồn tại:

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương môn học, được GV phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang website của Nhà Trường, tuy nhiên SV còn ít để tâm và tìm hiểu các nội dung này, lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020-2021, BM GDTC sẽ tăng cường sử dụng website môn học. Với hình thức học trên website môn học, GV sẽ đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả:

Trường ĐHCT giao cho Giảng viên được quyền tự tổ chức ra đề thi, tổ chức thi, tự chấm điểm và tự nhập điểm lên website của Trường. Từ đó GV BM GDTC thực hiện các phương pháp đánh giá kết quả học tập rất đa dạng phong phú như: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, vấn đáp, bài tập thực hành cá nhân, bài tập thực hành nhóm... Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử

dụng tài liệu, được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. [H5.05.03.14], [H5.05.03.15], [H5.05.03.15], [H5.05.03.16].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng về độ giá trị, mỗi môn học đều có bộ câu hỏi ôn tập được BM GDTC thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong cương môn học. Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Bài kiểm tra của SV được chấm chi tiết theo đáp án này dưới quy trình chấm được chuẩn đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Sự tin cậy và công bằng còn được đảm bảo trong khâu chấm điểm cuối kì, mỗi bài thi đều yêu cầu có hai GV cùng chấm để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá. Điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai và người học sẽ được công khai biết trên Website của Trường.

Đối với học phần LVTN, BM GDTC có yêu cầu cụ thể về quy cách thực hiện luận văn. Việc chấm khóa luận có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả thực tiễn, các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá luận văn tốt nghiệp. Điểm của luận văn được rút ra từ điểm của GV hướng dẫn, GV phản biện, hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng); Nếu số điểm chấm giữa GV hướng dẫn và GV phản biện có sự chênh lệch lên đến 1/10 điểm, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp của BM GDTC sẽ họp, xem xét lại cách chấm điểm để đảm bảo sự tin cậy của phương pháp đánh giá và tính công bằng cho SV. Cuối mỗi học kỳ, người học có nhiệm vụ đánh giá môn học và quá trình dạy học của GV, mức độ hài lòng của SV với các hình thức kiểm tra đánh giá của GV, từ cơ sở này GV tự điều chỉnh phương pháp giảng dạy và công tác kiểm tra đánh giá phù hợp hơn. [H5.05.03.17], [H5.05.03.18].

2. Điểm mạnh:

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, tiểu luận, vấn đáp, bài tập nhóm, cá nhân, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình các chủ đề của các học phần. Đề thi của các học phần đảm bảo đúng trọng tâm và bao quát được toàn bộ nội dung của môn học và được BM GDTC duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.

3. Điểm tồn tại:

Việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá môn học hiện nay được Ban Giám hiệu giao quyền cho GV tự đánh giá và chịu trách nhiệm có những mặt thuận lợi về sự chủ động cho giảng viên. Tuy nhiên, nếu không có sự quản lý chặt chẽ của đơn vị đào tạo về nội dung, hình thức, phương pháp kiểm tra thì có thể sẽ xảy ra những hạn chế và tiêu cực trong thi cử.

4. Kế hoạch hành động:

BM GDTC đã ra các quyết định công bố kế hoạch tổ chức kiểm tra đánh giá hàng năm và trong các năm học 2020-2021 trở đi BM GDTC sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả, đề thi các môn học phải được phê duyệt của hội đồng khoa học BM, Ban chủ nhiệm BM GDTC thống nhất với các GV, đảm bảo hạn chế việc sinh viên chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi SV phải tư duy, vận dụng hiểu biết của SV.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả:

Kết quả học tập được phản hồi kịp thời; Với bài kiểm tra giữa kì, kết quả được công bố vào tuần 7- 8 của tiến trình đào tạo 15 tuần; Trước khi kết thúc môn học, GV phải thông báo điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ đến SV. SV sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào phần mềm “Quản lý đào tạo và quản lý người học” của Trường ĐHCT để tra cứu kết quả điểm thi của các học phần mình đã học. (<https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php>), [H5.05.04.19], [H5.05.04.20], [H5.05.04.21], [H5.05.04.22].

Hồ sơ, kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của SV, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu; Sau 3 ngày kể từ khi công bố kết quả, SV được gửi đơn đề nghị phúc tra kết quả thi. Thời gian chấm phúc tra không quá 7 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV. Sau khi tiến hành bài kiểm tra giữa kì, GV thường thông báo với SV về thang chấm điểm để từ đó, SV có thể căn cứ vào kết quả bài làm để hiệu các ưu điểm, hạn chế của mình, từ đó điều chỉnh việc học tập. Với các môn học chuyên ngành, nhờ vào quy mô lớp nhỏ hơn, GV, BM GDTC có cơ hội trực tiếp trao đổi với SV về kết quả đánh giá, vấn đề trong từng bài làm, định hướng

gợi mở để việc học tập của SV có hiệu quả hơn. [H5.05.04.23], [H5.05.04.24], [H5.05.04.25], [H5.05.04.26].

2. Điểm mạnh:

Từ năm học 2014- 2015 đến nay, Nhà trường đã sử dụng phần mềm nhập điểm trực tiếp do GV dạy chịu trách nhiệm, việc nhập điểm thành phần trên phần mềm đảm bảo SV được biết điểm của mình trên tài khoản cá nhân sớm để SV có thể cải thiện được kết quả học tập của mình. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, SV được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ cố vấn học tập hoặc phòng đào tạo, từ GV, từ các bộ phận chuyên môn thông qua thư điện tử hoặc gặp gỡ trực tiếp.

3. Điểm tồn tại:

Quá trình kiểm soát công bố và phản hồi kết quả của SV đối với GV trong quá trình giảng dạy đôi khi còn chưa đồng bộ; Đôi lúc, phần mềm quản lý bị quá tải do cùng lúc nhiều SV cùng truy cập.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020 - 2021, BM GDTC đề xuất với Nhà trường cần có kế hoạch và cơ chế để kiểm soát tính đồng bộ trong quá trình công bố kết quả đánh giá của từng GV, tăng cường cơ sở hạ tầng phục vụ hơn nhu cầu truy cập hệ thống quản lý của SV. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành CTĐT một cách tốt nhất.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả:

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường ĐHCT hướng dẫn rất rõ ràng. SV có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả điểm thi kết thúc học phần khi cho rằng kết quả chấm điểm của GV chưa phù hợp với nội dung làm bài của mình đã thi. Đơn đề nghị phúc tra kết quả thi phải được gửi đến Phòng ĐT trong vòng 3 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí do trường quy định. Thời gian chấm phúc tra không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi chấm phúc tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Trưởng Bộ môn hoặc Trưởng Phòng ĐT phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Trưởng bộ môn ký xác nhận mới

được công bố; Điểm sau phúc tra là kết quả cuối cùng của môn học. Để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận, Phòng ĐT đã thiết lập bộ công cụ trực tuyến với các hướng dẫn cụ thể trong từng trường hợp khiếu nại trên trang web của Phòng ĐT. [H5.05.05.27], [H5.05.05.28], [H5.05.05.29], [H5.05.05.30].

2. Điểm mạnh:

Người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình qua Bộ công cụ trực tuyến. Bộ công cụ trực tuyến giúp SV gửi đi nhanh chóng các yêu cầu về khiếu nại học tập, tiết kiệm thời gian và rút ngắn các công đoạn hành chính.

3. Điểm tồn tại:

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm, điều này ảnh hưởng đến việc phúc tra điểm và tiến độ học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020-2021, BM GDTC thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm cuối kỳ đúng thời hạn.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở BM GDTC được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của Trường ĐHCT để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. BM GDTC luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi cử, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5 có đánh giá trung bình 6/7.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên

Mở đầu

BM GDTC được quyết định thành lập vào năm 1976 ghép chung với Quân Sự gọi là Bộ môn Quân thể; Năm 1984 tách riêng và trực thuộc Phòng Đào tạo. Năm 1987, BM GDTC trực thuộc Ban Giám hiệu. Đội ngũ CBVC của BM GDTC hiện có 16 GV, 02 chuyên viên và 01 NV bảo vệ. Nhà trường và BM GDTC đã có triển khai thực hiện kế hoạch, quy hoạch đội ngũ, có thực hiện đo lường quy mô và khối lượng

công việc, có tiêu chuẩn tuyển dụng cụ thể và được công khai, đúng quy định, dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm sư phạm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ và thành tích nghiên cứu khoa học... Việc phân công trách nhiệm chuyên môn và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng làm việc của cán bộ. Việc chấm dứt hợp đồng nghỉ hưu được Nhà trường thông báo trước và có chế độ rõ ràng theo quy định của Nhà trường và dựa trên quy định của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ GD&ĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên. Trong những năm qua, đội ngũ CBVC của BM GDTC luôn phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Với sứ mệnh giảng dạy các môn thể dục thể thao cho sinh viên chuyên và không chuyên ngành giáo dục thể chất, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động phong trào TDTT phục vụ cho nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và phát triển thể chất cho cán bộ và sinh viên khu vực ĐBSCL.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả:

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng được thực hiện hằng năm để đảm bảo đội ngũ cán bộ học thuật có chất lượng và đáp ứng đủ số lượng trọn vẹn cho nhu cầu giáo dục và nghiên cứu.

Dựa trên Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020; Đề án Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020. Trường ĐHCT đã xây dựng Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm giai đoạn 2015-2020, trong đó có quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường trong giai đoạn này. [H6.06.01.01]. Trên cơ sở đó, BM GDTC cũng đã xây dựng kế hoạch trung hạn giai đoạn năm 2017-2022 và định hướng đến năm 2030 [H6.06.01.02] để nhằm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV ngành giáo dục thể chất. Việc quy hoạch đội ngũ GV (GV) luôn được BM chú trọng và được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hằng năm dựa trên báo

cáo về nhu cầu nhân lực của từng BM [H6.06.01.03]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức – người lao động (VC-NLĐ) luôn được Nhà trường quan tâm và xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng, góp phần trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, chất lượng và hiệu quả làm việc của VC-NLĐ. Vì vậy, Trường đã có kế hoạch và kết quả của việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ VC-NLĐ. Nhà trường có chính sách cử VC-NLĐ đi đào tạo bồi dưỡng tại các đơn vị đào tạo trong và ngoài nước bằng nguồn kinh phí đào tạo thường xuyên của Trường.

Trường ĐHCT luôn chú trọng đến việc *thu hút* các giảng viên các nhà khoa học đầu ngành về công tác tại trường, có quy chế chi tiêu đãi ngộ các giảng viên mời giảng [H6.06.01.04], cụ thể trong những năm qua BM GDTC đã thỉnh giảng các giảng viên có học vị từ tiến sĩ trở lên từ 2-3 người/năm [H6.06.01.05] để nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Nhà trường tuân thủ theo Nghị định số: 29/2012/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 12 tháng 04 năm 2012. Nhà trường có văn bản quy định tiêu chuẩn và *quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm* GV dựa trên nhu cầu nhân lực của từng đơn vị trong Trường. Các văn bản này được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.06.01.06]. Hàng năm, Nhà trường ra thông báo tuyển dụng và tổ chức thi tuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt [H6.06.01.07]. Kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng của BM được báo cáo về đơn vị và trường theo quy trình [H6.06.01.08]. Trên cơ sở yêu cầu vị trí việc làm từ các đơn vị, Nhà trường đã tổng hợp và ban hành thông báo tuyển dụng [H6.06.01.09]. Quy trình tuyển dụng VC của BM GDTC tuân theo quy trình chung của phòng TCCB trường ĐHCT [H6.06.01.10]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.01.11].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức – người lao động (VC-NLĐ) luôn được Nhà trường quan tâm và xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng, góp phần trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, chất lượng và hiệu quả làm việc của VC-NLĐ. Vì vậy, Trường đã có kế hoạch và kết quả của việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ VC-NLĐ. Nhà trường có chính sách cử VC-NLĐ đi đào tạo bồi dưỡng tại các đơn vị đào tạo trong và ngoài nước bằng nguồn kinh phí đào tạo thường xuyên của Trường.

Đối với công tác *bổ nhiệm và bố trí* việc làm Đảng ủy và Ban Giám hiệu/Bộ môn có quy hoạch CBQL gửi về các đơn vị quy hoạch cho giai đoạn 5 năm/lần theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng, các tiêu chí bổ nhiệm dựa trên Điều lệ trường đại học [H6.06.01.12].

Đối với *cán bộ về hưu*, Nhà trường có thông báo trước từ 2-6 tháng và ban hành Quyết định nghỉ hưu, đồng thời thông báo các chế độ xét tăng lương, xét tặng bằng khen Bộ trưởng, xét đi nghỉ dưỡng sức ở nước ngoài theo chế độ...[H6.06.01.13], [H6.06.01.14], [H6.06.01.15].

Công tác NCKH cũng là một trong các tiêu chí để quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ GV. Đến nay các tổ chuyên môn của BM GDTC đều có GV có trình độ thạc sĩ trở lên, đủ năng lực thực hiện các đề tài KHCN các cấp [H6.06.01.16].

Ngoài các hoạt động giảng dạy, các cán bộ BM cũng được phân công làm CVHT các khoá, hỗ trợ giúp đỡ SV trong quá trình học tập và rèn luyện. CVHT tư vấn cho SV xây dựng kế hoạch học tập, theo dõi kết quả học tập của SV và giữ nhiệm vụ tham vấn cho trưởng khoa trong công tác xét khen thưởng, kỷ luật, xét tốt nghiệp và xét học bổng cho SV lớp phụ trách [H6.06.01.17]; phân công các bộ hướng dẫn đoàn sinh viên thực tập sư phạm và kiến tập sư phạm [H6.06.01.18.]

2. Điểm mạnh:

Nhà Trường và Bộ môn luôn chú trọng việc quy hoạch và đào tạo đội ngũ GV, chính sách tuyển dụng và quy hoạch GV học tập nâng cao trình độ. Nhà trường luôn có chính sách đãi ngộ đối với GV nhằm khuyến khích GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ GV ngành GDTC được quy hoạch, có chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm tốt, có khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học. việc quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tiêu chuẩn luật viên chức.

3. Điểm tồn tại:

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Nhà trường còn chưa theo kịp với thực tiễn phát sinh, do GV về hưu, do biến động về số lượng sinh viên và tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn các ứng cử viên không đáp ứng, nên dẫn đến những tồn tại trong quá trình tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động:

BM GDTC sẽ tiếp tục tư vấn với Nhà trường quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng trong những năm tới.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả:

Tổng số GV tham gia giảng dạy tại ngành GDTC tính đến 12/2019 là 16 GV; Số GV có trình độ TS là 05 (chiếm tỷ lệ 31.25%), ThS là 11 (chiếm tỷ lệ 68.75%), số GV đang làm nghiên cứu sinh trong nước và ngoài nước là 05 GV (chiếm tỷ lệ 31.25%) (Bảng 6.1). Tỷ lệ GV/SV của ngành GDTC luôn đảm bảo theo quy định của BGDĐT tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT (không quá 20 SV/GV). Trong năm học 2018-2019 tỷ lệ GV/người học là 18/154 (02 giảng viên chưa về hưu) (Bảng 6.2) [H6.06.02.01]..

Nhà trường đã ban hành định mức giờ chuẩn cho GV bao gồm giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn, có quy định và hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc các loại hình hoạt động của GV. Việc thực hiện miễn giảm giờ chuẩn theo chức danh, vị trí công tác và cho GV được cử đi học cũng được quy định rõ ràng [H6.06.01.04]

Bảng 6.1. Số lượng giảng viên (tính tại tháng 12 năm 2019) năm học 2018-2019

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Phần trăm có bằng tiến sĩ
			Số lượng	FTEs	
Giáo sư	0	0	0		
Phó giáo sư	0	0	0		
GV toàn thời gian	14	04	18	18 * 1 = 18	31.25%
GV không toàn thời gian	0	0	0		
GS/GV thỉnh giảng	02	0	02	2 * 1 = 2	100%
Tổng số					

Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học (cụ thể phương pháp tính toán sử dụng FTE cho người học) năm học 2018-2019

Năm học	Tổng số FTEs của giảng viên	Tổng số FTEs của người học	Tỷ lệ cán bộ học thuật /người học
2014-2015	$18 + (3 * 0,2) = 18,6$	$392 * 1 = 392$	21,08
2015-2016	$18 + (3 * 0,2) = 18,6$	$297 * 1 = 297$	15,97
2016-2017	$18 + (3 * 0,2) = 18,6$	$256 * 1 = 256$	13,76
2017-2018	$18 + (3 * 0,2) = 18,6$	$231 * 1 = 231$	12,42
2018-2019	$18 + (2 * 0,2) = 18,4$	$154 * 1 = 154$	8,37

(Ghi chú: Cán bộ thỉnh giảng chỉ tham gia 01 học phần, nên tỷ lệ 1 GV = 0.2 FTE; sinh viên chính quy học toàn thời gian nên 1 sv = 1 FTE)

Giảng viên sắp xếp thời gian nghiên cứu khoa học, để tích lũy kiến thức từ nghiên cứu để giúp nâng cao và cải tiến quá trình đào tạo. Mỗi giảng viên hằng năm đều có quy định khối lượng nghiên cứu khoa học từ 10-240 giờ G/năm theo quy định của nhà trường. Trường trích một phần ngân sách để hỗ trợ cho giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, cụ thể: công trình đề tài NCKH các cấp, viết báo khoa học đăng trên các kỷ yếu/tạp chí khoa học trong và ngoài nước, xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu... Mỗi giảng viên đều phải đảm nhận một giờ chuẩn theo quy định hiện hành của trường Đại học Cần Thơ theo Quyết định 4412/QĐ-ĐHCT [H6.06.02.02]. Qua đó, số giờ chuẩn được tính bằng tổng giờ nghĩa vụ và các giờ nghiên cứu khoa học cùng các giờ thực hiện nhiệm vụ khác.

Bảng 6.3. Quy định giờ chuẩn của giảng viên theo chức danh, học vị và công việc

Học vị và đặc điểm của công việc giảng viên	Định mức giờ chuẩn giảng dạy	Định mức giờ chuẩn NCKH và thực hiện nhiệm vụ khác	Tổng định mức giờ chuẩn
Giáo sư	270	240	510
Phó giáo sư	270	190	460
Giảng viên chính có hệ số lương từ 5,76 trở lên	270	170	440
Giảng viên chính có hệ số lương từ 4.40 đến 5.42 và CBVC có trình độ tiến sĩ	270	150	420
Giảng viên có hệ số lương từ 4.32 trở lên	270	110	380
Giảng viên có hệ số lương từ 3.33 đến 3.99 và CBVC có trình độ thạc sĩ	270	60	330
Giảng viên có hệ số lương 2.34 đến 3.00	270	10	280
Giảng viên tập sự (85% hệ số lương 2.34)	50	10	60

Nguồn tham chiếu: Quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn cho giảng viên Trường Đại học Cần Thơ

Đầu năm học, Trưởng BM cùng bộ phận Giáo vụ BM phân công giờ dạy cho GV một cách cân đối, hợp lý theo chuyên môn và trình độ năng lực. Phân công này được thông qua kế hoạch của Phòng Đào tạo. Vào cuối mỗi năm học, các GV ngành GDTC đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học mới. Căn cứ theo chức danh, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, sau đó việc đánh giá được tiến hành ở BM, hội đồng BM và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Qua đánh giá, xếp loại, những GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao được hưởng các hình thức khen thưởng theo quy định [H6.06.02.03]. Trong 5 năm gần đây, tất cả các GV ngành GDTC đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc này không chỉ giúp từng GV ngành GDTC đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ GV/SV của ngành GDTC luôn đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT không quá 20 SV/GV. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sỹ đạt 31.25% và tiếp tục tăng lên trong những năm tiếp theo. Các GV đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Khối lượng công việc được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2020-2021 trở đi, Bộ môn tiếp tục đo lường, giám sát tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường cần có văn bản quy định và định lượng để đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và chọn lựa giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả:

Trường Đại học Cần Thơ đã có văn bản ban hành các tiêu chí tuyển dụng và chọn lựa giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai [H6.06.03.01], Nhà trường Thực hiện nghiêm túc và đúng các quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành trong việc tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức. trong đó trọng tâm là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ theo Thông tư 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014. Trường ĐHTC xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và MT phát triển của Nhà trường.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, kế hoạch tuyển chọn, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (Phòng TCCB) và các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.03.02]. Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Ngoài ra Trường cũng xây dựng tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như trưởng Khoa/Viện, phó trưởng Khoa, trưởng và phó trưởng BM[H6.06.03.03], các tiêu chuẩn để bổ nhiệm GS, PGS, GVC cũng được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cụ thể hóa theo quy định của BGDĐT [H6.06.03.04].

2. Điểm mạnh:

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và chọn lựa giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến rõ ràng, minh bạch và công khai.

3. Điểm tồn tại:

Năm 2019 BM GDTC được phê duyệt 02 chỉ tiêu tuyển dụng GV mới có bằng cấp tiến sĩ, có chuyên môn đáp ứng nhu cầu đào tạo sinh viên ngành GDTC. Tuy nhiên, các ứng cử viên chưa đáp ứng được các tiêu chí tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động:

Giai đoạn 2020 - 2022, BM GDTC tiếp tục đề xuất với Trường ĐHCT phê duyệt tuyển dụng 02 GV mới để thay thế cho giảng viên đã về hưu và nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả:

Dựa trên Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức; quy định của nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức GV theo Thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014 và Thông tư số 47/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014, Nhà trường có Quyết định ban hành Quy định Chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Cần Thơ [H6.06.02.02] quy định rõ ràng về năng lực của GV, NCV bao gồm năng lực giảng dạy và năng lực nghiên cứu được quy thành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Ngoài ra, GV cần phải tham gia NCKH, biên soạn tài liệu học tập, tham gia hợp tác quốc tế và đảm nhiệm công tác CVHT. Để nâng cao chất lượng đội ngũ GV, Nhà trường cũng có quy định cụ thể về tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ của cán bộ giảng dạy, trong đó các GV phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng ngoại ngữ.

Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về các tiêu chí và quy trình đánh giá xếp loại cán bộ viên chức [H6.06.04.01]. Nhà trường hằng năm cho cán bộ học thuật đăng ký công tác chuyên môn và đăng ký thi đua khen thưởng các cấp và đầu mỗi năm. Quy định này đã tạo động lực và ý thức về trách nhiệm trong quá trình công tác, để các cán bộ có kế hoạch phấn đấu hoàn thành công nhiệm vụ. [H6.06.04.02]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, sau đó được tiến hành ở Lãnh đạo BM, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen

thường cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Từ đó, Nhà trường quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học [H6.06.02.03].

Việc đánh giá năng lực cán bộ học thuật được thực hiện suốt trong quá trình làm việc hằng ngày của viên chức, dưới sự giám sát của Thủ trưởng đơn vị và Phó thủ trưởng phụ trách, và được đánh giá 02 tuần 01 lần để tổng kết các hoạt động và đề ra nhiệm vụ mới [H6.06.04.04].

2. Điểm mạnh:

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Nhà trường/BM thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường có xây dựng quy trình và các văn bản có liên quan về công tác đánh giá viên chức để nâng cao hiệu quả tiến trình phấn đấu cho cán bộ.

3. Điểm tồn tại:

Năng lực ngoại ngữ của một số GV vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo nâng cao trình độ và hợp tác quốc tế.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV trong Trường và trong Bộ môn để có thể trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế. Khuyến khích các GV tham gia các lớp học ngoại ngữ do trường đề ra.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động chuyển khai đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả:

Hiện nay Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên đã được Nhà trường rất quan tâm và đã ra quyết định 1636/QĐ-ĐHCT ban hành Quy định Tuyển dụng và yêu cầu về tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ đối với cán bộ giảng dạy Trường Đại học Cần Thơ. Nhà trường/Bộ môn luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ GV trẻ, GV tập sự trong giảng dạy và NCKH [H6.06.03.01] [H6.06.01.04],. Hàng năm, Trường, Bộ môn đều xác định nhu cầu về công tác cán bộ, bao gồm nhu cầu tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng để đưa vào kế hoạch năm học [H6.06.05.01], [H6.06.05.02]. Căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng GV, theo từng năm học Bộ môn đều rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học chung của đơn vị trình Nhà

trường tổng hợp và phê duyệt [H6.06.05.03]. Cán bộ đáp ứng đủ điều kiện học tập nâng cao trình độ sẽ được Nhà trường ra quyết định cử đi học và thu nhận sau khi hoàn thành khóa đào tạo [H6.06.05.04].

Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2014 đến nay BM GDTC có 05 GV đạt trình độ TS chiếm tỷ lệ 31,25% và có 05 giảng viên đang học tiến sĩ chiếm tỷ lệ 31,25% [H6.06.01.16], có 06 giảng viên đã thi nâng ngạch giảng viên chính hạng 2 [H6.06.05.05]. Các GV trong ngành đều tích cực tham gia tập huấn các khóa về phát triển năng lực nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ giảng viên hạng III, hạng II, hạng I, để đủ điều kiện thi nâng ngạch giảng viên [H6.06.05.06]. Tính đến nay Bộ môn đã có 100% giảng viên đạt trình độ thạc sĩ trở lên.

Nhà trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác [H6.06.01.04]. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn và các đề án của Bộ như 2395, 911 [H6.06.05.07]. Khi tốt nghiệp tiến sĩ về Nhà trường có chương trình trao mỗi tiến sĩ 01 máy tính để làm việc làm việc [H6.06.05.08];

Nhiều GV BM GDTC cũng đã tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ cán bộ quản lý do trường tổ chức [H6.06.05.09], [H6.06.05.10], [H6.06.05.11].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Bộ môn đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và có cơ chế hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho GV tham gia học tập nâng cao trình độ;

3. Điểm tồn tại:

Một số GV đang có bằng thạc sĩ nhưng chưa có cơ hội học tập nâng cao trình độ theo đúng quy trình phân đấu vì lý do giới hạn về trình độ ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động:

BM tiếp tục nhắc nhở động viên và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian để cán bộ rèn luyện ngoại ngữ, nâng cao năng lực học tập và nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác.

1. Mô tả:

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) với mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học Trường ĐHCT rất quan tâm. Dựa trên quy định của nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức GV theo Thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014 và Thông tư số 47/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về các tiêu chí và quy trình đánh giá xếp loại, khen thưởng cán bộ viên chức [H6.06.04.01]. Nhà trường hằng năm cho cán bộ học thuật đăng ký công tác chuyên môn và đăng ký thi đua khen thưởng các cấp và đầu mỗi năm. Quy định này đã tạo động lực và ý thức về trách nhiệm trong quá trình công tác, để các cán bộ có kế hoạch phấn đấu hoàn thành công nhiệm vụ. [H6.06.04.02]. Nhà trường, đã triển khai kịp thời kế hoạch khen thưởng hằng năm theo Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT về việc hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng ngành giáo dục. Nhà trường rất quan tâm. VC-NLĐ chủ động kế hoạch giảng dạy của mình thông qua thời khóa biểu các học kỳ giảng dạy chủ động và tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ mà trường và đơn vị phân công và cũng để hoàn thành nghĩa vụ giảng viên đối với quy định của nhà trường tại Quyết định 4412/QĐ-ĐHCT. Qua đó, số giờ chuẩn được tính bằng tổng giờ nghĩa vụ và các giờ nghiên cứu khoa học cùng các giờ thực hiện nhiệm vụ khác [H6.06.02.02].

Vào đầu năm học, BM xây dựng kế hoạch năm học cho toàn đơn vị, cụ thể đến từng GV để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động [H6.06.06.01]. Việc đánh giá kết quả hoạt động của GV được tiến hành một cách công khai theo từng BM. Cuối năm học, BM tổng hợp khối lượng giảng dạy, NCKH, công tác khác kèm theo minh chứng để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, để xét thi đua khen thưởng [H6.06.06.02]. Căn cứ trên kết quả đánh giá từ BM, Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đối với cán bộ, viên chức và có các quyết định công nhận các danh hiệu thi đua. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán

bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Bên cạnh đó, những cá nhân có thành tích cao, đột xuất, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng [H6.06.06.03]. Mỗi cán bộ, GV đều có bộ hồ sơ năng lực được bổ sung tích lũy hàng năm [H6.06.06.04] do Phòng TCCB quản lý.

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp GV BM GDTC nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và Nhà trường. Trong các năm qua, GV của ngành luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy và NCKH [H6.06.06.05]. Kết quả xét thi đua khen thưởng hàng năm, đơn vị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ [H6.06.02.06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành các văn bản, các quy chế, quy trình để đánh giá các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng được triển khai hàng năm đến Bộ môn thực hiện. Quy trình đánh giá thi đua khen thưởng CBVC được tổ chức công khai, minh bạch. Khuyến khích các giảng viên có trách nhiệm trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có những sáng kiến nâng cao chất lượng đào tạo để đạt được danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Bộ môn đề bạt khen cấp trường và cấp cao hơn.

3. Điểm tồn tại:

Một số GV đang có bằng thạc sĩ nhưng chưa chủ động đăng ký học tập nâng cao trình độ theo đúng tiến trình phấn đấu.

4. Kế hoạch hành động:

BM GDTC tiếp tục nhắc nhở động viên và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian để đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký kế hoạch học tập nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu đào tạo.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Mục tiêu về đào tạo, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Nhà trường coi là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện sứ mạng xây dựng Trường ĐHCT trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường, hỗ trợ cho quá

trình đào tạo. Trường có quy định cụ thể về các loại hình và định mức hoạt động KHCN mà mỗi GV phải đảm nhận tùy theo chức danh và vị trí công tác. Các loại hình hoạt động và định mức NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án KHCN các cấp; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, tham khảo; hướng dẫn SV NCKH; tổ chức các seminar chuyên môn. Nhà trường cũng có quy định tính giờ chuẩn NCKH cho các loại hình hoạt động KHCN cụ thể này [H6.06.02.02].

Nghiên cứu khoa học vừa là nhiệm vụ của người giảng viên trong một cơ sở giáo dục đại học, trong các trường đại học, vừa là một tiêu chí thể hiện năng lực nghiên cứu của người giảng viên nhất là giảng viên đã có được văn bằng Tiến sĩ [H6.06.05.08]. BM GDTC đã chủ động xin ý kiến và trình BGH phê duyệt kế hoạch đăng cai liên tiếp 6 kỳ Hội thảo NCKH liên tiếp từ năm 2014 đến nay, với 04 Hội thảo NCKH cấp khu vực ĐBSCL mở rộng và 02 kỳ Hội thảo NCKH cấp Toàn Quốc [H6.06.07.01]. Loại hình nghiên cứu khoa học rất đa dạng, phong phú, nó thể hiện được thể mạnh của từng giảng viên [H6.06.07.02]. Nhà trường và Bộ môn có hệ thống giám sát, đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV (bảng 6.3). Phòng QLKH là đơn vị có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động KHCN, đồng thời Bộ môn phân công một lãnh đạo phụ trách trực tiếp hoạt động này [H6.06.07.03]. Khối lượng các hoạt động NCKH của GV được quản lý trên phần mềm của trường [H6.06.07.04]. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của các nhóm nghiên cứu nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH và CN [H6.06.07.05].

Trong giai đoạn 2014 đến 2019, các GV BM GDTC đã thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp cơ sở, công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành [H6.06.07.06], [H6.06.07.07].

Bảng 6.4: Thống kê các đề tài và hoạt động NCKH của BM GDTC từ 2014 – 2019

Năm học	Hình thức xuất bản				Tổng số	Số lượng xuất bản bình quân trên giảng viên, nghiên cứu viên
	Cấp cơ sở	Cấp quốc gia	Cấp khu vực	Cấp quốc tế		
2014 -2015	0	01	11	0	12	0.67
2015-2016	2	02	18	0	22	1.22
2016-2017	3	03	17	0	23	1.28
2017-2018	5	24	0	0	29	1.61
2018-2019	0	18	0	01	19	1.06
2019-2020	1	22	0	02	25	1.39

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của BM GDTC phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước. Chất lượng hoạt động NCKH của GV BM GDTC được cải thiện theo từng năm.

Giảng viên đã tốt nghiệp tiến sĩ và giảng viên đang học nghiên cứu sinh đã rất tích cực trong hoạt động NCKH để hoàn thành nhiệm vụ đăng ký khối lượng công tác và thi đua đầu năm.

3. Điểm tồn tại

Đối với GV BM GDTC còn ít đề tài, công trình NCKH ứng dụng chuyển giao công nghệ trực tiếp vào đời sống và thực tiễn sản xuất, và các bài có chỉ số quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy thế mạnh NCKH cơ bản, đồng thời thúc đẩy các GV BM GDTC tích cực NCKH ứng dụng chuyển giao công nghệ trực tiếp vào đời sống và thực tiễn sản xuất và công bố bài viết có chỉ số quốc tế.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận tiêu chuẩn 6

Nhà Trường và Bộ môn luôn chú trọng việc quy hoạch và đào tạo đội ngũ GV, chính sách tuyển dụng và quy hoạch GV học tập nâng cao trình độ. Nhà trường luôn có chính sách đãi ngộ đối với GV nhằm khuyến khích GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ GV ngành GDTC được quy hoạch, có chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm tốt, có khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy Bộ môn GDTC luôn hoàn thành vượt mức hoạt động đào tạo và NCKH đáp ứng được các nhiệm vụ mà nhà trường phân giao, nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học ngày càng tốt hơn.

Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 6: Tiêu chuẩn 6 mức đánh giá trung bình đạt 5.86/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHCT đảm bảo về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có khả năng hỗ trợ, đồng thời tư vấn tốt cho GV và SV cho tất cả các ngành trong trường nói chung và cho ngành GDTC nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách

quan, công bằng và minh bạch. Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch đánh giá năng lực và xếp loại mức độ hoàn thành công việc đối với đội ngũ nhân viên, kèm theo đó là những hình thức khen thưởng hợp lý.

Đội ngũ nhân viên của nhà trường và Bộ môn GDTC với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch đảm bảo về số lượng, được đào tạo chuyên môn kỹ thuật, có khả năng hỗ trợ và tư vấn cho giảng viên và người học. Trong quá trình công tác, đội ngũ chuyên viên và nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng ở trong và ngoài nước về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Dựa trên đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT đã phê duyệt đề án quy hoạch phát triển tổng thể trọng điểm đến năm 2022 để phát triển về số lượng và chất lượng đội ngũ nhân viên đáp ứng với mục tiêu đào tạo [H6.06.01.01], trường ĐHCT đã tiến hành quy hoạch, hoàn thành đề án vị trí việc làm, ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng trực thuộc trường, cũng như công bố quy trình công tác tại Trường ĐHCT theo Quyết định số 5706/QĐ-ĐHCT [H7.07.01.01]. Đồng thời Trường ĐHCT cũng ra Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban chức năng thuộc trường ĐHCT, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.02].

Nhà trường đã ban hành quy định 4673/QĐ-ĐHCT, quy định về công tác tuyển dụng viên chức, người lao động Trường ĐHCT dưới sự giúp đỡ trực tiếp của phòng Tổ chức cán bộ [H7.07.01.03], hàng năm Nhà trường phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.01.04].

Các phòng ban, trung tâm, văn phòng Bộ môn căn cứ vào nhiệm vụ được giao về hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Bộ môn cũng có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể từng nhân viên BM GDTC [H7.07.01.05].

CTĐT ngành GDTC được hỗ trợ tại tất cả các phòng ban, trung tâm như: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV, Phòng Công tác Chính trị, Phòng Quản lý Khoa học, Phòng Tài chính, Trung tâm Học liệu (TTHL), Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ và Khởi nghiệp SV, Trung tâm Quản lý chất lượng, văn phòng BM GDTC, ... Đội ngũ nhân viên được tuyển chọn theo các tiêu chí của trường, đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.03].

Bảng 7.1: Số lượng nhân viên (Trường ĐHCT tính tại tháng 12 năm 2019)

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	Khác	Đại học-CĐ	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Nhân viên thư viện	7	26	5	1	39
Nhân viên phòng thí nghiệm	35	17	11	0	63
Nhân viên CNTT	3	10	5	0	18
Nhân viên hành chính	22	120	44	0	186
Nhân viên hỗ trợ người học (Nhân viên quản lý nhà học, nhân viên bảo vệ cơ quan, nhân viên lái xe, nhân viên vệ sinh phục vụ)	97	11	0	0	108
Tổng số	164	184	65	1	414

Riêng tại BM GDTC, bên cạnh một GV kiêm nhiệm Thư ký của BM, quản lý công việc văn thư và SV, có 5 GV kiêm nhiệm CVHT để hỗ trợ cho việc học tập của SV. Các nhân viên luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ phục vụ tốt, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của SV và GV qua kết quả đánh giá VC-NLĐ hàng năm [H6.06.06.02]. Do tính đặc thù, dạy và học chủ yếu thực hành trên sân tập, nhà thi đấu, Bộ môn GDTC bố trí 01 nhân viên hành chính, kiêm thủ kho, quản lý cho mượn dụng cụ, trang thiết bị TĐTT phục vụ công tác giảng dạy, học tập môn học TĐTT cho sinh viên. [H7.07.01.03], [H7.07.01.04].

Đội ngũ nhân viên, cán bộ phục vụ CTĐT ngành GDTC đầy đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc, góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo ngành GDTC, được Nhà trường và đơn vị quan tâm tạo điều kiện thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Bảng 7.2. Số lượng đội ngũ CBVC phục vụ thuộc BM. GDTC, giai đoạn 2014 – 2019

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	THPT	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Nhân viên hành chính	0	1	0	0	1
Nhân viên công tác sinh viên, trợ lý đào tạo	0	2	0	0	2
Nhân viên bảo vệ	1	0	0	0	1
Tổng số	0	3	0	0	3

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên các phòng ban chức năng, Thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ SV đông đảo về số lượng và thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Tính chuyên nghiệp và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học của một vài cán bộ thư viện và cán bộ hỗ trợ phục vụ còn hạn chế.

Nhiều đơn vị hỗ trợ người học trong Trường ĐHCT nên việc phối hợp với Nhà trường đôi khi gặp nhiều khó khăn trong việc nâng cao trình độ đội ngũ và chất lượng phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2019 – 2022, Nhà trường và BM. GDTC cần triển khai các hoạt động đào tạo- bồi dưỡng và tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị, phòng ban liên quan để có giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Nhà Trường đã ban hành QĐ 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2012 quy định về tuyển dụng đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể với các tiêu chí quan trọng về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học của ứng viên [H7.07.01.03]. Trường cũng đã ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức,

miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của trường ĐHCT theo quyết định 598/QĐ-ĐHCT. [H6.06.01.12] [H7.07.02.01].

Hàng năm, Nhà Trường đề xuất các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng nhân viên, các Khoa, Viện, các Phòng ban, Trung tâm và Bộ môn trực thuộc, sẽ đề xuất việc tuyển dụng nhân viên xuất phát từ nhu cầu thực tế của các đơn vị. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên trong toàn trường, lập kế hoạch điều chuyển hay tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.02.02]. Kế hoạch tuyển dụng, các tiêu chí tuyển dụng, chỉ tiêu tuyển dụng, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được phổ biến công khai, rộng rãi đến với toàn thể cán bộ nhân viên trong trường trên trang web của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng [H7.07.02.02].

Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập và kết quả tuyển dụng được công bố công khai đến tất cả các bên liên quan [H7.07.02.03]

Trường ĐHCT hàng năm đều có kế hoạch tuyển dụng, lựa chọn viên chức, nhân viên, thực hiện công khai, minh bạch công tác bổ nhiệm, điều chuyển dựa vào thực tế yêu cầu công việc và sự phân công của Nhà trường. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển viên chức, nhân viên phục vụ được Ban Giám hiệu Nhà trường, BM GDTC thực hiện đúng theo Luật viên chức và các quy định hiện hành của Nhà nước. [H07.07.02.03], [H07.07.02.04].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng viên chức, nhân viên phục vụ được thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Nhà trường và phổ biến đến tất cả các bên liên quan.

Công tác bổ nhiệm, điều chuyển viên chức, nhân viên được Nhà trường, Bộ môn GDTC thực hiện đầy đủ các bước quy trình theo qui định và được thông tin công khai, minh bạch đến tất cả các bên liên quan, nên các nhân viên được tuyển dụng đáp ứng tốt các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có đủ năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hiện tại, nhà trường đang có đội ngũ nhân viên đầy đủ số lượng và đảm bảo chất lượng với cơ cấu hợp lý, phục vụ tốt cho công tác đào tạo

3. Điểm tồn tại

Công tác tuyển dụng nhân viên, cán bộ phục vụ của Nhà trường tạm ngưng do chủ trương chung tình giãn biên chế, ảnh hưởng ít nhiều đến nhu cầu tuyển dụng của đơn vị Bộ môn GDTC trong công tác bố trí nhân viên hành chính, cán bộ phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020– 2021, Trường ĐHCT, Bộ môn GDTC quán triệt xây dựng đề án vị trí việc làm cho các viên chức trong đơn vị, có kế hoạch lựa chọn, tuyển dụng viên chức nếu cần thiết.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ nhân viên tại Trường ĐHCT được xác định rõ ràng qua ràng qua tiêu chí tuyển dụng cho các vị trí công việc cụ thể theo quy định của nhà nước và được đánh giá để phân loại viên chức và xét thi đua, khen thưởng hàng năm [H6.06.04.01]. Trường ĐHCT cũng ra Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban chức năng thuộc trường ĐHCT, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.04].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức đánh giá cán bộ viên chức của trường trong đó bao gồm cả đội ngũ chuyên viên, nhân viên không trực tiếp giảng dạy, thông qua các quy định rõ ràng về đánh giá xếp loại cho đội ngũ cán bộ không trực tiếp giảng dạy này [H7.07.03.01]. Căn cứ vào nghị định 56/2015/NĐ-CP và Nghị định 88/2017/NĐ-CP của chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức, Nhà trường ra kế hoạch đánh giá viên chức và xét thi đua, khen thưởng; kế hoạch này được phổ biến rõ ràng đến các đơn vị bằng văn bản và thông báo công khai trên website của Trường [H7.07.03.02].

Quá trình đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch để đảm bảo tính công bằng dân chủ tại đơn vị và theo đúng các bước như kế hoạch đánh giá đánh giá viên chức và được ghi thành biên bản [H7.07.03.03]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoàn thành tốt vai trò trách nhiệm của mình đa phần đều đạt được danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có cán bộ đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H7.07.03.04].

Đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ trong Trường ĐHCT, BM GDTC được xác định năng lực cụ thể qua hệ thống bảng cấp, chứng chỉ cần thiết khi tuyển dụng

vào làm việc. Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, bổ sung năng lực đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ. [H07.07.03.07], [H07.07.03.08], [H07.07.03.09].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ của Nhà trường và BM GDTC được xác định và đánh giá thường xuyên, được quan tâm hoàn thiện hàng năm nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của nhà trường và đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Công tác đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc của đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ hàng năm đôi khi thực hiện mang tính hình thức, chưa xác định, đánh giá cụ thể đối với từng nhóm công việc, từng cá nhân có liên quan, chưa quan tâm đến hiệu quả công việc.

4. Kế hoạch hành động

BM GDTC, các đơn vị trực thuộc trường ĐHCT cần xây dựng bảng đánh giá, xác định năng lực của đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ cụ thể từng nhóm công việc, mang tính định lượng, dựa vào hiệu quả công việc.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Trường ĐHCT rất quan tâm đến công tác nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ viên chức thường xuyên, liên tục nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của Nhà trường. Hàng năm, Phòng TCCB của Trường ĐHCT đều rà soát, tham mưu Nhà trường tổ chức, đề nghị các viên chức, nhân viên phục vụ, đăng ký nhu cầu bồi dưỡng, đào tạo của từng cá nhân. Trường ĐHCT, hàng năm đều cấp khoản kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức nhân viên. BM.GDTC thực hiện nghiêm túc kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các viên chức của đơn vị dựa trên bảng đăng ký nhu cầu của các cá nhân. [H07.07.04.01].

BM.GDTC hiện có 03 viên chức, người lao động hành chính văn phòng và 04 giảng viên được phân giao nhiệm vụ kiêm nhiệm (Trợ lý đào tạo, trợ lý thiết bị, trợ lý ĐBCL- NCKH, trợ lý tổ chức). Hàng năm, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng xuất phát từ bản thân của viên chức, người lao động và nhiệm vụ chung của Nhà trường được

thống kê và bố trí đào tạo, bồi dưỡng tại trường hoặc các cơ sở ngoài trường một cách khoa học, phù hợp. Viên chức, người lao động của BM. GDTC được bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên về kiến thức PCCC, ĐBCL, nghiệp vụ văn thư, thư viện, kỹ năng lễ tân, nghiệp vụ chuyên viên, ngoại ngữ, tin học...[H07.07.04.02], [H07.07.04.03].

Ngoài ra, BM. GDTC còn tham mưu cho Nhà trường tạo điều kiện cho viên chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn theo nhu cầu của bản thân. Đến năm 2015, viên chức hành chính của BM.GDTC đã hoàn thành học tập hoàn thiện đại học, các chứng chỉ cần thiết cho vị trí việc làm chuyên viên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Bộ môn GDTC luôn quan tâm đến Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

3. Điểm tồn tại

Một số viên chức nữ chưa thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn do chưa bố trí được thời gian, bận gia đình.

4. Kế hoạch hành động

Bộ môn tiếp tục động viên các viên chức nữ khắc phục việc gia đình để tiếp tục học tập nâng cao trình độ đáp ứng các nhiệm vụ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Công tác đánh giá viên chức và bình xét danh hiệu thi đua năm học Trường ĐHCT và BM.GDTC luôn thực hiện đúng theo Luật viên chức, Luật thi đua khen thưởng và các qui định hiện hành. Hàng năm, Nhà trường đều có Kế hoạch đánh giá viên chức và xét danh hiệu thi đua năm học. BM.GDTC thực hiện đúng theo quy định của Nhà trường, tiến hành cho các viên chức tự đánh giá (theo mẫu), sau đó tổ chức họp đánh giá từng cá nhân trong toàn đơn vị. Kết quả đánh giá viên chức và bình xét danh hiệu năm học được thông tin cụ thể, công khai đến toàn thể đội ngũ viên chức của đơn vị. [H07.07.05.01].

Công tác đánh giá kết quả công việc của viên chức, nhân viên hỗ trợ đào tạo được BM.GDTC thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Nhà trường. Hàng năm, theo quy định chung, tất cả các giảng viên, viên chức, người lao động đều phải đăng ký khối lượng công tác, nhiệm vụ công việc, công tác NCKH. Nhà trường tiến hành đánh giá viên chức, người lao động hàng năm theo kế hoạch cụ thể. BM.GDTC tổ chức họp, tiến hành đánh giá viên chức, người lao động. Trên cơ sở kết quả đánh giá hiệu quả công việc của viên chức, người lao động, Ban lãnh đạo BM.GDTC và Hội đồng BM.GDTC sẽ xem xét các danh hiệu khen thưởng năm học: lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở... Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo BM.GDTC cũng có các hình thức phê bình, động viên các viên chức, người lao động còn thiếu sót trong quá trình công tác cố gắng hoàn thành nhiệm vụ trong năm tiếp theo. [H07.07.05.01].

Ngoài ra, viên chức, nhân viên hỗ trợ của BM.GDTC còn được Ban lãnh đạo BM.GDTC, tổ chức Công đoàn đề nghị khen thưởng các danh hiệu “Công đoàn viên xuất sắc”, “Cơ quan an toàn”, “Danh hiệu 2 giỏi” và các hình thức động viên khác. [H07.07.05.02], [H07.07.05.03].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường ĐHCT và BM.GDTC được thực hiện công khai, minh bạch, đúng theo quy định hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá, bình xét khen thưởng đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ của Nhà trường và BM.GDTC đôi khi mang tính cảm tính, ít quan tâm đến hiệu quả công việc của từng nhóm công việc, từng cá nhân.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2020 – 2022, BM.GDTC xây dựng bảng tiêu chí đánh giá, bình xét khen thưởng đội ngũ VC-NLĐ mang tính định lượng, dựa trên hiệu quả công việc.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận về tiêu chí 7

BM.GDTC trực thuộc Trường ĐHCT có những cơ chế hoạt động đặc thù. BM.GDTC vừa có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình

xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, đặc biệt là phát triển đội ngũ cán bộ phòng chức năng vì chỉ tiêu biên chế có giới hạn.

Đến nay, Trường đã có đội ngũ chuyên viên, nhân viên được tuyển chọn đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của trường nói chung và của chương trình đào tạo Cử nhân ngành GDTC nói riêng, được đảm bảo các điều kiện vật chất, kỹ thuật và tinh thần để hoàn thành tốt công việc của mình, được tạo điều kiện để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ hành chính phục vụ đều tinh thông nghiệp vụ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo.

Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển, Nhà trường còn phải nỗ lực nhiều mới có được đội ngũ đủ sức hoàn thành công việc trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên cần được tạo điều kiện tham gia tích cực hơn trong các hội thảo, tập huấn cũng như có kế hoạch hướng đến phục vụ số lượng cán bộ, giảng viên và sinh viên ngày càng tăng.

-Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 7: Tiêu chuẩn 7 có mức đánh giá trung bình đạt 5.8/7.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong quá trình học tập, sinh viên được nhà trường ĐHCT cũng như BM GDTC hỗ trợ tối đa các điều kiện về cơ sở vật chất, học liệu, hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm ... đáp ứng yêu cầu của sinh viên, theo 1 chuẩn mực thống nhất, vừa phát huy tính tích cực của sinh viên, vừa đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Trường ĐHCT và BM GDTC có chính sách tuyển sinh ngành Giáo dục thể chất được xây dựng, xác định rõ ràng và công bố dựa trên sự góp ý của các bên liên quan.

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng.

Bộ GD và ĐT ban hành các quy định tuyển sinh đại học hàng năm [H08.08.01.01] và thông tư sửa đổi bổ sung vào năm 2013 và 2016 [H08.08.01.02].

Trường ĐHCT xác định chỉ tiêu tuyển cử nhân GDTC từng năm ở BM GDTC.

Chính sách tuyển sinh được công bố công khai.

Trước mỗi đợt tuyển sinh, Trường ĐHCT niêm yết thông tin trên website [H08.08.01.03] để mọi người dễ dàng tiếp cận. Các thông tin được đăng tải gồm những nội dung cốt lõi sau: đối tượng và vùng tuyển, tổng chỉ tiêu và chỉ tiêu theo từng ngành, phương thức xét tuyển, điểm xét tuyển, các đợt xét tuyển, chính sách ưu tiên, học phí dự kiến và ký túc xá [H08.08.01.04].

Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp với các đơn vị như Báo Tuổi Trẻ tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp vào tháng 3 hàng năm cho học sinh các trường THPT ở khu vực ĐBSCL [H08.08.01.05] để giới thiệu về các Khoa/Viện, trong đó có BM GDTC với các CTĐT, các hướng nghiên cứu và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp của CTĐT.

Trong những năm gần đây, để người học có thể tiếp cận thông tin ngành học để có thể định hướng nghề nghiệp cụ thể, rõ ràng hơn Trường ĐHCT và BM GDTC còn thực hiện thiết kế các video clip giới thiệu về ngành nghề được tuyển sinh [H08.08.01.06].

Dựa trên kết quả kỳ thi thống nhất toàn quốc, Bộ GD & ĐT công bố điểm sàn cho từng khối thi. Từ mức điểm sàn, các trường đặt ra điểm chuẩn cho từng ngành và tiến hành xét tuyển thí sinh qua nhiều đợt [H08.08.01.07].

Sau khi có kết quả xét tuyển, Trường ĐHCT gửi Giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển qua đường bưu điện. Trên Giấy báo nhập học bao gồm các hướng dẫn làm thủ tục nhập học, học phí và lịch sinh hoạt đầu khóa. Bên cạnh đó, một số thông tin khác như thời khóa biểu, giáo viên cố vấn học tập, lịch khám sức khỏe, quy chế học vụ được đăng tải trên website dành cho tân sinh viên [H08.08.01.07]

Chính sách tuyển sinh được cập nhật.

Để thu hút nhiều sinh viên hơn, một số thí sinh được điểm ưu tiên theo khu vực, một số thí sinh được tuyển thẳng môn năng khiếu (chẳng hạn như học sinh, VĐV các các giải thể thao Quốc tế). Các chính sách ưu tiên này được cho phép bởi Quy chế tuyển sinh và các hướng dẫn của Bộ GD và ĐT.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành GDTC được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh thi và xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại

Chưa khai thác hiệu quả và tận dụng kênh thông tin từ các cựu sinh viên, học viên, trong việc quảng bá rộng rãi thông tin về ngành GDTC đến xã hội.

4. Kế hoạch hành động

BM GDTC sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHCT để tăng cường quảng bá chính sách tuyển sinh ngành GDTC. Phối hợp chặt chẽ với bộ phận truyền thông của trường ĐHCT để quảng bá rộng rãi thông tin về BM GDTC Trường ĐHCT từ năm học 2020-2021.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

BM GDTC, Trường ĐHCT về phương pháp tuyển chọn sinh viên được xác định rõ ràng và được đánh giá. [H08.08.02.01].

Việc tuyển chọn sinh viên ngành GDTC về cơ bản dựa trên các quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD & ĐT. Trường ĐHCT xác định chỉ tiêu tuyển cử nhân GDTC từng năm ở BM GDTC.

Việc tuyển sinh và học tập chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Thể chất dựa trên điểm tổ hợp thi các môn học sau: 1. Toán; 2. Sinh; 3. Năng khiếu [H08.08.01.07]. Phương thức tuyển sinh được thực hiện dựa trên kết quả kỳ thi THPT Quốc gia hàng năm và thi môn năng khiếu thể dục thể thao (*Chạy 30m; Bật xa tại chỗ; Chiều cao cân nặng; Gập dẻo*).

Nguyên tắc tuyển chọn:

- Những thí sinh có điểm tuyển chọn trong cùng 1 ngành bằng nhau thì được tuyển chọn như nhau (nếu trúng tuyển thì cùng trúng tuyển).

- Điểm xét tuyển của các thí sinh được xếp theo thứ tự từ cao đến thấp để xác định ngưỡng điểm trúng tuyển khi so với số lượng chỉ tiêu cần tuyển. thí sinh có điểm xét tuyển cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển thì sẽ trúng tuyển.

Dựa trên đánh giá tình hình thực tế của đợt thi tuyển sinh mỗi năm, Bộ GD & ĐT có thể ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung quy chế thi vào những năm tiếp theo nhằm cải tiến hiệu quả kỳ thi. Dưới đây là một số bảng thống kê liên quan đến việc tuyển chọn người học và tình hình biến động người học qua các năm.

Bảng 8.1: Tổng số sinh viên ghi danh vào chương trình GDTC trong 5 năm gần nhất

	Số lượng nộp hồ sơ dự tuyển	Số lượng hồ sơ được chấp nhận (trúng tuyển)	Số lượng sinh viên nhập học	Điểm chuẩn Đầu vào
2014 – 2015	848	61	61	18.25
2015 – 2016	190	64	64	18.00
2016 – 2017	98	41	41	20.5
2017 – 2018	103	39	39	20.55
2018 – 2019	96	23	23	21.10

Có thể thấy rằng các thí sinh trúng tuyển ngành Cử nhân GDTC có điểm thi đầu vào tương đối tốt qua các năm. Trong 5 năm qua, chương trình đào tạo ngành Cử nhân GDTC có tổng số sinh viên ổn định và tổng số sinh viên các khóa khác nhau trong 1 năm học có xu hướng giảm tính từ năm 2014 đến nay.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển chọn ngành Cử nhân GDTC nghiêm túc, đúng quy định; Phương pháp tuyển chọn sinh viên được đánh giá thực tế của đợt thi tuyển sinh mỗi năm.

3. Điểm tồn tại

Công tác tuyên truyền về phương pháp tuyển chọn sinh viên, chưa thật sự đáp ứng mong đợi.

4. Kế hoạch hành động

BM GDTC sẽ phối hợp chặt chẽ với truyền thông của Trường ĐHCT để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác tuyển chọn số lượng sinh viên ổn định.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên

1. Mô tả

BM GDTC, Trường ĐHCT có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên. [H8.08.03.01], [H8.08.03.07].

Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ của sinh viên trong học tập và rèn luyện.

Trước mỗi học kỳ, các sinh viên được yêu cầu phải lập kế hoạch học tập dựa theo ý muốn của bản thân, góp ý của giảng viên cố vấn học tập và chương trình đào tạo khuyến khích. Để tiện cho các sinh viên tham khảo, kế hoạch học tập mẫu (chương trình đào tạo khuyến khích) được BM GDTC đưa ra, trong đó đề xuất học kỳ nào nên học những học phần gì. Ngoài ra, đề cương các học phần cũng được công khai để sinh viên có thể tham khảo.

Có hệ thống giám sát phù hợp về kết quả học tập và khối lượng học tập của sinh viên.

Để theo dõi tiến trình học tập của mình, sinh viên xem điểm trực tiếp học phần thông qua website Hệ thống quản lý. Cố vấn học tập có thể xem điểm của các SV thuộc lớp mà họ phụ trách thông qua website Hệ thống quản lý. Kết quả là họ có cơ sở để cho sinh viên điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

Về phía giảng viên phụ trách lớp học phần, họ có trách nhiệm công bố điểm đối với lớp học phần của họ. Sau khi công bố điểm, các sinh viên có thể khiếu nại để giảng viên xem xét. Cuối cùng, giảng viên phụ trách lớp học phần thực hiện khóa điểm để đảm bảo rằng bảng điểm không bị chỉnh sửa gì thêm.

Về phía nhà trường ĐHCT sẽ thông báo đến mỗi sinh viên có kết quả học tập kém, để sinh viên tự điều chỉnh kết quả học tập của mình tốt hơn ở các học phần kế tiếp và có kế hoạch trả nợ môn học trong thời gian thích hợp.

Bên cạnh đó sự phối hợp của các đơn vị có liên như: Đoàn Thanh Niên, Hội sinh viên, Phòng ĐT, Phòng CTSV, Trung tâm TT&QTM ... để sinh viên có thông tin điều chỉnh kế hoạch học tập đúng tiến độ.

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV về học tập và rèn luyện được thực hiện trên phần mềm quản lý dưới nhiều mức độ quản lý khác nhau. Sự tiến bộ của SV được giám sát bởi một hệ thống gồm GV, CVHT, trợ lý đào tạo, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV.

4. Kế hoạch hành động

BM GDTC đề xuất nâng cấp hệ thống quản lý SV theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với SV trong học tập và rèn luyện. Tiếp tục nâng cao hiệu suất tiến bộ của SV được giám sát bởi một hệ thống gồm GV, CVHT, trợ lý đào tạo, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV

1. Mô tả

BM GDTC, Trường ĐHCT có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên. [H8.08.04.01], [H8.08.04.02].

Tư vấn học tập: Nhằm hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, Trường/BM GDTC phân công một giáo viên cố vấn học tập phụ trách cho mỗi lớp chuyên ngành ngay từ khi sinh viên mới nhập học năm thứ nhất. Thông tin liên lạc của giảng viên cố vấn học tập được công khai đến sinh viên của lớp thông qua website Hệ thống quản lý. Nhiệm vụ và thời gian làm việc của giảng viên cố vấn học tập được ghi rõ trong quy định của trường điển hình một số công tác chính như sau: (Tư vấn hỗ trợ giúp đỡ cho sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Tổ chức họp lớp ít nhất 3 lần trong mỗi học kỳ để nắm tình hình lớp, định hướng việc học và truyền đạt các thông báo của BM GDTC và Trường. Tổ chức đánh giá điểm rèn luyện cho các sinh viên của lớp). [H8.08.04.03], [H8.08.04.04].

Bên cạnh đó, vào mỗi đầu năm học, Ban chủ nhiệm khoa và Đoàn Thanh niên BM GDTC có tổ chức buổi sinh hoạt đầu năm học để tổng kết tình hình học tập, nghiên cứu, tiếp nhận và giải đáp các thắc mắc của sinh viên. Đối với sinh viên mới nhập học (tân sinh viên), để các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, nhà trường và BM GDTC đã phổ biến nội qui, qui chế cũng như hướng dẫn, tư vấn phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học.

Đối với sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp (sinh viên năm thứ tư), sinh viên có quyền lựa chọn đề tài tốt nghiệp và giáo viên hướng dẫn đề tài -được công bố mỗi học kỳ trên trang web BM GDTC. Khi được chấp thuận, các sinh viên này được

hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu, bảo vệ đề cương, cách thu thập dữ liệu, cách bố trí thực nghiệm, cách viết báo cáo... Sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp dưới sự cố vấn và giám sát tiến độ của giáo viên hướng dẫn.

Ngoài ra, nhà trường thực hiện khen thưởng, cấp học bổng, hỗ trợ đối với người học có thành tích học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng qui định khen thưởng với mục đích khuyến khích sinh viên nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình. [H8.08.04.05], [H8.08.04.06].

Hoạt động ngoại khóa: Đoàn Thanh niên Trường ĐHCT đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng cho ĐTN BM GDTC thực hiện các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên. Các hoạt động chính mà tổ chức này thực hiện bao gồm: giao lưu văn nghệ và thể thao, các hoạt động xã hội; hoạt động học thuật. Ngoài ra, các liên chi hội sinh viên các tỉnh trong và ngoài trường cũng có nhiều hoạt động ngoại khóa để sinh viên tham dự.

Hàng năm BM GDTC cử 2 sinh viên tham gia đi học ngắn hạn ở nước ngoài, kết thúc khóa học các bạn đều có kết quả tốt.

Hoạt động thi đua: BM GDTC tạo điều kiện cho Sinh viên của GDTC tham gia các cuộc thi trong và ngoài trường. Đối với các em đạt kết quả ở những cuộc thi, BM GDTC luôn có chế độ khen thưởng kèm theo nhằm động viên tinh thần của các em. Một số cuộc thi mà sinh viên của ngành GDTC từng tham gia. Hội thao truyền thống, hội diễn văn nghệ, thi online Olympic các môn Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh. [H8.08.04.07], [H8.08.04.08].

Dịch vụ hỗ trợ khác: Hàng năm, BM GDTC phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức Ngày hội việc làm và một số chuyên tham quan thực tế đến các trung tâm TĐTT giúp sinh viên xác định những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần rèn luyện trước khi đi làm.

Sinh viên ngành GDTC có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành ở TTHL. Ngoài ra, Trường ĐHCT còn có các phòng chức năng như trạm xá y tế, phòng gym, nhà thi đấu đa năng và căng tin hỗ trợ các vấn đề khác ngoài việc học của sinh viên. Đặc biệt, Phòng CTSV đóng một vai trò trung tâm trong việc hỗ trợ và cố vấn về sinh hoạt, chỗ ở và việc làm cho sinh viên, đặc biệt trong thời gian gần đây là hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên.

Để giúp SV tiếp cận cơ hội nghề nghiệp cũng như rèn luyện các kỹ năng xin việc, nhà trường có Trung tâm tư vấn và hỗ trợ SV chuyên tổ chức các ngày hội việc Làm và cung cấp các kiến thức có liên quan về việc làm, kỹ năng xin việc ở trường thường xuyên tổ chức các buổi phỏng vấn tuyển dụng và định hướng nghề nghiệp của các công ty, doanh nghiệp hỗ trợ sinh viên nâng cao kỹ năng và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập được Trường ĐHCT, BM GDTC triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa, dịch vụ hỗ trợ khác được SV ngành GDTC hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình rèn luyện và học tập tại Trường ĐHCT.

3. Điểm tồn tại

BM GDTC chưa phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên trong công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV

4. Kế hoạch hành động

BM GDTC cần phải phối hợp thường xuyên với các đơn vị liên quan trong công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cho SV nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân sinh viên

1. Mô tả

BM GDTC, Trường ĐHCT đã không ngừng hoàn thiện và phát triển cả về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan tự nhiên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân sinh viên. [H8.08.05.01], [H8.08.05.07].

Môi trường cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của sinh viên.

Trường ĐHCT được biết đến là trường đại học có khuôn viên rộng, đẹp và môi trường làm việc thân thiện trong cả nước. Cơ sở đào tạo của Trường ĐHCT tọa lạc trên 4 địa điểm: khu I, khu II, khu III thuộc thành phố Cần Thơ và khu Hòa An thuộc tỉnh Hậu Giang; giảng đường và ký túc xá. Trường có khuôn viên thoáng mát, đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt. Trong Trường ĐHCT có sơ đồ nhà học, ký hiệu phòng học để thuận tiện cho việc học tập của sinh viên ngành GDTC với 1 khu liên hợp thể thao với 1 nhà thi đấu đa năng, 1 nhà tập cầu lông, bóng bàn, thể dục, sân bóng đá lớn cùng nhiều sân bóng chuyên ngoài trời, sân bóng rổ để giảng dạy cho SV các học phần thực hành ngoài trời và NCKH. Công tác y tế, sức khỏe cũng được Trường quan tâm chu đáo cho SV học tập ở Trường. Phòng công tác SV cũng cấp những quy trình chăm sóc sức khỏe cần thiết cho SV trên website của Trường để các SV có nguồn thông tin tham khảo về các biện pháp phòng bệnh. Khi bắt đầu năm học mới, Trường đều tổ chức khám sức khỏe cho tất cả các SV vừa trúng tuyển vào Trường [H8.08.05.03], [H8.08.05.04].

Môi trường tâm lý, xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của sinh viên.

Môi trường xã hội cũng góp phần tác động đến tâm lý của sinh viên. Nhìn chung, tâm tính đa số sinh viên hiền lành, hoạt bát và biết giúp đỡ nhau trong học tập cũng như trong đời sống hàng ngày. Nhiều giảng viên thân thiện và dễ gần giúp sinh viên không cảm thấy áp lực trong giao tiếp. Trong và ngoài trường, có rất nhiều không gian xã hội thu hút sinh viên như căng-tin, quán ăn, phòng gym, khu tự học Câu lạc bộ tiếng Anh. [H8.08.05.05], [H8.08.05.06].

KTX Trường ĐHCT là địa chỉ tin cậy cho SV an tâm sinh hoạt, học tập và rèn luyện, KTX có hàng rào bao quanh, có lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp 24/24.

Những tiện ích dành cho SV nội trú: Được sử dụng miễn phí wifi, tốc độ kết nối cao, miễn phí gửi xe đạp; Hệ thống siêu thị mini, căng-tin, nhà xe; nhà ăn phục vụ SV.

Sinh viên có thể tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, rèn luyện kỹ năng mềm; khu vui chơi, luyện tập TDTT cho SV.

Sinh viên diện chính sách xã hội, SV có hoàn cảnh khó khăn là đối tượng phục vụ chính của KTX. Nhà trường đảm bảo đáp ứng đầy đủ các nhu cầu chỗ ở nội trú của SV thuộc đối tượng này. Để tạo điều kiện tối đa cho SV, Trung tâm Phục vụ SV,

thuộc Phòng Công tác SV đã xây dựng phần mềm đăng ký phòng trực tuyến, giúp SV dễ dàng truy cập và đăng ký. Kết quả đăng ký cũng được công khai trên trang web của Trung tâm.

Nhằm hỗ trợ SV trong việc nâng cao sức khỏe, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, giúp SV có thể tập trung học tập tốt. Trường ĐHCT, BM GDTC và Đoàn Thanh niên hàng năm đến tổ chức nhiều hoạt động trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng như các nội dung công tác khác: Hội diễn văn nghệ & thể thao truyền thống cấp Trường và cấp BM GDTC trực thuộc trường; Tổ chức các hoạt động văn nghệ chào đón tân SV; Tổ chức tập huấn “Sức khỏe sinh sản thanh niên”; Ngoài ra, còn tổ chức hoạt động khác như thi nấu ăn, cắm hoa... nhân dịp các ngày lễ lớn.

Môi trường sinh hoạt an toàn, an ninh là động lực và cơ sở để SV có thể yên tâm học tập tại Trường. Do đó, Ban Giám hiệu Trường rất quan tâm đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong trường. Ngoài lực lượng bảo vệ của Trường, riêng BM GDTC có 01 người làm nhiệm vụ bảo vệ 2 nhà thi đấu và tập luyện TDTT. Ngoài ra còn có lực lượng bán chuyên trách là các Hội tự quản, đội thanh niên xung kích mà nòng cốt là các SV cũng góp phần giữ gìn an ninh trật tự. Trường cũng đã thành lập Trung đội tự vệ cơ quan với 27 cán bộ chia làm 3 khu. Công tác phòng chống cháy nổ trong nhà trường cũng được thực sự quan tâm. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của trường, Bộ môn được trang bị đồng bộ và đầy đủ, mỗi khu vực cần thiết đều có bình chữa cháy và chuông báo cháy hiện đại. Đặc biệt tại các phòng học có nguy cơ cháy nổ cao, đều được trang bị hệ thống chữa cháy và nhân viên phòng học đều được tập huấn định kỳ về kỹ năng phòng, chống cháy nổ. [H8.08.05.07], [H8.08.05.08], [H8.08.05.09], [H8.08.05.10].

2. Điểm mạnh

BM GDTC, Trường ĐHCT có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không tệ nạn xã hội, thân thiện, thoải mái đảm bảo phục vụ cho SV có liên quan đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho cá nhân sinh viên.

3. Điểm tồn tại

BM GDTC chưa khuyến khích sinh viên tận dụng hết những thuận lợi cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội cho hoạt động học tập, nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

BM GDTC cần có nhiều đề xuất nâng cao chất lượng môi trường cảnh quan tốt hơn nữa. Tiếp tục phát triển môi trường tâm lý, xã hội tạo điều kiện thuận lợi thoải mái học tập và nghiên cứu cho cá nhân sinh viên.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Với các yêu cầu về tuyển sinh ngành GDTC được Trường ĐHCT, Bộ môn GDTC xác định rõ ràng, công bố công khai, thường xuyên cập nhật, đáp ứng đủ các yêu cầu quy định của Bộ GD & ĐT, pháp luật của Nhà nước. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn sinh viên ngành GDTC được xác định cụ thể, rõ ràng được công bố trên website, các phương tiện thông tin đại chúng. Trường ĐHCT, BM GDTC có hệ thống theo dõi, giám sát cụ thể với từng sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện suốt khóa học. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm để cải thiện việc học tập của SV và giúp SV tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 8: Tiêu chuẩn 8 có mức đánh giá trung bình là 6/7.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHCT đã xây dựng hệ thống thư viện hiện đại, đồng bộ, có diện tích lớn (7.200 m²); có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài (121.437 nhan đề bản in và trên 47.000 tài liệu điện tử), thư viện được nối mạng, đáp ứng hiệu quả yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và người học trong hoạt động dạy, học và NCKH (bình quân 1.370 đọc giả/ngày).

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, hội trường, phòng thực hành (PTH), PTN, trạm/trại thực nghiệm, nhà thể dục thể thao (tỷ số diện tích sàn xây dựng trên SV chính quy là 3,85 m²/SV (120.913,18 m²/31.382 SV); có đủ trang thiết bị được đảm bảo về chất lượng và số lượng; có đủ thiết bị tin học và cơ sở hạ tầng CNTT đồng bộ phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Trường đáp ứng đủ nhu cầu nhà ở và sinh hoạt cho SV nội trú (10.234 chỗ); có trang thiết bị và sân bãi (diện tích 55.879 m²) cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

Trường có đủ phòng làm việc cho cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo quy định. Tổng diện tích đất được sử dụng cho mục đích đào tạo và nghiên cứu là 218,53 héc-ta (bình quân 69,6 m²/SV) với tổng diện tích sàn xây dựng là 263.632 m² (bình quân 8,4 m²/SV) vượt tiêu chuẩn quy định.

Trường có thực hiện quy hoạch tổng thể về sử dụng đất và phát triển CSVC của Trường (quy hoạch 1/2000, 1/500); có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, GV, nhân viên và người học.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện trạng về phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng... đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy, học và NCKH. Thông tin này được công khai trên website của Trường ĐHCT.

Bảng 9.1: Thống kê hiện trạng CSVC của Trường năm 2016

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Diện tích đất	ha	218,5369
II	Diện tích sàn xây dựng	m ²	263.631,99
1	Giảng đường, hội trường, phòng học		
	Số phòng/hội trường	phòng/hội trường	278
	Tổng diện tích sàn xây dựng	m ²	57.185,70
2	Phòng học ngoại ngữ, đa phương tiện, biên dịch		
	Số phòng	phòng	09
	Tổng diện tích sàn sử dụng	m ²	510
3	Thư viện và TTHL	m ²	12.276
4	PTN, thực hành thí nghiệm, thực hành máy tính, xưởng, trại và bệnh xá thú y		
	Số phòng	phòng	134
	Số lượng tiêu phòng trực thuộc	phòng	277
	Tổng diện tích sàn xây dựng	m ²	45.976,48
5	KTX thuộc cơ sở đào tạo quản lý		
	Số phòng	phòng	1.391
	Tổng diện tích sàn xây dựng	m ²	77.259,12
6	Diện tích nhà ăn	m ²	2.320
7	Diện tích sàn xây dựng nhà thể dục thể thao (2 nhà)	m ²	4.965

Tổng diện tích sàn xây dựng là 263.631,99 m² (bình quân là 8,40 m²/SV), trong đó, diện tích phục vụ trực tiếp cho đào tạo là 120.913,18 m² (giảng đường, hội trường, phòng học; thư viện và TTHL; PTN, PTH, trại, xưởng, nhà thể dục thể thao,..), (bình

quân đạt 3,85 m²/SV chính quy) cao hơn quy định của Bộ GD&ĐT tối thiểu không thấp hơn 2 m²/SV

BM GDTC có 16 phòng làm việc với diện tích 384 m² cho 19 cán bộ, giảng viên bình quân 20 m² phòng làm việc/cán bộ, giảng viên, các phòng làm việc cho cán bộ hành chính đủ mỗi người một bàn làm việc. Đối với giảng viên có 08 phòng bố trí các cabin làm việc và khu vực làm việc chung đảm bảo giảng viên có đủ không gian làm việc. Diện tích các phòng làm việc của giảng viên là 160 m² cho 19 giảng viên đạt bình quân 8.4 m² phòng làm việc/giảng viên. Phòng làm việc của cán bộ hành chính và giảng viên đều có máy tính kết nối mạng internet. Ngoài các phòng làm việc dành cho Trưởng Bộ môn (01 phòng Trưởng Bộ môn và 03 phòng Phó trưởng Bộ môn), đơn vị còn bố trí các phòng làm việc dành cho các đoàn thể như: chi bộ, công đoàn, đoàn thanh niên, hội sinh viên, các câu lạc bộ TDTT... có đầy đủ các trang thiết bị, để đảm bảo các hoạt động hỗ trợ cho sinh viên trong công tác đoàn thể và công tác Đảng khi sinh hoạt và học tập tại đơn vị. Hệ thống phòng học, giảng đường của trường được phân chia thành 02 loại (Giảng dạy lý thuyết và thực hành) đảm bảo phục vụ cho hoạt động dạy học, đào tạo. [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Nhà thi đấu TDTT, Công trình gồm 2 tầng, diện tích sàn là 3.465m², Diện tích sử dụng là 3.037 m²; khán đài có sức chứa 1.000 chỗ ngồi; có hệ thống điện, chống sét, cấp thoát nước và phòng cháy chữa cháy. Nhà thi đấu TDTT trường ĐHCT được thiết kế theo kiểu sân thi đấu đa năng, bao gồm các hạng mục: đầu tư kẻ đường link 01 sân bóng đá 5 người, 01 sân bóng chuyên, lấy đầu mốc 1 sân bóng rổ và 6 sân cầu lông, các phòng có cửa kiên cố và xung quanh nhà thi đấu là khoảng đất rộng.

Nhà tập luyện TDTT, bao gồm các hạng mục: 6 bàn Bóng bàn, 3 sân Cầu lông. Tổng diện tích mặt bằng nhà thi đấu 1000m². Nhà tập đang sử dụng để giảng dạy chính khóa các môn cầu lông, bóng bàn, võ taekwondo, đá cầu cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất và sinh viên các ngành trong giờ hành chính và buổi tối (tùy theo thời khóa biểu sắp xếp của Phòng Đào tạo và của bộ môn GDTC). [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Nhà tập luyện thể dục, võ, Tổng diện tích mặt bằng 500m². Sử dụng để giảng dạy chính khóa các môn thể dục tự do, thể dục nhịp điệu và các môn khác nếu có nhu cầu sử dụng (tùy theo thời khóa biểu sắp xếp của Phòng Đào tạo và của bộ môn GDTC).

Khu vực ngoài trời Tổng diện tích mặt bằng 30.200m², bao gồm các hạng mục:

05 sân bóng chuyên ngoài trời có thể tận dụng khoảng trống tập luyện bóng rổ. Sử dụng để giảng dạy chính khóa các môn bóng chuyên, bóng rổ và các môn khác nếu có nhu cầu luyện tập (tùy theo thời khóa biểu sắp xếp của Phòng Đào tạo và của bộ môn GDTC). [H9.09.01.05].

2. Điểm mạnh

Các phòng học phục vụ cho đào tạo được sử dụng hợp lý, hiệu quả: phục vụ các giờ lên lớp, thực hành, tự học tự nghiên cứu cho sinh viên, tổ chức sinh hoạt khoa học, tổ chức các hội đồng bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

BM GDTC được phân giao diện tích rất rộng (6.9 ha), Cơ sở vật chất của nhà trường phân bố không tập trung nên việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu cán bộ còn hạn chế, phải tiến hành theo đầu tư phân kỳ, giai đoạn, từng khu vực.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đã cải tạo phòng làm việc của các khoa, bộ môn, trung tâm và phòng làm việc của các cán bộ và các phòng học của trường.

Quý I/2020 Nhà trường đã cải tạo mặt sân trước nhà thi đấu cũ, tiếp tục cải tạo mặt sân bóng đá phía sau nhà thi đấu mới.

Tiếp tục tham mưu Nhà trường trình Bộ Giáo dục và Đào tạo kế hoạch xây đường hồ bơi, đường chạy, sân cỏ nhân tạo ... trong năm học 2020 – 2021.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn tài liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHCT có hệ thống thư viện hiện đại và chuẩn mực phục vụ hoạt động dạy, học và NCKH (gồm TTHL, 14 thư viện chuyên ngành, TTHL của Trường là một trong 4 trung tâm được Tổ chức Atlantic Philanthropy (Mỹ) tài trợ xây dựng với các khu chức năng, từ các khu mượn, trả, gia hạn tài liệu, giao dịch làm thẻ; tư vấn thông tin học thuật; dịch vụ nghe nhìn; nghiên cứu sau đại học cho đến khu thư giãn được bố trí khoa học cùng các phương tiện hiện đại và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.

TTHL không ngừng phát triển các nguồn tài liệu điện tử có uy tín để phục vụ bạn đọc như các bộ CSDL điện tử ProQuest, Springerlink, Ebrary, Research4Life, Luật Việt Nam,... Đặc biệt, TTHL còn có sự kết nối các CSDL và thư viện quốc tế (thư

viện Đại học Alberta của Canada)

Bên cạnh đó, Trường có 14 thư viện chuyên ngành tại các khoa/viện được kết nối với hệ thống của TTHL, thường xuyên cập nhật tài liệu chuyên ngành, lưu trữ luận văn tốt nghiệp của người học, đa dạng hóa hình thức phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đáp ứng yêu cầu trong dạy, học và nghiên cứu chuyên ngành sâu tại đơn vị.

BM GDTC sử dụng thư viện chung của nhà trường với cơ sở hạ tầng của thư viện trường đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin chung về học tập và nghiên cứu cho toàn Trường và ngành GDTC. Thư viện tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên đến học tập và nghiên cứu. [H9.09.02.01], [H9.09.02.02].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT là đại học đa ngành nghề, đa lĩnh vực nên sinh viên ngành GDTC sử dụng thư viện chung của nhà trường sẽ làm tăng cơ hội tiếp cận những lĩnh vực khoa học khác nhau. Đơn vị quản lý các khóa luận và luận văn tốt nghiệp chuyên ngành để sinh viên tham khảo và định hướng nghiên cứu phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Ngành GDTC là chuyên ngành hẹp, nên đầu sách còn hạn chế, thông thường là sách cũ hay các công bố cũ của các nước tiến tiến về lĩnh vực này.

Ý thức đọc sách, tham khảo tài liệu của sinh viên ngành GDTC còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021 BM GDTC tiếp tục đề xuất với Lãnh đạo nhà trường đầu tư bổ sung thêm sách chuyên ngành để phục vụ sinh viên. Kết hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường giáo dục sinh viên ý thức sử dụng tài liệu học tập hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện nay, Trường có 134 PTN, PTH, trạm/trại thí nghiệm, xưởng thực hành và bệnh xá thú y thực hành với diện tích sàn là 45.976,48 m²; hơn 30 héc-ta diện tích trạm/trại thực nghiệm ngoài trời và 09 phòng học ngoại ngữ, đa phương tiện và biên dịch với diện tích sàn xây dựng là 510,00 m².

Trường ĐHCT luôn dành sự ưu tiên hàng đầu cho việc tăng cường trang thiết bị, cơ sở vật chất hiện đại phục vụ dạy học, nghiên cứu khoa học đã chủ động khai thác mọi nguồn lực để phục vụ cho mục đích này. Mỗi phòng đều được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thực hành đặc thù riêng của từng học phần, đảm bảo đủ điều kiện học tập và nghiên cứu. Các trang thiết bị đều được kiểm kê số lượng và chất lượng hàng năm. Quá trình kiểm kê được thực hiện theo kế hoạch và hướng dẫn của Phòng QTTB của Trường. Đơn vị thường xuyên xây dựng kế hoạch bảo trì, sửa chữa, kế hoạch nâng cấp, đầu tư thiết bị hiện đại phục vụ nhu cầu học tập của sinh viên tốt hơn. [H9.09.03.01], [H9.09.03.02], [H9.09.03.03].

Trang thiết bị, dụng cụ TDDT phục vụ đào tạo chuyên ngành GDTC được Bộ môn GDTC, Trường ĐHCT quan tâm đầu tư, cập nhật thường xuyên. Hàng năm, Nhà trường cấp kinh phí thường xuyên tự chủ, phân giao đơn vị BM GDTC xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung các dụng cụ, trang thiết bị TDDT phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý.

Bảng 9.2: Thống kê trang thiết bị, dụng cụ TDDT phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học ngành GDTC

TT	Sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị	Số lượng
<i>I</i>	<i>Sân bãi, nhà tập</i>	
1	Nhà thi đấu TDDT	1
2	Nhà thi tập luyện TDDT (cầu lông, bóng bàn, thể dục aerobic, võ...)	1
3	Sân bóng đá lớn	2
4	Sân cỏ nhân tạo	1
5	Sân bóng chuyền	20
6	Sân hoạt động TDDT chung	18
7	Sân điền kinh	1
8	Sân bóng rổ	2
9	Hố nhảy xa	2
<i>II</i>	<i>Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ TDDT</i>	
1	Bóng chuyền	100
2	Bóng đá	30
3	Vợt cầu lông	10
4	Bàn bóng bàn	10
5	Dụng cụ nhảy cao	2
6	Bóng rổ	30
7	Quả tạ 3 kg, 5 kg, 7 kg	30

TT	Sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị	Số lượng
8	Bàn đạp xuất phát (bộ)	4
9	Lực kế tay	2
10	Đồng hồ bấm giờ	4
11	Loa âm thanh di động	4
12	Bộ dụng cụ tập võ	5

Bảng 9.3: Thống kê kinh phí thường xuyên mua sắm trang thiết bị, dụng cụ TDTT hàng năm giai đoạn 2015 – 2019

Đvt: triệu đồng

Năm	Kinh phí phân giao thường xuyên hàng năm
2015	90
2016	82
2017	63
2018	66
2019	95

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên quan tâm, đầu tư kinh phí mua sắm dụng cụ trang thiết bị TDTT, sửa chữa sân bãi, nhà tập, nhà thi đấu ... phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học lĩnh vực TDTT và GDTC.

3. Điểm tồn tại

Đầu tư của Nhà trường còn một số hạng mục chưa đồng bộ để nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDTC. Bộ môn GDTC hiện chưa được đầu tư các hạng mục như: hồ bơi, đường chạy 100m, sân bóng đá lớn....

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020, BM GDTC xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm, đầu tư thiết bị hiện đại ... cho từng năm và kế hoạch 5 năm, 10 năm để nhà trường có kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí phù hợp.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hệ thống wifi được lắp đặt toàn trường và khu vực BM GDTC nhằm tạo điều kiện cho cán bộ và sinh viên thuận lợi cho việc truy cập thông tin bằng thiết bị cá

nhân. Hệ thống wifi của đơn vị có tốc độ đường truyền mạnh ... cho sử dụng miễn phí và được vận hành của trung tâm quản trị mạng của nhà trường, nên việc vận hành và bảo trì được thường xuyên và đảm bảo. [H9.09.04.01]. Trường có hơn 40 máy chủ chuyên dụng, hiện đại và hệ thống phần mềm quản lý tích hợp đã giúp Trường tinh học hóa hầu hết các hoạt động quản lý. Trường có trên 4000 máy tính, trong đó 90% máy tính được phục vụ các hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học, phần còn lại phục vụ cho công tác quản lý. Trường có đầy đủ các máy tính chuyên dụng cho các hoạt động đào tạo chuyên ngành tỉ lệ bình quân sinh viên chính quy là 9.47 SV/máy tính. [H9.09.04.02].

Thông qua hệ thống trang thông tin điện tử, thư điện tử, tất cả viên chức, người lao động và sinh viên ngành đào tạo đều được cung cấp địa chỉ email mang tên miền ctu.edu.vn và tài khoản máy tính để thuận tiện cho công tác quản lý, truy cập vào hệ thống thông tin của nhà Trường. Các quy trình hỗ trợ quản lý và đào tạo như: phân quyền sử dụng các phân hệ phần mềm trong hệ thống thông tin tích hợp; tiếp nhận và khắc phục/hỗ trợ khắc phục sự cố website; cấp tài khoản, mật khẩu hộp thư điện tử hoặc máy tính cho cán bộ và sinh viên... được hướng dẫn chi tiết trên website của TTTT & QTM [H9.09.04.03].

Đảm bảo an toàn thông tin và dữ liệu trong các hoạt động được đảm bảo bằng hệ thống tường lửa chuyên dụng và các chương trình diệt vi-rút được cài đặt ở các máy tính [H9.09.04.04].

2. Điểm mạnh

Những năm gần đây, nhà trường đã quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng và lắp đặt thiết bị và nâng cấp đường truyền internet nên hiệu quả làm việc cũng như học tập được nâng cao.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng người dùng lớn và khối lượng hoạt động tập trung nên đôi lúc truy cập bị gián đoạn, nhất là thời điểm sinh viên đăng ký học phân trực tuyến.

BM GDTC là đơn vị giảng dạy cho tất cả sinh viên các ngành của nhà trường và là đơn vị thường xuyên tổ chức sự kiện nên việc sinh viên tập trung rất đông dẫn đến quá tải hệ thống wifi của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, BM GDTC tiếp tục đề xuất với lãnh đạo Nhà trường tiếp tục đầu tư thêm thiết bị, cơ sở hạ tầng để phục vụ tốt hơn nhu cầu của sinh viên trong học tập, nghiên cứu. Đồng thời, kết hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường giáo dục đạo đức sinh viên ý thức hiệu quả hơn.

5. *Tự đánh giá: 6/7*

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. *Mô tả*

Tổng diện tích nhà trường phân giao cho Bộ môn Giáo dục thể chất quản lý là khoảng 69.000 m². Khu vực này nằm trong khuôn viên chung của Trường nên được đầu tư rất tốt: khuôn viên rộng, thoáng mát, cảnh quan xanh – sạch – đẹp, hàng ngày được vệ sinh sạch sẽ, có đường bê tông và trải nhựa, có hệ thống đèn đường chiếu sáng, ban đêm đi lại thuận lợi và an toàn. Sinh viên sử dụng nhà ăn trong ký túc xá thuộc quản lý của trung tâm hỗ trợ sinh viên, luôn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chưa để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm đáng tiếc nào. Trước khuôn viên nhà thi đấu cũ có trạm xá của trường thường xuyên hỗ trợ khám sức khỏe và xử lý tình huống khi xảy ra tai nạn... Quá trình giảng dạy sinh viên được bố trí chủ yếu ở khu vực này, đảm bảo các quy chuẩn về vệ sinh môi trường. Nhà trường đã xây dựng, phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ. Các khu giảng đường được trang bị các thiết bị an toàn cháy nổ, cứu hộ và các tầng đều có bảng hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng cháy, chữa cháy. [H9.09.05.01], [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04], [H9.09.05.05].

Thực hiện công tác khám sức khỏe vào đầu khóa học, Trạm y tế của Trường có bác sỹ khám bệnh và cấp phát thuốc chăm sóc sức khỏe ban đầu trong giờ hành chính, viên chức khác trực 24/24 để xử lý các tình huống y tế [H9.09.05.09].

BM GDTC luôn quan tâm chỉ đạo công tác bảo vệ an toàn trật tự và giữ gìn môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, đảm bảo vệ chung. Nhờ có sự bảo vệ an ninh trật tự chặt chẽ và thường xuyên nên trong trường không xảy ra bạo lực và các tệ nạn xã hội. Các đơn vị trong trường cũng như các giảng viên luôn có thái độ thân thiện và tôn trọng, tạo môi trường, không khí tâm lý phù hợp giúp người học tự tin bình đẳng trong quan hệ giữa giảng viên và người học. [H9.09.05.06], [H9.09.05.07], [H9.09.05.08].

2. *Điểm mạnh*

Nhà trường đã quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng nên cảnh quan nhà trường đã có nhiều thay đổi, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện của nhà trường phân bố không tập trung nên việc quản lý, đầu tư phục vụ cho từng khu vực không đồng đều.

Ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng của bộ phận nhỏ sinh viên còn hạn chế. Bộ môn GDTC là nơi tập trung nhiều người tham gia học tập và rèn luyện sức khỏe nên sử dụng số lượng rất thái rất lớn. Chính sách đặc thù cho người khuyết tật chưa thể hiện rõ.

4. Kế hoạch hành động

Phân công kế hoạch thường xuyên vệ sinh môi trường, phân giao cho từng khóa sinh viên quản lý từng khu vực đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp.

Hợp đồng thuê công ty vệ sinh phân giao công việc cụ thể.

5. Tự đánh giá: 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 9

- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: trang thiết bị và các cơ sở vật chất khác của đơn vị đã đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo của chương trình cử nhân Giáo dục thể chất. Các quy định về việc quản lý và bảo vệ những tài sản này cũng đã được thực hiện rất chặt chẽ và nghiêm túc.

- Tồn tại chủ yếu: Nhà trường chưa có: hồ bơi, đường chạy, sân cỏ nhân tạo, khuôn viên riêng, các khu làm việc, giảng đường lại bố trí phân tán nên việc quản lý, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ cũng gặp nhiều khó khăn.

- Kế hoạch hành động: Từ năm 2020-2021, Bộ môn Giáo dục thể chất cùng lực lượng bảo vệ kết hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy của thành phố Cần Thơ tăng cường giáo dục ý thức trách nhiệm của nhân viên bảo vệ. Thường xuyên kiểm tra và nhắc nhở giảng viên, cán bộ và người học thực hiện các quy định về sức khỏe môi trường và an toàn.

Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 9: Tiêu chuẩn 9 có mức đánh giá trung bình 6/7.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

CTĐT ngành GDTC Trường ĐHCT được xây dựng tuân thủ theo đúng Quy chế đào tạo và các hướng dẫn về xây dựng CTĐT, đã quy tụ được ý kiến đóng góp của các bên tham gia như các chuyên gia giáo dục, đội ngũ giảng viên chuyên ngành, cán bộ quản lý, người học và nhu cầu tuyển dụng của các tỉnh khu vực ĐB.SCL. Theo định kỳ, Trường ĐHCT đều nhận các thông tin phản hồi từ hệ thống đánh giá hoạt động dạy của giảng viên thông qua người học, từ đó Trường ĐHCT đều có sự điều chỉnh, cập nhật và bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp với năng lực, nhu cầu và nguyện vọng của người học. CTĐT ngành GDTC thường xuyên được cập nhật, đánh giá và cải tiến ngày càng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Từ năm học 2014, sau khi đánh giá CTĐT theo hệ thống tín chỉ trường ĐHCT đã ban hành CTĐT 93 ngành CTĐT đại học áp dụng từ khóa 40 trong đó có ngành GDTC có số tín chỉ tăng lên 140 tín chỉ. Đến năm 2018, CTĐT được điều chỉnh lại theo biên bản số 2194/BB-ĐHCT ngày 16/10/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

CTĐT ngành GDTC được phát triển, chỉnh sửa và bổ sung với các góp ý phản hồi từ các chuyên gia, giảng viên và người học trong quá trình thiết kế và thực hiện chương trình đào tạo cử nhân GDTC theo CĐR. Hằng năm, mỗi cuối học kì người học đều phải thực hiện đóng góp ý kiến về môn học, giảng viên thông qua email được thiết kế chung do TT.QLCL tổng hợp kết quả gửi cho từng giảng viên và Bộ môn để tổng hợp ý kiến. Từ đó, Bộ môn GDTC sẽ tổng hợp các ý kiến đóng góp và gửi các phân tích, đánh giá cho các giảng viên để có sự điều chỉnh, bổ sung hợp lý cho đề cương môn học [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. Dựa trên các đóng góp ý kiến của người học, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên, giảng viên phụ trách môn Bộ môn GDTC sẽ nhóm họp cùng các giảng viên trong đơn vị tiến hành điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các nội dung học phần cần thiết, số tín chỉ, phương pháp giảng dạy & kiểm tra đánh giá trong CTĐT. Sau khi nhận các ý kiến phản hồi hằng năm, Bộ môn sẽ tiến hành điều chỉnh khung chương trình đào tạo ngành GDTC, đề cương các môn học và được trường ĐHCT phê duyệt sau đó tiến hành giảng dạy. [H10.10.01.04], [H10.10.01.05].

2. Điểm mạnh

- Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh CTĐT và CTDH.

- BM GDTC, hằng năm luôn chú trọng quan tâm đến các ý kiến đóng góp từ người học cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, cũng như các trường THPT có sinh viên kiến tập, thực tập hằng năm. Từ đó làm cơ sở kịp thời điều chỉnh môn học, khung CTĐT thiết thực hơn, gần hơn với nhu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

- Ý kiến đóng góp từ người học còn ít, mang tính chung chung không thiết thực với môn học, nhu cầu đào tạo ngành.

- Ý kiến phản hồi từ các BLQ gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được đầy đủ BLQ và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2020-2021 BM GDTC cần phối hợp chặt chẽ với P.CTSV, TT.QLCL để thông tin, tuyên truyền cho sinh viên ngành GDTC cần quan tâm hơn nữa đến việc đóng góp ý kiến cho môn học.

- Từ năm 2020, BM GDTC tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng (tổ trưởng chuyên môn, BGH trường THPT, lãnh đạo Sở GD) và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo GDTC 02 năm/1 lần.

- Hàng năm BM tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV về quá trình đào tạo, hợp tác chặt chẽ với các trường THPT và để nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác TTSP.

- Định kỳ theo kế hoạch tiếp tục đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành GDTC của trường ĐHCT được xây dựng theo đúng nguyên tắc thiết kế quy định trong qui chế đào tạo đại học của Bộ GD&ĐT.

Trong năm 2013, trường ĐHCT đã đưa ra quyết định thành lập tổ điều chỉnh mục tiêu đào tạo, CĐR của các CTĐT dựa trên hướng dẫn số 2098/ĐHCT ngày 08/11/2013. Từ năm 2014, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành GDTC được lấy ý kiến đánh giá, điều chỉnh và cải tiến. Sau khi được Trường ĐHCT phê duyệt chương trình ngành GDTC đã được tiến hành giảng dạy trong năm học 2014-2015 [H1.01.03.08]. Hằng năm, CTĐT và đề cương môn học luôn được lấy ý kiến đóng góp từ người học, cựu sinh viên, nhà quản lý, nhà tuyển dụng thông qua kênh email và thông tin website của BM GDTC, TT.QLCL, P.CTSV từ đó CTĐT được thiết kế, bổ sung và cải tiến cập nhật kịp thời các thông tin cần thiết cho nhu cầu đào tạo của ngành GDTC [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03].

CTDH trình độ đại học ngành GDTC thiết lập căn cứ vào CĐR ngành GDTC, Trường ĐHCT và kế hoạch điều chỉnh, biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường.

Đánh giá CTĐT là việc làm cần thiết và quan trọng, do đó Trường ĐHCT đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng với các tiêu chuẩn chung và thời gian đánh giá định kỳ được thực hiện sau mỗi 4 – 5 năm tùy theo đặc thù của ngành đào tạo. Trong lần gần nhất năm 2014, Trường ĐHCT đã có đánh giá, điều chỉnh CTĐT các ngành đào tạo trong toàn trường trong đó có ngành GDTC (áp dụng từ K40) cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội, đặc biệt là nâng cao chất lượng của chương trình tiếp cận với quốc tế. [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06], [H10.10.02.07].

Năm 2018, trường ĐHCT đã đưa ra quyết định lập tổ thư ký và tổ điều chỉnh CTĐT trình độ đại học. Theo cuộc họp của Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT, thường trực Hội đồng khoa học Trường ĐHCT số 2194/BB-ĐHCT ngày 16/10/2018, và kế hoạch điều chỉnh CTĐT trình độ đại học áp dụng từ khóa 45, Bộ môn GDTC tiến hành họp điều chỉnh CTĐT của ngành GDTC căn cứ vào việc khảo sát ý kiến SV về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của GV về chất lượng CTĐT, có sự đối chiếu với các CTĐT cùng chuyên ngành của các trường đại học có uy tín trong nước và đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo phù hợp với CĐR ngành GDTC để thiết kế CTĐT mới áp dụng cho SV của ngành GDTC. Sau khi thẩm định, Hội đồng khoa học của Khoa chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Trường ĐHCT thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTĐT ngành GDTC năm 2019.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế CTĐT và đánh giá, cải tiến ngành GDTC theo đúng quy định trong qui chế đào tạo đại học của Bộ GD&ĐT. Chương trình luôn được chú trọng đánh giá và cải tiến chất lượng theo định kỳ chung của trường.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ các BLQ chưa thật sự mới, phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Việc cải tiến CTĐT được căn cứ theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường thiếu sự chủ động của BM GDTC.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021 BM GDTC sẽ nâng cao hơn nữa công tác thu thập ý kiến đóng góp từ các bên liên quan để nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo ngành.

BM GDTC tiếp tục đánh giá và cải tiến định kỳ CTDH cũng như cập nhật, điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV thể hiện rất rõ trong các văn bản của Trường, như: đề cương chi tiết HP [H3.03.02.01], quy định về công tác học vụ [H4.04.01.05], kế hoạch của năm học [H6.06.06.01], và kế hoạch giám sát kiểm tra coi thi kết thúc HP mà BM và GV phải thực hiện [H10.10.03.01].

Hàng năm, Nhà trường đều đề ra kế hoạch rà soát, đánh giá thường xuyên kết quả hoạt động của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR [H10.10.03.02].

Việc đánh giá kết quả học tập, quá trình dạy & học ngành GDTC của trường ĐHCT luôn được Bộ môn, Trường thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra trong từng học kỳ cụ thể; giảng viên có thông báo đầy đủ lịch kiểm tra đánh giá với đơn vị, thời gian bù giờ theo đúng qui định của trường. Mỗi học kỳ, Bộ môn GDTC đều thành lập đoàn kiểm tra công tác coi thi, chấm thi, trả bài thi đúng qui định cũng như các kế hoạch theo chỉ đạo chung của trường ĐHCT. Ngoài ra, quá trình học tập của sinh viên luôn được thông tin, cập nhật theo kênh từ các CVHT, P.CTSV để kịp thời theo dõi, nhắc

nhờ sinh viên thực hiện đúng từ công tác đăng ký tín chỉ môn học đến các thông báo về công tác học vụ có liên quan đến sinh viên. [H10.10.03.03], [H10.10.03.04].

TT.QLCL phối hợp cùng BM GDTC tiến hành lấy ý kiến phản hồi của SV liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung GV có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.10.03.05]. Mỗi năm học, BM GDTC thường xuyên tổ chức các cuộc họp giữa BCN BM GDTC, CVHT và Ban cán sự các lớp GDTC, nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.06].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết HP, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá, ... Mỗi HP phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có quy định về trọng số điểm và đề thi phải bám sát mục tiêu HP và CDR cần đạt được.

Kết quả học tập của SV được quản lý chặt chẽ và được kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu quản lý điểm SV. Việc ra đề, chấm thi đều do GV dạy HP đảm nhiệm và được quy định cụ thể trong văn bản của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Công tác thông tin của quá trình dạy học, hoạt động đánh giá kiểm tra luôn đúng tiến độ và kịp thời đầy đủ thông tin thông qua các kênh của trường, BM GDTC, CVHT.

Quá trình dạy học được tổ chức và thực hiện nghiêm túc, chất lượng ngày càng cao. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi của GV, SV và các BLQ về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của SV chưa được thường xuyên

- Một số thông tin về công tác học vụ còn triển khai chậm đến người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021 BM GDTC sẽ nâng cao hơn nữa trong việc kết hợp và nhận thông tin nhanh hơn từ Trường, P.CTSV.

Từ năm 2020, BM GDTC Xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của GV, SV và các BLQ về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của SV của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR .

- Tiếp tục phát huy phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực.

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1.Mô tả

Các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên ngành GDTC hàng năm được đơn vị lưu trữ qua các tiểu luận nghiên cứu, các tài liệu của các kì hội thảo khoa học ngành được tổ chức tại Trường ĐHTC. Giảng dạy và NCKH là hai hoạt động luôn được đơn vị quan tâm, khuyến khích giảng viên tham gia từ đề tài cấp Bộ, Trường cũng như viết bài báo tham dự các hội thảo chuyên ngành tại các trường chuyên TĐTT & GDTC trong toàn quốc [H6.06.07.07], [H10.10.04.01].

Bảng 10.1: Bảng thống kê các đề tài, bài báo của đơn vị giai đoạn 2015-2019

Năm	Số lượng	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
2015	18	0	18	0
2016	16	0	16	0
2017	24	0	24	0
2018	17	1	16	0
2019	27	2	25	0

Nội dung các đề tài nghiên cứu khoa học của GV và SV ngành GDTC thuộc các lĩnh vực chuyên môn đào tạo như GDTC, HLTĐTT, Lý luận và phương pháp dạy học TĐTT... để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học [H10.10.04.01].

2.Điểm mạnh

Công tác nghiên cứu khoa học luôn được Bộ môn khuyến khích GV, SV tham

gia hằng năm. GV và SV tham gia trong NCKH và vận dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học, có sự hỗ trợ tích cực từ phía BM và Nhà trường. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và kết quả của nhiều đề tài đã gắn kết với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp GV có thêm nhiều ví dụ, SV có nhiều nguồn tài liệu tham khảo để cải tiến việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Hướng đề tài nghiên cứu không mới, không mang tính ứng dụng, hiệu quả kém và gần như không được tham khảo phát triển thêm. Các tài liệu nghiên cứu đóng quyển chứ gần như không được GV, SV quan tâm. Tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh không được chú trọng.

4. Kế hoạch hành động

- BM GDTC cần chủ động có hướng tốt hơn cho công tác NCKH, cần mang tính ứng dụng, đột phá cao, góp phần đem lại hiệu quả cho ngành và cho xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học của đội ngũ GV và SV, đặt biệt là các nghiên cứu nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường ĐHCT luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đóng góp một phần rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. *Trường có văn bản quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác* [H10.10.05.01].

Sinh viên ngành GDTC đến học tại trường ĐHCT luôn nhận được sự hỗ trợ từ các dịch vụ tiện ích chung trong toàn trường. Sinh viên có thể sử dụng thư viện hiện đại tại TTHL của trường để tìm hiểu, tra cứu tài liệu học tập cũng như đăng ký các học phần học tập trong học kì; hệ thống máy tính hiện đại, các đường link học liệu đa dạng để tra khảo giúp người học nhanh chóng tra cứu và học tập [H10.10.05.02], [H10.10.05.03].

Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống thông tin phục vụ hoạt động đào tạo. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng internet, hệ thống mạng internet và wifi

được sử dụng miễn phí toàn trường phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của Trường. Nhà trường có bộ phận quản lý chuyên trách quản trị mạng, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác giảng dạy và học đượ thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Bên cạnh đó bộ môn cũng phân công CVHT và có trợ lý công tác sinh viên là nhân lực đặc lực hỗ trợ sinh viên chuyên ngành [H8.08.04.11]; [H8.08.04.12].

Dựa trên kết quả kiểm tra, khảo sát, Trường thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hàng năm Trường đều xem xét và đề xuất nâng cấp, sửa chữa hoặc mua mới các đồ dùng phục vụ học tập, các thiết bị như máy chiếu, màn hình nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ việc giảng dạy và học tập cho cán bộ và SV [H10.10.05.04].

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho SV được tương tác thuận lợi với các chủ thể trong và ngoài trường, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho SV như Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ (<https://ctts.ctu.edu.vn/>) [H10.10.05.05], trung tâm học liệu (<https://lrc.ctu.edu.vn/>) [H10.10.05.07], Trung tâm NC và Ứng dụng công nghệ (<https://ccac.ctu.edu.vn/>) [H10.10.05.06], Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV (<https://scs.ctu.edu.vn/>) [H8.08.05.06], Không gian sáng chế (<https://mis.ctu.edu.vn/>) [H10.10.05.08].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của GV, cán bộ viên chức và SV được thực hiện thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ. Nhà trường đã có nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực dành cho SV;

Sinh viên được tiếp cận hệ thống tiện ích, CNTT hiện đại, phù hợp cho quá trình học tập và rèn luyện tại ĐHCT.

3. Điểm tồn tại

Nhiều sinh viên chưa quan tâm và chưa sử dụng hiệu quả các tiện ích mà nhà trường đã trang bị.

Cơ sở vật chất cũ, thiếu chuẩn và không phù hợp với tập luyện thể thao hiện đại. Hiện nay đơn vị chưa có phòng thí nghiệm chuyên ngành và phòng học phục hồi chức năng (massage) đúng chuẩn yêu cầu môn học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2019-2020, BM GDTC rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học;

Tiếp tục hàng năm đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại TTHL, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác)

BM GDTC cần tư vấn cho lãnh đạo nhà trường các phương án trong công tác cung cấp cơ sở vật chất đúng chuẩn tập luyện hiện đại, phân công cho các CVHT và cán bộ trợ lý công tác sinh viên phổ biến và tập huấn sử dụng các tiện ích mà nhà trường cung cấp.

5. Tự đánh giá : 6/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các BLQ để phát triển CTDH, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của SV ngành GDTC được thực hiện một cách hệ thống. TT.QLCL là đơn vị chuyên trách được Ban Giám hiệu Trường ĐHCT phân giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về các thông tin phản hồi của các bên liên quan (BLQ) trong việc cải tiến, phát triển CTĐT và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của Nhà trường. TT.QLCL đề xuất, tham mưu Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng các kế hoạch đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo các CTĐT mà đơn vị được phân giao quản lý, trong đó xây dựng cơ chế phản hồi của các BLQ là một nhiệm vụ quan trọng. Bộ môn GDTC luôn quan tâm đến sự phản hồi của các BLQ bao gồm: giảng viên, sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, nhà tuyển dụng và các chuyên gia....

Hàng năm, sau khi kết thúc học kì nhà trường tạo điều kiện cho sinh viên ngành GDTC đánh giá chất lượng môn học, giảng dạy thông qua kênh (email dẫn link) của TT.QLCL trường, kết quả đánh giá học phần từng môn cho các giảng viên

[H4.04.02.06]. BM GDTC luôn chú trọng quan tâm cải tiến, bổ sung, cập nhật thông tin cần thiết cho CTĐT hằng năm thông qua các đợt kiến tập, thực tập của sinh viên và tại hội thảo khoa học ngành của đơn vị.

Hàng năm, Nhà trường và BM GDTC tổ chức TTSP cho SV ngành GDTC. Phòng Đào tạo và BM lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động thực tập và tổ chức kiểm tra thực tập của SV tại các trường THPT. Đây cũng là một kênh hữu ích để Bộ môn GDTC thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng CTDH, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho SV đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.06.01].

Sau khi có các kết quả đánh giá từ người học, đơn vị sử dụng lao động thì Bộ môn tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá thông qua các kênh như hội thảo, họp mặt truyền thống, gặp gỡ trao đổi với các chuyên gia trong ngành, các buổi họp toàn thể đơn vị, các buổi giao lưu học tập kinh nghiệm thực tế... [H10.10.06.02].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến định kỳ. Hàng năm, trung tâm QLCL tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các BLQ để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập [H10.10.06.03]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các BLQ, TT QLCL gửi kết quả khảo sát cho lãnh đạo BM GDTC, GV giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học. Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, BM phân tích làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển CTDH [H10.10.06.04].

2. Điểm mạnh

- Cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống; Sinh viên được trực tiếp đánh giá cụ thể từng học phần đã học, thực hiện nhanh chóng, tiện lợi

- Cơ chế phản hồi được đánh giá, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

- Các phản hồi của SV về trang thiết bị đôi khi chưa được cải tiến kịp thời do phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường

- Ý kiến đóng góp từ các BLQ chưa được gắn với thực tiễn. Bộ môn tổng hợp còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm định kỳ tổ chức lấy ý kiến BLQ, kịp thời phản hồi đến Trường Khoa nhằm nâng cao chất lượng, phát triển CTDH.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện một cách có hệ thống cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
- Bộ môn cần kịp thời tập hợp và tổng kết đầy đủ hơn các ý kiến đóng góp của các BLQ.

5. Tự đánh giá : 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 10

-Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn: Trường ĐHCT và Bộ môn GDTC luôn chú trọng công tác nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo CTĐT được thiết kế đúng chuẩn. Định kỳ luôn cập nhật thông tin phản hồi của các BLQ để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của ngành và xã hội. Các kênh thông tin phản hồi đa dạng, nhanh chóng và dễ dàng tiếp nhận từ các BLQ.

-Điểm tồn tại chủ yếu: Sự tham gia của các BLQ còn hạn chế, thông tin chưa được cụ thể và xác thực tiến.

-Kế hoạch cải tiến: từ năm học 2019-2020, Bộ môn sẽ có kế hoạch cụ thể theo từng học kỳ để tham vấn các BLQ, có sự chuẩn bị trước các văn bản cần thiết qua tất cả các kênh thông tin (email, website, fb...).

Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 10: Tiêu chuẩn 10 có mức đánh giá trung bình đạt 5.33/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

BM GDTC Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo ngành cử nhân GDTC với kinh nghiệm trên 15 năm và uy tín hàng đầu ở khu vực ĐBSCL. Nguồn SV đầu vào của ngành luôn ĐBCL, phù hợp và đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành đào tạo. Trong công tác ĐBCL, Trường ĐHCT không những coi trọng đầu vào và quá trình tổ chức thực hiện, mà còn đặc biệt quan tâm đến kết quả đầu ra. Bởi đây là một trong những cơ sở quan trọng trong việc cải tiến chất lượng CTĐT và hoạt động ĐBCL ở các ngành học của nhà trường. Kết quả đầu ra được đánh giá dựa vào mức độ đạt được của CĐR như: tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của SV và

mức độ hài lòng của các BLQ.

Tiêu chí 11.1 Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của từng khóa đào tạo được nhà trường xem là chỉ số cụ thể để đánh giá kết quả đầu ra, thường xuyên giám sát và đối chiếu để cải tiến chất lượng. Trường ĐHCT có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV từ cấp Trường cấp Khoa và đến cấp BM đào tạo trong suốt quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp. Ngay từ khi nhập học, mỗi tân SV được cấp mã số SV và tài khoản truy cập hệ thống thông tin, được quản lý mọi thông tin quá trình đào tạo trên hệ thống phần mềm của nhà trường. Ngoài ra, Quyết định số 2736/2014 về quy chế học vụ của Trường ĐHCT, cụ thể tại Điều 21 đến 31/Chương III hướng dẫn cụ thể cách đánh giá kết quả học tập của SV và điều kiện xét tốt nghiệp [H4.04.01.05]. Bên cạnh đó, tại Điều 18 của quy chế học vụ của Trường ĐHCT cũng quy định cụ thể các trường hợp nghỉ học tạm thời, cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học. CVHT và bản thân SV cũng nắm được các kết quả học tập của SV thông qua tài khoản cá nhân [H05.05.02.02] được liên kết với Phòng ĐT và Phòng CTSV.

Hằng năm, kết quả đầu ra (tốt nghiệp) của sinh viên ngành GDTC luôn được cập nhật và thống kê của đơn vị, có báo cáo kết quả từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học, thông qua phần mềm quản lý đào tạo của trường. Từ kết quả tốt nghiệp hằng năm, đơn vị có các báo cáo, tìm hiểu, phân tích và đánh giá gửi toàn thể giảng viên, CVHT để tìm ra giải pháp kịp thời nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên; đưa ra giải pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả hơn. [H8.08.04.04], [H11.11.01.02], [H11.11.01.03].

Bảng 11.1: Bảng tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học các khóa ngành GDTC

Năm học (đầu vào của khóa học)	Số lượng đầu vào	Tỉ lệ % SV hoàn thành chương trình			Tỉ lệ % SV thôi học			
		3 năm	4 năm	>4 năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4 và tiếp theo
2014-2015 (khóa 40)	61	0	82.5	17.5	0	0	0	1.3
2015-2016 (khóa 41)	64	0	86.9	13.1	0	0	0	0
2016-2017	40	0	0	0	0	2.5	0	0

Năm học (đầu vào của khóa học)	Số lượng đầu vào	Tỉ lệ % SV hoàn thành chương trình			Tỉ lệ % SV thôi học			
		3 năm	4 năm	>4 năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4 và tiếp theo
(khóa 42)								
2017-2018 (khóa 43)	39	0	0	0	1.8	1.8	0	0
2018-2019 (khóa 44)	25	0	0	0	0	0	0	0

(HTQLĐT: <https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php> - phân hệ QLSV)

Tỷ lệ SV ngành GDTC tốt nghiệp theo từng khóa khá cao so với số SV nhập học. Có nhiều lý do khác nhau ở tỉ lệ các em thôi học đa phần rơi vào năm nhất, năm hai, nguyên nhân phần lớn là do các em xác định lại ngành học mà mình theo đuổi, do hoàn cảnh gia đình hoặc hiện tại còn chưa tốt nghiệp.

BMGDTC luôn theo dõi tình hình học tập của SV dựa theo kế hoạch học tập cá nhân và thông qua hệ thống quản lý theo dõi kết quả học tập của SV thông qua kênh thông tin CVHT. Trong trường hợp, SV có kết quả học tập kém nằm trong diện cảnh báo học vụ, Phòng CTSV sẽ thông báo đến BM để báo cho SV về tình hình học tập thông qua thông báo cảnh báo học vụ ở mỗi học kỳ [H11.11.01.04]. Bên cạnh hoạt động theo dõi tình hình học tập của SV, CVHT còn là kênh thu thập thông tin tình hình học tập của SV thông qua họp lớp định kỳ mỗi tháng 1 lần [H8.08.04.04]. Thông qua CVHT là kênh thiết thực về công tác theo dõi tình hình học tập các em một cách hữu hiệu nhất bởi sự trao đổi thông tin thường xuyên được cập nhật thông qua các buổi lên lớp hàng tuần [H8.08.04.01]. Thông tin về tình hình học tập là tín hiệu giúp SV thay đổi thái độ học tập khi cần thiết nhằm cải thiện được kết quả học tập ở các học kỳ tiếp theo để đạt được kết quả học tập mong đợi, qua đó giúp SV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn.

BM GDTC luôn xem đây là một trong những chỉ số cần cải thiện, bởi vì SV thôi học đồng nghĩa với việc phải tốn thêm thời gian để lựa chọn và học tiếp ngành khác hoặc lãng phí thời gian và kinh phí đã đào tạo. BM GDTC thường xuyên cập nhật thông tin với các CVHT thông qua những buổi họp giao ban định kỳ 2 tuần/lần theo lịch trường để nắm bắt tình hình SV, nếu cần thiết sẽ triệu tập SV, phụ huynh khi cần thiết nhằm phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và hướng xử lý tốt nhất có thể [H11.11.01.05].

Trong số SV thôi học, qua tìm hiểu được biết một số nguyên nhân sau:

- Không phù hợp với ngành học GDTC do thi các ngành khác không đậu nên chuyển nguyện vọng.

- Cảm thấy không có cơ hội đầu ra vì hiện nay các sở giáo dục tuyển dụng giáo viên ít và không thường xuyên.

- Hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, theo nguyện vọng gia đình nghỉ học chuyển hướng làm kinh tế phụ giúp gia đình.

Thông qua các hoạt động tư vấn, CVHT, BM GDTC đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ SV trong quá trình học tập, cụ thể như sau:

- Tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển năng lực SP và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp như: sinh hoạt chuyên đề nâng cao năng lực thực hành trau dồi, nâng cao thêm về chuyên môn, thông qua việc tham gia các câu lạc bộ thể thao, công tác phục vụ tổ chức hội thao, hỗ trợ công tác trọng tài, tham gia hoạt động phụ giảng trên lớp...

- Khuyến khích, hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó học tốt được nhận học bổng từ nhiều nguồn khác nhau như: học bổng khuyến khích học tập của nhà trường mỗi học kỳ dành cho SV có kết quả học tập tốt, học bổng Lương Định Của, Nguyễn Trường Tộ, Viet Hope, Cathay life,... [H8.08.04.05], H8.08.04.06].

- Nhà trường còn hỗ trợ SV làm giấy vay vốn học tập ở địa phương, [H11.11.01.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV thông suốt từ cấp Trường, cấp Khoa đến cấp BM, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến SV, để SV có định hướng và kế hoạch học tập hợp lý.

CVHT là người trách nhiệm cao, tận tình và luôn quan tâm với nghề, theo sát tình hình học tập cũng như hoàn cảnh gia đình của SV để có thể tư vấn và hỗ trợ kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Cho đến thời điểm hiện tại, BM và Nhà trường đã và đang phát huy tốt công tác này, do vậy chưa phát hiện ra điểm tồn tại.

4. Kế hoạch hành động

- BM GDTC chú trọng phát huy điểm mạnh một cách đồng bộ các hoạt động trau

đòi chuyên môn trong SV các khóa, đặc biệt tăng cường các hoạt động giáo dục tình cảm nghề nghiệp thường xuyên hơn nữa trong SV.

- Nhà trường và BM GDTC tiếp tục thực hiện các giải pháp hiệu quả quản lý và hỗ trợ SV GDTC trong và sau khi tốt nghiệp thường xuyên và định kỳ.

5. Tự đánh giá: 6/7.

Tiêu chí 11.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHCĐ, CTĐT ngành GDTC có thời gian thực hiện một khóa đào tạo là 4 năm (8 học kỳ), SV có tối đa 8 năm để tốt nghiệp theo quy định Thông tư số 17/VBHN-BGD&ĐT ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Thời gian tốt nghiệp trung bình của từng khóa được hệ thống quản lý và hỗ trợ SV thiết lập và giám sát nhằm đưa ra các khuyến nghị thích hợp để cải tiến chất lượng hỗ trợ SV. Khi mới nhập học SV được CVHT tư vấn lập kế hoạch học tập riêng cho từng SV [H5.05.02.02]. Căn cứ vào quy định của Bộ GD&ĐT, nhu cầu của thị trường lao động và khả năng học tập của SV, Trường ĐHCĐ đã triển khai hệ thống tín chỉ từ khóa 33 đến nay. Ưu việt của hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHCĐ là giúp SV tốt nghiệp sớm hơn 4 năm dựa trên khả năng và điều kiện của từng SV. Tuy nhiên do đặc thù của ngành GDTC, có nhiều HP tiên quyết, đặc biệt là KTSP và THSP được tổ chức cố định theo học kỳ, nên gần như không có SV tốt nghiệp trước 4 năm.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành GDTC là 4 năm (08 học kỳ), sinh viên tốt nghiệp khi đã hoàn tất toàn bộ số tín chỉ theo yêu cầu của CTĐT ngành. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể tốt nghiệp sớm tiến độ hay chậm hơn 4 năm tùy vào khả năng của người học. Sinh viên tốt nghiệp chậm tiến độ có một số nguyên nhân cụ thể sau: liên quan đến vấn đề sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, lý do cá nhân, cảnh báo học vụ (điểm kém), học thêm ngành 2. Số lượng sinh viên ngành GDTC tốt nghiệp sớm tiến độ 2014-2019 không có [H11.11.02.01].

Bảng 11.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình 5 khoá gần nhất ngành GDTC

Khoá học	Số lượng SV	Tỷ lệ (%) SV tốt nghiệp/ SV hoàn thành khóa học				
		4 năm	4.5 năm	5 năm	5,5 năm	>6 năm
2011-2015 (37)	79	63/79 (79.74%)	6/79 (7.59%)	3/79 (3.80%)	4 (5.06%)	2 (2.53%)
2012-2016(38)	73	54/73 (73.97%)	14 (19.18%)	2 (2.74%)	3 (4.11%)	0 (0%)
2013-2017(39)	81	49/81 (60.49%)	9/81 (11.11%)	11/81 (13.58%)	3/81 (3.40%)	2/81 (2.47%)
2014-2018(40)	58	32/58 (55.17%)	7/58 (12.07%)	7/58 (12.07%)	1/58 (1.72%)	Đang theo dõi
2015-2019(41)	61	47/61 (65.57%)	3/61 (4.91%)	Đang theo dõi		

(HTQLĐT: <https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php> - phân hệ QLSV)

BM GDTC luôn chỉ đạo CVHT thường xuyên theo dõi tình hình học tập của các SV bị rớt HP và kế hoạch đăng ký HP ở từng học kỳ của SV năm ba và năm tư để đảm bảo tốt nghiệp đúng hạn [H4.04.02.07], [H11.11.01.01].

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo (4 năm) của BM là tương đối khá so với các ngành đào tạo khác của trường, có thể giải thích với nhiều lý do khác nhau nhưng phần lớn liên quan đến kết quả học tập (do nợ HP), kể đến là vấn đề gia đình, vấn đề cá nhân. Trong quá trình học, các SV được hỗ trợ bởi CVHT, trợ lý giáo vụ của BM, phòng CTSV, phòng ĐT [H7.07.01.02]. Các trường hợp SV bị cảnh báo học vụ do có kết quả học tập yếu kém được phòng đào tạo Trường thông báo định kỳ hàng năm để giúp SV thay đổi thái độ học tập, nhằm cải thiện thời gian trung bình tốt nghiệp sao cho thỏa đáng [H8.08.03.01], [H11.11.01.04].

Bên cạnh đó, BM GDTC cũng có những buổi họp làm việc với GV BM thông qua lịch họp giao ban để phân tích tìm hiểu nguyên nhân về kết quả học tập của SV nhằm có hướng giải quyết hợp lý giúp SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ [H11.11.01.05].

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHCT có hệ thống phần mềm quản lý chặt chẽ, kết hợp với BMGDTC, đặc biệt là CVHT thường xuyên giám sát và có nhiều biện pháp hỗ trợ SV để đảm bảo tiến độ học tập.

- SV có kế hoạch học tập rõ ràng và luôn có ý thức cùng nhau cố gắng để bảo đảm đúng quy chế học vụ, kịp tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

- Thông qua kênh CVHT, có mối liên hệ chặt chẽ giữa gia đình và Nhà trường về vấn đề học tập, sinh hoạt của SV, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù hoạt động phụ thuộc kế hoạch của khoa SP của trường nên BMGDTC chưa linh hoạt trong công tác tổ chức KTSP, TTSP để SV có thể hoàn thành CTĐT trước 4 năm.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục tăng cường công tác giám sát, tư vấn học tập SV thuộc diện cảnh báo học tập hàng năm, đặc biệt đối với SV chậm tiến độ.

Cần tìm giải pháp linh động hỗ trợ SV có thể rút ngắn thời gian hoàn thành CTĐT sớm hơn, bên cạnh đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho SV tiếp cận thêm ngành học song song đáp ứng nhu cầu cá nhân cũng như nhu cầu xã hội.

Tăng cường công tác tư vấn học tập cho sinh viên chậm tiến độ.

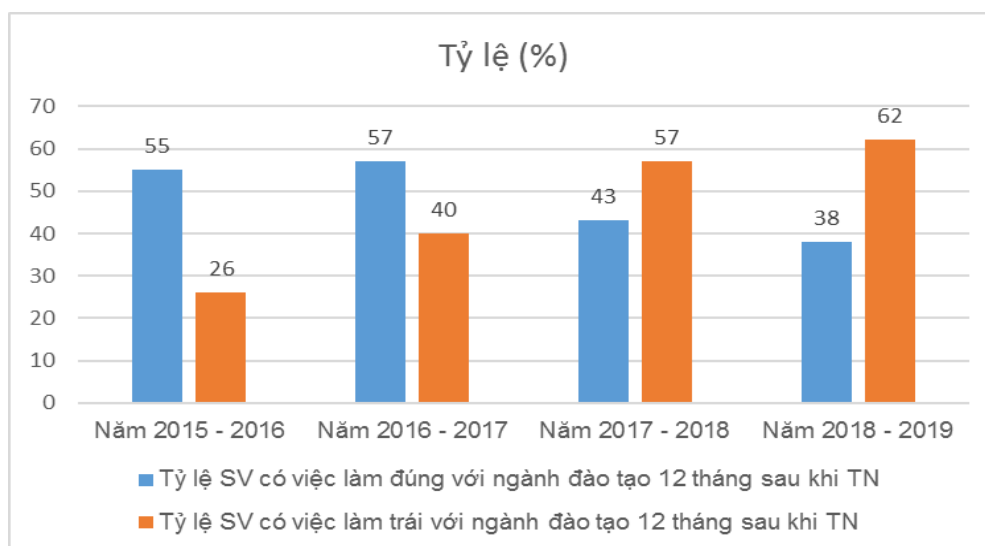
5. Tự đánh giá: 6/7.

Tiêu chí 11.3 Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để hỗ trợ SV sau tốt nghiệp và có thông tin phản hồi nhằm cải tiến chất lượng, Trung tâm QLCL và BM GDTC đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát SV sau khi tốt nghiệp, giao trực tiếp CVHT và BM GDTC thực hiện khảo sát. Trụ lý quản lý SV của BM GDTC được giao nhiệm vụ phân tích và báo cáo kết quả khảo sát đến TT QLCL, ngành GDTC với tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp là 97.1% [H11.11.03.01].

Tỉ lệ sinh viên ngành GDTC có việc làm sau tốt nghiệp là thước đo quan trọng đối với CTĐT của ngành. Nhận biết được tầm quan trọng này, đơn vị luôn cập nhật thông tin từ người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng để kịp thời nắm bắt thông tin, từ đó có kế hoạch điều chỉnh CTĐT ngày càng phù hợp với nhu cầu xã hội. Ngoài ra, Bộ môn GDTC luôn cử cán bộ tham gia đầy đủ các buổi “ngày hội việc làm”, “tư vấn tuyển sinh”, nắm bắt qua các kênh thông tin (web) nhu cầu tuyển dụng của các địa phương để có được thông tin cụ thể và xác thực tế của các bên liên quan. [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05] [H11.11.03.06].



Biểu đồ 11.1 Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm giai đoạn 2016 – 2019

Nguồn: báo cáo tổng kết đảm bảo chất lượng trường ĐHCT giai đoạn 2015-2019

Kết quả điều tra những năm vừa qua (đối với các khóa tốt nghiệp năm từ năm 2015 đến năm 2019, Bảng 11.2) đã được báo cáo cho Bộ GDĐT, tỷ lệ việc làm so với các ngành khác của trường là khá cao, các năm đều đạt tỉ lệ trên 90% SV ra trường có việc làm. Tuy nhiên, theo số liệu khảo sát, trong khoảng thời gian này, tỷ lệ SV có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo có xu hướng giảm, tỉ lệ SV có việc làm trái với chuyên ngành thì lại tăng lên rõ và có thiên hướng làm việc ở môi trường tư nhân. Một trong những nguyên nhân quan trọng, do số lượng chỉ tiêu SV ngành GDTC gần đây giảm, SV tốt nghiệp giảm tỷ lệ cạnh tranh với nhu cầu tuyển dụng giáo viên ngành GDTC ở vùng, và đặc biệt nhiều cơ sở giáo dục tư nhân tăng lên về số lượng.

Thông tin việc làm của SV sau tốt nghiệp được bộ phận QLCL của BMGDTC xử lý, phân tích đối sánh, cùng với các thông tin phản hồi khác nhằm tìm ra biện pháp cải tiến. Một trong những khó khăn trong việc giám sát tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp là việc thay đổi địa chỉ liên lạc của SV làm gián đoạn thông tin, đồng thời, một số SV có việc làm khác ngành nghề đào tạo nhưng mặc cảm nên cung cấp thông tin chưa chính xác.

Để nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng tìm việc làm của SV sau tốt nghiệp, Trường ĐHCT đã có biện pháp tích cực và thường xuyên như cung cấp thông tin tuyển dụng trên trang website <https://vieclam.ctu.edu.vn/index.php>, thông tin trên các trang mạng xã hội của Trường để giúp SV tiếp cận dễ dàng và kịp thời. Ngoài ra, thông qua các mối quan hệ cá nhân của GV trong BM cũng giới thiệu việc làm cho

nhiều SV có nhu cầu tìm việc.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT và BMGDTC đã có hệ thống và cơ chế để khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV được nhanh chóng, cụ thể, rõ ràng, tiện lợi.

3. Điểm tồn tại

BMGDTC chưa có những giải pháp chủ động trong công tác khảo sát các BLQ, dẫn đến việc thu thập nắm bắt thông tin về các BLQ còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường, Bộ môn GDTC cần có hướng đi mới thiết thực với nhu cầu cụ thể của từng địa phương, BM cần chủ động đề xuất giải pháp chủ động trong việc tiếp cận, nắm bắt thông tin từ các BLQ nhằm để từ đó có thể thay đổi CTĐT theo hướng thiết thực, đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu tuyển dụng, phù hợp xu thế phát triển của xã hội, nhằm giảm thiểu tỉ lệ SV tốt nghiệp ra trường phải làm những ngành nghề trái với chuyên ngành. Điều này cũng nói lên quá trình tham gia học tập tại trường là đáp ứng cho xã hội là có định hướng rõ ràng trong tương lai, hạn chế việc đầu tư kinh phí, thời gian một cách không hiệu quả của bản thân người học, của gia đình và xã hội.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.4 Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Bên cạnh việc học tập thì NCKH cũng là một hoạt động quan trọng đối với SV, nhằm giúp SV phát triển kỹ năng tự học và nghiên cứu.

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên ngành GDTC luôn được BMGDTC, GV quan tâm, khuyến khích sinh viên tham gia NCKH hằng năm. Trường ĐHCT đã ban hành “Hướng dẫn thực hiện và quản lý đề tài NCKH của SV” [H11.11.04.01]. Ngoài ra, Trường ĐHCT cũng ban hành các quyết định khác nhau nhằm khuyến khích và khen thưởng GV và SV làm tốt công tác NCKH được quy định rõ ở Chương 5, Điều 18 quy định quản lý nhiệm vụ Khoa học Công nghệ Trường ĐHCT [H11.11.04.02]. Trong quá trình giảng dạy cũng như thông qua kênh CVHT, các GV thường xuyên cung cấp thông tin về hoạt động NCKH cho SV, cách thức đăng ký đề tài, định hướng và khuyến khích các em tham gia thực hiện đề tài NCKH. Tuy nhiên, do đặc thù ngành nghề, các em có thiên hướng đầu tư nhiều những năng lực vận

động liên quan đến tư duy về hành động, về kỹ năng, kỹ xảo kỹ chiến thuật hoặc các hoạt động mang tính thực hành nghề nghiệp cao. Do vậy, có thể đánh giá công tác NCKH trong SV thuộc ngành GDTC còn khá nhiều hạn chế, chỉ có 02 bài báo KH cấp toàn quốc năm 2014-2015. Nhưng nhìn chung công tác NCKH trong SV vẫn luôn được sự quan tâm và chỉ đạo, cũng như khuyến khích các em tham gia theo chuẩn đào tạo, hình thức thực hiện và báo cáo NCKH luôn được lập kế hoạch cụ thể và thành lập hội đồng thẩm định thông qua việc làm luận văn tốt nghiệp hàng năm [H4.04.02.02].

Bảng 11.3 Bảng thống kê số lượng NCKH của sinh viên ngành GDTC

Năm học	Số lượng SV tham gia NCKH	Toàn quốc	Cấp trường	Cấp Bộ môn
2014-2015	36	02	0	34
2015-2016	42	0	0	42
2016-2017	50	0	0	50
2017-2018	53	0	0	53
2018-2019	42	0	0	42

(Nguồn: Số lượng đề tài luận văn các khóa được Hội đồng chấm thông qua)

2. Điểm mạnh

Không những có sự chỉ đạo và quan tâm từ phía Nhà trường về công tác NCKH mà BM cũng rất quan tâm, hỗ trợ, khuyến khích công tác NCKH thuộc lĩnh vực chuyên ngành trong SV.

3. Điểm tồn tại

Hướng nghiên cứu cũ, hàn lâm, ít có ứng dụng thực tiễn, chưa có những đóng góp thực tiễn nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Thông quan hoạt động nghiên cứu, SV có thể trang bị được nhiều kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp sau này. BMGDTC cần có đề xuất hướng đi mới thiết thực với NCKH của ngành hướng tới gần thực tiễn và ứng dụng được với nhu cầu của xã hội.

Cần mạnh dạn đề xuất các biện pháp nhằm khuyến khích công tác NCKH trong toàn thể SV và sự hỗ trợ tích cực từ phía giảng viên, thông qua các công trình NCKH từ GV, các hình thức tổ chức Seminar, Hội thảo NCKH... Thông qua đó SV được tiếp

cận với công tác NCKH tốt hơn, dần dần hình thành lòng say mê trong công tác NCKH.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.5 Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Nhằm đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ (người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng), thông qua kế hoạch và số liệu báo cáo tổng kết các cuộc khảo sát các BLQ do Trung tâm ĐBCL&KT trường ĐHCT thực hiện. BMGDTC luôn quan tâm dựa trên phản hồi từ các BLQ để kịp thời phân tích, đánh giá, và điều chỉnh CTĐT nhằm cải tiến chất lượng đào tạo ngành [H11.11.05.01]. [H11.11.05.02].

- Đối với giảng viên

Hàng năm trường ĐHCT đều tổ chức hội nghị viên chức cấp BM, Khoa và Trường để tạo môi trường dân chủ cho GV đóng góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc.

- Đối với SV

Để có được thông tin phản hồi liên quan đến sự hài lòng, BMGDTC đã chủ động thu thập theo dõi thông tin phản hồi của SV, đánh giá ở tất cả các HP trong CTĐT từ năm 2014 đến nay thông qua Hệ thống lấy ý kiến trực tuyến SV của Nhà trường ở mỗi học kỳ của từng năm học [H4.04.02.06]. Hoạt động này đã trở thành một trong các hoạt động đảm bảo chất lượng trọng tâm, được duy trì cuối mỗi học kỳ chính. Trên cơ sở ý kiến phản hồi này, BM kịp thời chấn chỉnh một cách hợp lý đáp ứng phản hồi và nguyện vọng người học. Tuy nhiên, theo số liệu cho thấy, toàn trường trong giai đoạn khảo sát này luôn đạt tỉ lệ từ 90% trở lên người học hài lòng với các học phần mình tham gia. Cụ thể, năm học 2014-2015 chiếm tỉ lệ 92% người học hài lòng với các học phần mình tham gia, nhưng BMGDTC số SV tham gia khảo sát chỉ chiếm 15.92%, năm học 2016-2017 chiếm tỉ lệ 93% người học hài lòng với các học phần mình tham gia, nhưng BMGDTC số SV tham gia khảo sát chỉ chiếm chưa đến 5%. Điều này chứng tỏ công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về mức độ hài lòng HP mình tham gia là chưa khách quan và chưa thể đánh giá một cách hiệu quả. [H11.11.03.06], [H11.11.03.08], [H10.10.06.04].

2. Điểm mạnh

Kênh thông tin luôn được cập nhật nhanh chóng, cụ thể, rõ ràng, tiện lợi.

Trường ĐHCT có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, GV và khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng vì mục đích cải tiến chương trình.

3. Điểm tồn tại

BM GDTC chưa xây dựng được hệ thống khảo sát các BLQ một cách chủ động và toàn diện, còn phụ thuộc nhiều và chỉ dựa trên số liệu và báo cáo của TT ĐBCL&KT của trường.

Chưa xác định được nhu cầu thực tế của các địa phương so với tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường, đặc biệt là BMGDTC cần có phương thức mới thiết thực hơn nhằm tiếp cận và tìm hiểu nhu cầu cụ thể của từng địa phương.

BM nên xây dựng hệ thống lấy ý kiến của nhà tuyển dụng để thực hiện theo định kỳ hàng năm trên quy mô lớn, thông qua các kênh trực tiếp (Hội thảo, tọa đàm...) hoặc gián tiếp (Email, điện thoại...).

Lập kế hoạch khảo sát giảng viên về CTĐT định kỳ 2 năm/lần, tiếp tục chủ động lập hệ thống lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên và sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp dựa trên nội dung bảng khảo sát các BLQ của TT ĐBCL trường ĐHCT.

Nhắc nhở SV (người học) tham gia đầy đủ phản hồi về HP mình tham gia ở tất cả các học kỳ thông qua kênh CVHT và các buổi họp giao ban định kỳ của BM.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Nhà trường có hệ thống quản lý sinh viên thông qua những quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và GV, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi.

Trường ĐHCT rất chú trọng đến việc tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất và tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH. Việc khảo sát lấy ý

kiến các bên liên quan ở nhóm đối tượng người tuyển dụng chưa được thực hiện theo định kỳ.

Công tác lấy ý kiến các BLQ chưa được thực hiện tốt ở cấp Trường nói chung, cấp BM nói riêng, đương cử là tỉ lệ phản hồi của các BLQ còn thấp, chưa đem lại kết quả khách quan mong muốn.

Tóm tắt mức đạt của tiêu chuẩn 11: Tiêu chuẩn 11 có mức đánh giá trung bình 5.4/7.

PHẦN III

KẾT LUẬN

3.1 Tóm tắt những mặt mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHCT, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học là đào tạo giáo viên giảng dạy môn thể dục trong các cơ sở giáo dục.

CĐR CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, bao quát các yêu cầu của CTĐT, rõ ràng cụ thể về các khối kiến thức, kỹ năng, thái độ, xác định vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Việc định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật CTĐT cử nhân ngành GDTC, cũng như chương trình chi tiết học phần, đề cương học phần đã được triển khai định kỳ với sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo trường và cộng tác tham gia của các chuyên gia đầu ngành, các giảng viên trong trường ĐHCT (Tiêu chuẩn 1).

Bản mô tả và đề cương chi tiết HP CTĐT cử nhân ngành GDTC được tổ chức xây dựng, thẩm định theo một quy trình chặt chẽ, được bổ sung cập nhật để phù hợp với mục tiêu đào tạo, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. BM GDTC đã cung cấp bản mô tả CTĐT, kế hoạch giảng dạy của khóa học, lịch giảng dạy từng học kỳ, học phần cho các phòng chức năng, giảng viên và sinh viên, nhờ vậy nâng cao tính tự chủ, trách nhiệm và định hướng thực hiện cho cán bộ quản lý, giảng viên; nâng cao tính tự học, tự lập kế hoạch của sinh viên trong quá trình thực hiện chương trình (Tiêu chuẩn 2).

CTDH ngành GDTC đã chú trọng đến việc đảm bảo độ rộng, độ sâu của kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra và đáp ứng yêu cầu trình độ đào tạo và đã thể hiện được mục tiêu giáo dục, tính liên thông, tạo điều kiện cho người tốt nghiệp tự tin với kiến thức và kỹ năng đã được rèn luyện trong quá trình đào tạo, vận dụng vào thực tế đáp ứng yêu cầu của công việc và của nhà tuyển dụng. CTDH thể hiện rõ ràng 3 khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp thể hiện rõ các môn cơ bản, bổ trợ, chuyên ngành và tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp và đóng góp của các HP trong chương trình dạy học ngành GDTC cụ thể, rõ ràng để phục vụ CĐR của ngành

đào tạo và có tính liên kết, hỗ trợ cho nhau, phù hợp với các qui định chung hiện hành (Tiêu chuẩn 3).

Mục tiêu đào tạo của BM GDTC được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và sinh viên. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng: các trường đại học, các trường cao đẳng, các sở giáo dục, các sở văn hóa – thể thao và du lịch, các trường trung học phổ thông góp ý, tham gia xây dựng.

Các hoạt động giảng dạy của giảng viên rất đa dạng, linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên được tiếp thu được kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của xã hội; Đồng thời giúp sinh viên tiếp cận với hoạt động nghiên cứu khoa học từ năm thứ nhất. Chương trình đào tạo có nhiều hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm, seminar, các hoạt động cộng đồng đa dạng, các hoạt động dạy – học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

Các hoạt động dạy học đa dạng và linh hoạt của giảng viên kết hợp trang thiết bị dạy học tiên tiến tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có môi trường học tập tốt, rèn luyện các kỹ năng tự học, tự rèn luyện làm cơ sở cho việc nâng năng lực học tập suốt đời của mình (Tiêu chuẩn 4).

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tất cả các đề thi của các môn học đều được Bộ môn xem xét từng câu hỏi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học.

Đối với các học phần thực hành, việc đánh giá được thiết kế bởi các tiêu chí thực hiện kỹ năng động tác mà người học phải thực hiện một cách thành thạo hoặc kỹ xảo, thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề tại cơ sở, kỹ năng nghiên cứu.... Có sự phối hợp chặt chẽ với các sở GD và ĐT ở địa phương và các trường THPT nơi sinh viên đi kiến tập và thực tập sư phạm.

Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai cho người học ngay từ khi đề cương các học phần được thông qua (phát cho SV hoặc đăng tải trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường), Sổ tay SV và Quy chế đào tạo đại học. Toàn bộ giảng viên của BM GDTC đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá

đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kì thi cuối kì được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy. Bộ phận trợ lý đào tạo của BM GDTC phối hợp với Phòng ĐT của Trường, các đội ngũ cố vấn học tập trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập nên kết quả học tập được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể.

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, tiểu luận, vấn đáp, bài tập nhóm, cá nhân, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình các chủ đề của các học phần. Đề thi đảm bảo độ tin cậy được BM GDTC duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.

Nhà trường đã sử dụng phần mềm nhập điểm trực tiếp do giảng viên dạy chịu trách nhiệm, việc nhập điểm thành phần trên phần mềm đảm bảo sinh viên được biết điểm của mình trên tài khoản cá nhân sớm để sinh viên có thể cải thiện được kết quả học tập của mình. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, sinh viên được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ cố vấn học tập hoặc P. ĐT, từ giảng viên, từ các bộ phận chuyên môn thông qua thư điện tử hoặc gặp gỡ trực tiếp.

Người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình qua Bộ công cụ trực tuyến. Bộ công cụ trực tuyến giúp SV gửi đi nhanh chóng các yêu cầu về khiếu nại học tập, tiết kiệm thời gian và rút ngắn các công đoạn hành chính (Tiêu chuẩn 5).

Trường ĐHCT và BM GDTC luôn chú trọng việc quy hoạch và đào tạo đội ngũ GV, chính sách tuyển dụng và quy hoạch GV học tập nâng cao trình độ. Nhà trường luôn có chính sách đãi ngộ đối với GV nhằm khuyến khích GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ GV ngành GDTC được quy hoạch, có chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm tốt, có khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học. việc quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tiêu chuẩn luật viên chức.

Quy trình và các văn bản có liên quan về công tác tuyển dụng nhân sự rõ ràng, minh bạch và công khai. Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Nhà trường đã ban hành các văn bản, các quy chế, quy trình để đánh giá các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng được triển khai khai hằng năm đến

Bộ môn thực hiện. Quy trình đánh giá thi đua khen thưởng CBVC được tổ chức công khai, minh bạch. Khuyến khích các giảng viên có trách nhiệm trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có những sáng kiến nâng cao chất lượng đào tạo để đạt được danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Bộ môn đề bạt khen cấp trường và cấp cao hơn.

Hoạt động NCKH của BM GDTC phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước. Chất lượng hoạt động NCKH của GV BM GDTC được cải thiện theo từng năm. Giảng viên đã tốt nghiệp tiến sĩ và giảng viên đang học nghiên cứu sinh đã rất tích cực trong hoạt động NCKH để hoàn thành nhiệm vụ đăng ký khối lượng công tác và thi đua đầu năm (Tiêu chuẩn 6).

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên các phòng ban chức năng, Thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ SV đông đảo về số lượng và thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng viên chức, nhân viên phục vụ được thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Nhà trường và phổ biến đến tất cả các bên liên quan.

Công tác bổ nhiệm, điều chuyển viên chức, nhân viên được Nhà trường, Bộ môn GDTC thực hiện đầy đủ các bước quy trình theo qui định và được thông tin công khai, minh bạch đến tất cả các bên liên quan, nên các nhân viên được tuyển dụng đáp ứng tốt các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có đủ năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năng lực của đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ của Nhà trường và BM GDTC được xác định và đánh giá thường xuyên, được quan tâm hoàn thiện hàng năm nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của nhà trường và đơn vị.

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường ĐHCT và BM.GDTC được thực hiện công khai, minh bạch, đúng theo quy định hiện hành (Tiêu chuẩn 7).

Chính sách tuyển sinh ngành GDTC được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

Hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV về học tập và rèn luyện được thực hiện trên phần mềm quản lý dưới nhiều mức độ quản lý khác nhau. Sự tiến bộ của SV được giám sát bởi một hệ thống gồm GV, CVHT, trợ lý đào tạo, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của SV. Các hoạt động tư vấn học tập được Trường, BM GDTC triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khoá được SV ngành Sư phạm hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình rèn luyện và học tập tại Trường.

Trường ĐHCT có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không tệ nạn xã hội, thân thiện, thoải mái đảm bảo phục vụ các hoạt động của SV liên quan đến CTĐT (Tiêu chuẩn 8).

Các phòng học phục vụ cho đào tạo được sử dụng hợp lý, hiệu quả: phục vụ các giờ lên lớp, thực hành, tự học tự nghiên cứu cho sinh viên, tổ chức sinh hoạt khoa học, tổ chức các hội đồng bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

Nhà trường thường xuyên quan tâm, đầu tư kinh phí mua sắm dụng cụ trang thiết bị TĐTT, sửa chữa sân bãi, nhà tập, nhà thi đấu ... phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học lĩnh vực TĐTT và GDTC. Những năm gần đây, nhà trường đã quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng và lắp đặt thiết bị và nâng cấp đường truyền internet nên hiệu quả làm việc cũng như học tập được nâng cao.

Nhà trường đã quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng nên cảnh quan nhà trường đã có nhiều thay đổi, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội (Tiêu chuẩn 9)..

Trường ĐHCT và BM GDTC đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh CTĐT và CTDH.

Việc thiết kế CTĐT và đánh giá, cải tiến ngành GDTC theo đúng quy định trong qui chế đào tạo đại học của Bộ GD&ĐT. Chương trình luôn được chú trọng đánh giá và cải tiến chất lượng theo định kỳ chung của trường. Công tác thông tin của quá trình dạy học, hoạt động đánh giá kiểm tra luôn đúng tiến độ và kịp thời đầy đủ thông tin thông qua các kênh của trường, BM GDTC, CVHT.

Quá trình dạy học được tổ chức và thực hiện nghiêm túc, chất lượng ngày càng cao. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

Công tác nghiên cứu khoa học luôn được Bộ môn khuyến khích GV, SV tham gia hằng năm. GV và SV tham gia trong NCKH và vận dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học, có sự hỗ trợ tích cực từ phía BM và Nhà trường.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của GV, cán bộ viên chức và SV được thực hiện thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ. Sinh viên được tiếp cận hệ thống tiện ích, CNTT hiện đại, phù hợp cho quá trình học tập và rèn luyện tại ĐHCT.

Cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống; Sinh viên được trực tiếp đánh giá cụ thể từng học phần đã học, thực hiện nhanh chóng, tiện lợi. Cơ chế phản hồi được đánh giá, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội (Tiêu chuẩn 10).

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV thông suốt từ cấp Trường, cấp Khoa đến cấp BM, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng. Nhà trường đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến SV, để SV có định hướng và kế hoạch học tập hợp lý.

Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo về công tác NCKH mà BM cũng rất quan tâm, hỗ trợ, khuyến khích công tác NCKH thuộc lĩnh vực chuyên ngành trong SV. CVHT là người trách nhiệm cao, tận tình và luôn quan tâm với nghề, theo sát tình hình học tập cũng như hoàn cảnh gia đình của SV để có thể tư vấn và hỗ trợ kịp thời.

Trường ĐHCT có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, GV và khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng vì mục đích cải tiến chương trình (Tiêu chuẩn 11).

3.2 Tóm tắt những tồn tại

BM GDTC chưa thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến về CTĐT của các tổ chức giáo dục, tổ chức xã hội. Trong việc tổ chức xây dựng CDR của chương trình giáo dục chưa có sự tham gia trực tiếp của người học và các nhà tuyển dụng, mà mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát thông tin với các đối tượng người học, nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra và CTĐT. (Tiêu chuẩn 1)

Bản mô tả CTĐT tuy đã mô tả và cập nhật đầy đủ các thông tin, tuy nhiên vẫn chưa tổ chức lấy ý kiến góp ý của các tổ chức hội nghề nghiệp mà mới chỉ dừng lại ở việc lấy ý kiến góp ý của người học và nhà tuyển dụng. Các nội dung giảng dạy trong đề cương chi tiết các HP chưa được quan tâm, cập nhật theo yêu cầu chung của nhà tuyển dụng, xã hội. (Tiêu chuẩn 2).

Tính liên ngành của nội dung chương trình chưa được thể hiện rõ. CTDH ngành GDTC vẫn tồn tại một số ít HP có tính lý thuyết, hàn lâm ít phụ vụ cho công việc cụ thể của người học sau khi tốt nghiệp (Tiêu chuẩn 3).

Cơ sở hạ tầng một số sân tập luyện chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của sinh viên, ví dụ sân bóng đá 11 người là sân cát mùa mưa lầy lội, mùa nắng bụi bặm giảng viên không thể thực hiện đầy đủ các phương pháp giảng dạy dựa trên giải quyết vấn đề tình huống trong bóng đá, hoặc như đường chạy điền kinh 400m không có chèo nên giảng viên không thể áp dụng các phương pháp để phát triển sức nhanh, sức mạnh, sức bền tốc độ, sức bền chuyên môn cho người học rất khó áp dụng. Một số ít giảng viên của BM GDTC chưa chịu khó cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa tích cực tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về mọi mặt để đáp ứng đòi hỏi và nhu cầu ngày càng cao của sinh viên.

Nhiều sinh viên chưa có động cơ học tập phù hợp vì vậy nảy sinh tâm lý học đối phó, học chỉ để có điểm cao hoặc học cho thi qua môn học mà chưa chú trọng đến việc học để tiếp thu kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho mình. Giảng viên chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, các kỹ năng mềm: các bài tập đưa ra nhiều khi chưa phong phú, hoặc chưa gắn với thực tiễn cuộc sống, nên gây tâm lý nhàm chán cho sinh viên. Bên cạnh đó cơ sở vật chất: như sân tập không tạo sự linh động cho việc áp dụng các bài tập nhóm. Giờ học thực hành để rèn luyện

kỹ năng số lượng sinh viên trong một lớp học quá đông gây ảnh hưởng không tốt đến quá trình tương tác giữa giảng viên với sinh viên. (Tiêu chuẩn 4).

Sinh viên còn ít để tâm và tìm hiểu các nội dung này, lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế về các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương môn học, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang website của Nhà Trường.

Việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá môn học hiện nay được Ban Giám hiệu giao quyền cho giảng viên tự đánh giá và chịu trách nhiệm có những mặt thuận lợi về sự chủ động cho giảng viên. Tuy nhiên, nếu không có sự quản lý về nội dung, hình thức, phương pháp kiểm tra thì có thể sẽ xảy ra những hạn chế và tiêu cực trong thi cử. Quá trình kiểm soát công bố và phản hồi kết quả của sinh viên đối với giảng viên trong quá trình giảng dạy đôi khi còn chưa đồng bộ. Đôi lúc, phần mềm quản lý bị quá tải do cùng lúc nhiều SV cùng truy cập (Tiêu chuẩn 5).

Việc thu nhận, tuyển dụng giảng viên từ năm 2014 đến nay vẫn còn khó thực hiện, vì Nhà trường đang xây dựng cơ chế tự chủ và rà soát lại nguồn nhân lực. Đến năm 2019 được duyệt 02 chỉ tiêu với điều kiện ứng cử viên là tiến sĩ, vì vậy công tác tuyển dụng 02 chỉ tiêu năm 2019 chưa thực hiện được.

Năng lực ngoại ngữ của một số GV vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế. Một số GV đang có bằng thạc sĩ nhưng chưa có cơ hội học tập nâng cao trình độ theo đúng quy trình phấn đấu vì lý do giới hạn về trình độ ngoại ngữ.

Các giảng viên đã hoàn thành công tác chuyên môn vượt mức, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, nhưng các công trình phục vụ cộng đồng còn chưa nhiều. Còn ít đề tài, công trình NCKH ứng dụng chuyển giao công nghệ trực tiếp vào đời sống và thực tiễn sản xuất, và các bài có chỉ số quốc tế (Tiêu chuẩn 6).

Tính chuyên nghiệp và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học của một vài cán bộ thư viện và cán bộ hỗ trợ phục vụ còn hạn chế. Nhiều đơn vị hỗ trợ người học trong trường ĐHCT nên việc phối hợp với Nhà trường đôi khi gặp nhiều khó khăn trong việc nâng cao trình độ đội ngũ và chất lượng phục vụ

Công tác tuyển dụng nhân viên, cán bộ phục vụ của Nhà trường tạm ngưng do chủ trương chung tinh giản biên chế, ảnh hưởng ít nhiều đến nhu cầu tuyển dụng của đơn vị Bộ môn GDTC trong công tác bố trí nhân viên hành chính, cán bộ phục vụ.

Công tác đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc của đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ hàng năm đôi khi thực hiện mang tính hình thức, chưa xác định, đánh giá cụ thể đối với từng nhóm công việc, từng cá nhân có liên quan, chưa quan tâm đến hiệu quả công việc. Việc đánh giá, bình xét khen thưởng đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ của Nhà trường và BM.GDTC đôi khi mang tính cảm tính, ít quan tâm đến hiệu quả công việc của từng nhóm công việc, từng cá nhân (Tiêu chuẩn 7).

Nhà trường, BM GDTC chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của SV về chính sách tuyển sinh của ngành GDTC. Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV.

BM GDTC chưa chú trọng thường xuyên công tác hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Một số công trình phục vụ trong học GDTC chưa hoàn thiện hoặc xuống cấp. Một số khu vực học thực hành, còn nhiều rác do ý thức của một số SV còn chưa tốt (Tiêu chuẩn 8).

BM GDTC được phân giao diện tích rất rộng (6.9 ha), cơ sở vật chất của nhà trường phân bố không tập trung nên việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu cán bộ còn hạn chế, phải tiến hành theo đầu tư phân kỳ, giai đoạn, từng khu vực. Đầu tư của Nhà trường còn một số hạng mục chưa đồng bộ để nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDTC. Bộ môn GDTC hiện chưa được đầu tư các hạng mục như: hồ bơi, đường chạy 100m, sân bóng đá lớn....

BM GDTC là đơn vị giảng dạy cho tất cả sinh viên các ngành của nhà trường và là đơn vị thường xuyên tổ chức sự kiện nên việc sinh viên tập trung rất đông dẫn đến quá tải hệ thống wifi của đơn vị. Ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng của bộ phận nhỏ sinh viên còn hạn chế. Bộ môn GDTC là nơi tập trung nhiều người tham gia học tập và rèn luyện sức khỏe nên sử dụng số lượng rất thải rất lớn. Chính sách đặc thù cho người khuyết tật chưa thể hiện rõ (Tiêu chuẩn 9).

Ý kiến đóng góp từ người học còn ít, mang tính chung chung không thiết thực với môn học, nhu cầu đào tạo ngành. Ý kiến phản hồi từ các BLQ gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được đầy đủ BLQ và chưa thường xuyên.

Việc thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi của GV, SV và các BLQ về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của SV chưa được thường xuyên, một số thông tin về công tác học vụ còn triển khai chậm đến người học.

Hướng đề tài nghiên cứu không mới, không mang tính ứng dụng, hiệu quả kém và gần như không được tham khảo phát triển thêm. Các tài liệu nghiên cứu đóng quyển chứ gần như không được GV, SV quan tâm. Tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh không được chú trọng. Nhiều sinh viên chưa quan tâm và chưa sử dụng hiệu quả các tiện ích mà nhà trường đã trang bị.

Cơ sở vật chất cũ, thiếu chuẩn và không phù hợp với tập luyện thể thao hiện đại. Hiện nay đơn vị chưa có phòng thí nghiệm chuyên ngành và phòng học phục hồi chức năng (massage) đúng chuẩn yêu cầu môn học. Các phản hồi của SV về trang thiết bị đôi khi chưa được cải tiến kịp thời do phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường (Tiêu chuẩn 10).

Do đặc thù hoạt động phụ thuộc kế hoạch của khoa SP của trường nên BMGDTC chưa linh hoạt trong công tác tổ chức KTSP, TTSP để SV có thể hoàn thành CTĐT trước 4 năm.

BMGDTC chưa có những giải pháp chủ động trong công tác khảo sát các BLQ, dẫn đến việc thu thập nắm bắt thông tin về các BLQ còn nhiều hạn chế.

Hướng nghiên cứu cũ, hàn lâm, ít có ứng dụng thực tiễn, chưa có những đóng góp thực tiễn nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

BM GDTC chưa xây dựng được hệ thống khảo sát các BLQ một cách chủ động và toàn diện, còn phụ thuộc nhiều và chỉ dựa trên số liệu và báo cáo của TT ĐBCL&KT của trường và chưa xác định được nhu cầu thực tế của các địa phương so với tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (Tiêu chuẩn 11).

3.3 Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, BM GDTC hoàn thiện mục tiêu, CDR CTĐT ngành GDTC đã khảo sát, tham khảo ý kiến của sinh viên tốt nghiệp và các bên liên quan. BM GDTC kết hợp với TT.QLCL và Phòng ĐT của Trường ĐHCT chủ trì xây dựng lộ trình định kỳ hằng năm một lần tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của các cơ sở đào tạo khác, các tổ chức xã hội về CDR của chương trình. BM GDTC định kì tổ chức rà soát Đề cương cho tất cả các học phần trong CTĐT cử nhân ngành GDTC với tinh thần tích hợp CDR của chương trình vào các học phần và có thể mời một số nhà tuyển dụng, người học tham gia rà soát CTĐT cử nhân ngành GDTC (Tiêu chuẩn 1).

Từ năm 2019-2020, BM GDTC kết hợp với Khoa SP phối hợp với Phòng ĐT tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, các tổ chức hội nghề nghiệp về bản

mô tả CTĐT ngành GDTC của nhà trường, để từ đó có kế hoạch chỉnh sửa, rà soát lại CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Bộ môn GDTC sẽ định kỳ rà soát, cập nhật bản mô tả chương trình chi tiết, cụ thể hơn, định kỳ đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng bản mô tả CTĐT trước khi bắt đầu mỗi năm học.

BM GDTC cần xây dựng kế hoạch điều chỉnh CDR từng HP phù hợp với CTĐT ngành GDTC và tham khảo ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng về các yêu cầu, tiêu chuẩn cần thiết của SVTN ngành GDTC.

BM GDTC cần xây dựng các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường sự tiếp cận thông tin của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành GDTC (Tiêu chuẩn 2).

Từ năm 2020-2021, BM GDTC rà soát lại chương trình dạy học, xem xét lại các học phần tự chọn trong chương trình dạy học, xây dựng đề cương học phần chú trọng tăng độ rộng và độ sâu của kiến thức, theo định hướng tập trung tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình vào các học phần và thể hiện rõ tính liên ngành. BM GDTC cần có kế hoạch thay thế các học phần mang nặng tính lý thuyết, hàn lâm, ít ứng dụng thực tiễn và tăng tỷ lệ (%) các học phần tự chọn trong chương trình dạy học ngành GDTC.

BM GDTC cần tham khảo ý kiến các bên liên quan, so sánh với các CTĐT của các trường khác, xây dựng kế hoạch nâng cao tỷ lệ khối kiến thức chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, nhà tuyển dụng và các yêu cầu đổi mới đào tạo hiện hành (Tiêu chuẩn 3).

Từ năm học 2020, BM GDTC sẽ tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, chương trình đào tạo và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

BM GDTC đề nghị Nhà trường đầu tư xây dựng sân bóng đá 11 người, bể bơi, đường chạy điền kinh 400m để phục vụ cho công tác đào tạo; Đồng thời tạo sân chơi lành mạnh cho sinh viên toàn trường. Tiếp tục công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội Ngũ giảng viên, tiếp tục tổ chức hội thảo khoa học về phương pháp giảng dạy mới bắt buộc tất cả các giảng viên tham gia, chứ không chỉ một số ít giảng viên trẻ. Bộ môn sẽ từng bước đề xuất với Nhà trường ký kết những thỏa thuận hợp tác với các cơ sở kiến tập, thực tập sư phạm, đặc biệt là thỏa thuận về

phương thức thực tập sư phạm, cán bộ hướng dẫn tại cơ sở, kinh phí, nhằm nâng cao chất lượng thực tập sư phạm cho sinh viên, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về thực tập sư phạm.

BM GDTC sẽ hướng dẫn các giảng viên bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tự tập luyện để nâng cao trình độ chuyên môn” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên. Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, bộ môn cũng đề xuất với nhà trường bố trí sân tập, phòng học bàn ghế có thể di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên (Tiêu chuẩn 4).

Từ năm học 2020-2021, BM GDTC tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo chuẩn đầu ra.

BM GDTC sẽ tăng cường sử dụng website môn học. Với hình thức học trên website môn học, giảng viên sẽ đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu.

BM GDTC đã ra các quyết định công bố kế hoạch tổ chức kiểm tra đánh giá hàng năm và trong các năm học 2020-2021 trở đi BM GDTC sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả, đề thi các môn học phải được phê duyệt của hội đồng khoa học BM, Ban chủ nhiệm BM GDTC thống nhất với các giảng viên, đảm bảo hạn chế việc sinh viên chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi sinh viên phải tư duy, vận dụng hiểu biết của sinh viên.

BM GDTC đề xuất với Nhà trường cần có kế hoạch và cơ chế để kiểm soát tính đồng bộ trong quá trình công bố kết quả đánh giá của từng giảng viên, tăng cường cơ sở hạ tầng phục vụ hơn nhu cầu truy cập hệ thống quản lý của sinh viên. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành CTĐT một cách tốt nhất (Tiêu chuẩn 5).

Năm học 2020-2021 trở đi, BM GDTC tiếp tục đo lường, giám sát tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường ĐHCT cần có văn bản quy định và định lượng để đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiếp tục tổ chức tuyển dụng thêm 02

giảng viên có trình độ tiến sĩ năm 2020 và tiếp tục thỉnh giảng các giảng viên ngoài trường và GV về hưu tiếp tục hợp đồng giảng dạy.

Giai đoạn 2020 - 2022, BM GDTC đã tiếp tục đăng ký tuyển dụng tiếp tục 03 chỉ tiêu để bổ sung giảng viên mới thay thế cho giảng viên về hưu. Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV trong Trường và trong Bộ môn để có thể trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế. Khuyến khích các GV tham gia các lớp học ngoại ngữ do trường đề ra.

BM GDTC tiếp tục nhắc nhở động viên và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian để cán bộ rèn luyện ngoại ngữ, nâng cao năng lực học tập và nghiên cứu khoa học. BM GDTC tiếp tục làm tốt công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiếp cận với các tỉnh trong khu vực ĐBSCL để đăng ký các đề tài nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội và phục vụ cho cộng đồng.

Tiếp tục phát huy thế mạnh NCKH cơ bản, đồng thời thúc đẩy các GV BM GDTC tích cực NCKH ứng dụng chuyển giao công nghệ trực tiếp vào đời sống và thực tiễn sản xuất và công bố bài viết có chỉ số quốc tế (Tiêu chuẩn 6).

Giai đoạn 2019 – 2022, Nhà trường và BM.GDTC cần triển khai các hoạt động đào tạo- bồi dưỡng và tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị, phòng ban liên quan để có giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học. BM.GDTC cần thiết xây dựng bảng tiêu chí đánh giá, bình xét khen thưởng đội ngũ VC-NLĐ mang tính định lượng, dựa trên hiệu quả công việc

Năm học 2019 – 2020, trường Đại học Cần Thơ, Bộ môn GDTC quán triệt xây dựng đề án vị trí việc làm cho các viên chức trong đơn vị, có kế hoạch lựa chọn, tuyển dụng viên chức nếu cần thiết. BM GDTC, các đơn vị trực thuộc trường ĐHCT cần xây dựng bảng đánh giá, xác định năng lực của đội ngũ viên chức, nhân viên phục vụ cụ thể từng nhóm công việc, mang tính định lượng, dựa vào hiệu quả công việc. (Tiêu chuẩn 7).

Từ năm học 2020-2021, BM GDTC sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHCT để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh. Đề xuất việc thực hiện khảo sát ý kiến của sinh viên về chính sách tuyển sinh của Trường. BM GDTC sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng tuyển sinh

của Trường ĐHCT để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh. BM GDTC cần có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp.

TT.CNPM, Phòng ĐT tiếp tục nâng cấp hệ thống quản lý SV theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với SV trong học tập và rèn luyện.

BM GDTC có kế hoạch hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu SV để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Phòng QTTB tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể Trường ĐHCT. Ngoài ra, Trường, BM GDTC phổ biến đầy đủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy theo định kỳ. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến cho SV ngành GDTC duy trì công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, có ý thức thực hiện tốt nếp sống văn hoá (Tiêu chuẩn 8).

Trong năm học 2020 – 2021, tiếp tục tham mưu Nhà trường trình Bộ Giáo dục và Đào tạo kế hoạch xây đường hồ bơi, đường chạy, sân cỏ nhân tạo ...BM GDTC tiếp tục đề xuất với Lãnh đạo nhà trường đầu tư thư viện chuyên ngành và thư viện điện tử để phục vụ sinh viên. Kết hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường giáo dục sinh viên ý thức sử dụng hiệu quả hơn.

BM GDTC xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm, đầu tư thiết bị hiện đại ... cho từng năm và kế hoạch 5 năm, 10 năm để nhà trường có kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí phù hợp.

BM GDTC tiếp tục đề xuất với lãnh đạo Nhà trường tiếp tục đầu tư thêm thiết bị, cơ sở hạ tầng để phục vụ tốt hơn nhu cầu của sinh viên trong học tập, nghiên cứu. Đồng thời, kết hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường giáo dục đạo đức sinh viên ý thức hiệu quả hơn. Phân công kế hoạch thường xuyên vệ sinh môi trường, phân giao cho từng khóa sinh viên quản lý từng khu vực đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp. Hợp đồng thuê công ty vệ sinh phân giao công việc cụ thể (Tiêu chuẩn 9).

Từ năm học 2020-2021 BM GDTC cần phối hợp chặt chẽ với P.CTSV, TT.QLCL để thông tin, tuyên truyền cho sinh viên ngành GDTC cần quan tâm hơn nữa đến việc đóng góp ý kiến cho môn học.

BM GDTC tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng (tổ trưởng chuyên môn, BGH trường THPT, lãnh đạo Sở GD) và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo GDTC 02 năm/1 lần.

BM GDTC tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV về quá trình đào tạo, hợp tác chặt chẽ với các trường THPT và để nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác TTSP, định kỳ theo kế hoạch tiếp tục đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.

BM GDTC sẽ nâng cao hơn nữa công tác thu thập ý kiến đóng góp từ các bên liên quan để nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo ngành, tiếp tục đánh giá và cải tiến định kỳ CTDH cũng như cập nhật, điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

BM GDTC Xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của GV, SV và các BLQ về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của SV của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, tiếp tục phát huy phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực.

BM GDTC cần chủ động có hướng tốt hơn cho công tác NCKH, cần mang tính ứng dụng, đột phá cao, góp phần đem lại hiệu quả cho ngành và cho xã hội, tiếp tục đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học của đội ngũ GV và SV, đặt biệt là các nghiên cứu nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

BM GDTC rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học, tiếp tục hàng năm đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại TTHL, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác), định kỳ tổ chức lấy ý kiến BLQ, kịp thời phản hồi đến Trường Khoa nhằm nâng cao chất lượng, phát triển CTDH, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện một cách có hệ thống cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. (Tiêu chuẩn 10).

BM GDTC chú trọng phát huy điểm mạnh một cách đồng bộ các hoạt động trau dồi chuyên môn trong SV các khóa, đặc biệt tăng cường các hoạt động giáo dục tình cảm nghề nghiệp thường xuyên hơn nữa trong SV.

BM GDTC cần tìm giải pháp linh động hỗ trợ SV có thể rút ngắn thời gian hoàn thành CTĐT sớm hơn, bên cạnh đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho SV tiếp cận thêm ngành học song song đáp ứng nhu cầu cá nhân cũng như nhu cầu xã hội.

Nhà trường, Bộ môn GDTC cần có hướng đi mới thiết thực với nhu cầu cụ thể của từng địa phương, BM cần chủ động đề xuất giải pháp chủ động trong việc tiếp cận, nắm bắt thông tin từ các BLQ nhằm để từ đó có thể thay đổi CTĐT theo hướng thiết thực, đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu tuyển dụng, phù hợp xu thế phát triển của xã hội, nhằm giảm thiểu tỉ lệ SV tốt nghiệp ra trường phải làm những ngành nghề trái với chuyên ngành. Điều này cũng nói lên quá trình tham gia học tập tại trường là đáp ứng cho xã hội là có định hướng rõ ràng trong tương lai, hạn chế việc đầu tư kinh phí, thời gian một cách không hiệu quả của bản thân người học, của gia đình và xã hội.

Cần mạnh dạn đề xuất các biện pháp nhằm khuyến khích công tác NCKH trong toàn thể SV và sự hỗ trợ tích cực từ phía giảng viên, thông qua các công trình NCKH từ GV, các hình thức tổ chức Seminar, Hội thảo NCKH... Thông qua đó SV được tiếp cận với công tác NCKH tốt hơn, dần dần hình thành lòng say mê trong công tác NCKH.

BM nên xây dựng hệ thống lấy ý kiến của nhà tuyển dụng để thực hiện theo định kỳ hàng năm trên quy mô lớn, thông qua các kênh trực tiếp (Hội thảo, tọa đàm...) hoặc gián tiếp (Email, điện thoại...).

Lập kế hoạch khảo sát giảng viên về CTĐT định kỳ 2 năm/lần, tiếp tục chủ động lập hệ thống lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên và sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp dựa trên nội dung bảng khảo sát các BLQ của TT ĐBCL trường ĐHCT.

Nhắc nhở SV (người học) tham gia đầy đủ phản hồi về HP mình tham gia ở tất cả các học kỳ thông qua kênh CVHT và các buổi họp giao ban định kỳ của BM (Tiêu chuẩn 11).

3.4 Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Thang điểm						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chuẩn 1							
Tiêu chí 1.1						6	
Tiêu chí 1.2						6	
Tiêu chí 1.3						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 1	6.0						

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Thang điểm						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chuẩn 2							
Tiêu chí 2.1						6	
Tiêu chí 2.2					5		
Tiêu chí 2.3						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 2	5.7						
Tiêu chuẩn 3							
Tiêu chí 3.1						6	
Tiêu chí 3.2					5		
Tiêu chí 3.3						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 3	5.7						
Tiêu chuẩn 4							
Tiêu chí 4.1						6	
Tiêu chí 4.2						6	
Tiêu chí 4.3						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 4	6.0						
Tiêu chuẩn 5							
Tiêu chí 5.1						6	
Tiêu chí 5.2						6	
Tiêu chí 5.3						6	
Tiêu chí 5.4						6	
Tiêu chí 5.5						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 5	6.0						
Tiêu chuẩn 6							
Tiêu chí 6.1						6	
Tiêu chí 6.2						6	
Tiêu chí 6.3					5		
Tiêu chí 6.4						6	
Tiêu chí 6.5						6	
Tiêu chí 6.6						6	
Tiêu chí 6.7						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 6	5.9						
Tiêu chuẩn 7							
Tiêu chí 7.1						6	
Tiêu chí 7.2					5		
Tiêu chí 7.3						6	
Tiêu chí 7.4						6	
Tiêu chí 7.5						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 7	5.8						
Tiêu chuẩn 8							
Tiêu chí 8.1						6	
Tiêu chí 8.2						6	

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Thang điểm						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 8.3						6	
Tiêu chí 8.4						6	
Tiêu chí 8.5						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 8	6						
Tiêu chuẩn 9							
Tiêu chí 9.1						6	
Tiêu chí 9.2						6	
Tiêu chí 9.3						6	
Tiêu chí 9.4						6	
Tiêu chí 9.5						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 9	6						
Tiêu chuẩn 10							
Tiêu chí 10.1					5		
Tiêu chí 10.2					5		
Tiêu chí 10.3						6	
Tiêu chí 10.4					5		
Tiêu chí 10.5						6	
Tiêu chí 10.6						6	
Điểm TBC của tiêu chuẩn 10	5.5						
Tiêu chuẩn 11						6	
Tiêu chí 11.1						6	
Tiêu chí 11.2						6	
Tiêu chí 11.3					5		
Tiêu chí 11.4					5		
Tiêu chí 11.5							
Điểm TBC của tiêu chuẩn 11	5.6						
Điểm TBC của chương trình	5.7						

PHỤ LỤC 8

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12 /2019

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Cần Thơ
 - Tiếng Anh: Can Tho University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHCT
 - Tiếng Anh: CTU
3. Tên trước đây (nếu có): Viện Đại học Cần Thơ.
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Địa chỉ: Khu II, đường 3-2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (84-292) 332663. Số fax: (084292) 3838474
7. E-mail: dhct@ctu.edu.vn, Website: www.ctu.edu.vn.
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 31/03/1966.
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1966
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1971.
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 - Công lập Bán công Dân lập Tư thục
 - Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Bộ môn Giáo dục thể chất
 - Tiếng Anh: Physical Education Department.
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: BM. GDTC
 - Tiếng Anh: Physical Education Department.
14. Tên trước đây (nếu có): Bộ môn Quân – Thể
15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Giáo dục thể chất
 - Tiếng Anh: Physical of Education
16. Mã CTĐT: 7140206
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Sư phạm Thể dục thể thao (SP.TDĐT)
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khu II, đường 3-2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
19. Số điện thoại liên hệ:(084-292)3872187. Số fax: (084-292) 3838474
20. E-mail: bmgdte@ctu.edu.vn. Website: <https://dpe.ctu.edu.vn/>
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1996.
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2004
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2008

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Lịch sử phát triển BM GDTC:

Năm 1976 với tên gọi Bộ môn Thể dục Thể thao được thành lập và ghép chung với Bộ môn Quân Sự gọi là Bộ môn Quân Thể;

Năm 1984: Bộ môn Thể dục trực thuộc Phòng Đào tạo;

Năm 1987, Bộ môn Thể dục trực thuộc Trường ĐHCT;

Năm 1996, đổi tên thành Bộ môn Giáo dục Thể chất trực thuộc Trường ĐHCT và duy trì cho đến nay.

BM GDTC rất chú trọng công tác phát triển đội ngũ giảng viên, hằng năm Bộ môn đều có xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng giảng viên, đáp ứng nhu cầu đào tạo sinh viên ngành giáo dục thể chất. Tính tại thời điểm 31/12/2019, BM GDTC có tổng số 18 giảng viên có trình độ đạt 100% từ thạc sĩ trở lên, và 3 chuyên viên, nhân viên trong đó: giảng viên chính 09 GV; giảng viên có trình độ tiến sĩ là 05 và có 05 GV đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

Trường ĐHCT phân công BM GDTC thực hiện chức năng và nhiệm vụ: giảng dạy các môn thể dục thể thao cho sinh viên chuyên và không chuyên ngành giáo dục thể chất, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động phong

trào TDTT phục vụ cho việc phát triển giáo dục đào tạo và thể chất cho khu vực ĐBSCL, cụ thể:

- *Công tác đào tạo:* Từ khi được thành lập đến năm 2004, BM GDTC được Ban Giám hiệu Trường ĐHCT giao nhiệm vụ đào tạo sinh viên ngành Sư phạm TDTT, nay là ngành GDTC ở trình độ cử nhân, là đơn vị đào tạo ngành GDTC đầu tiên ở khu vực ĐBSCL. Với vai trò đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia, năm 2015 Trường Đại học Cần Thơ giao nhiệm vụ BM GDTC đào tạo thạc sĩ ngành GDTC và hiện nay đang đào tạo khóa thứ 2 (liên kết với Trường Đại học TDTT TP HCM) với sĩ số 24 học viên, khóa này tốt nghiệp vào năm 2020. Ngoài ra, trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2019 công tác đào tạo ngắn hạn cũng được Trường Đại học Cần Thơ và BM GDTC phối hợp cùng các Liên đoàn, các huấn luyện viên, đã tổ chức nhiều khóa huấn luyện chuyên môn cho các GV trường đại học, cao đẳng, các giáo viên THPT trong khu vực ĐBSCL, cụ thể như: Tập huấn thể dục nhịp điệu (Aerobic), Taekwondo, Võ Cổ truyền, Trọng tài Bóng đá, Khiêu vũ thể thao... nhằm cung cấp những kiến thức chuyên môn cần thiết đáp ứng công tác đào tạo các cấp hiện nay.

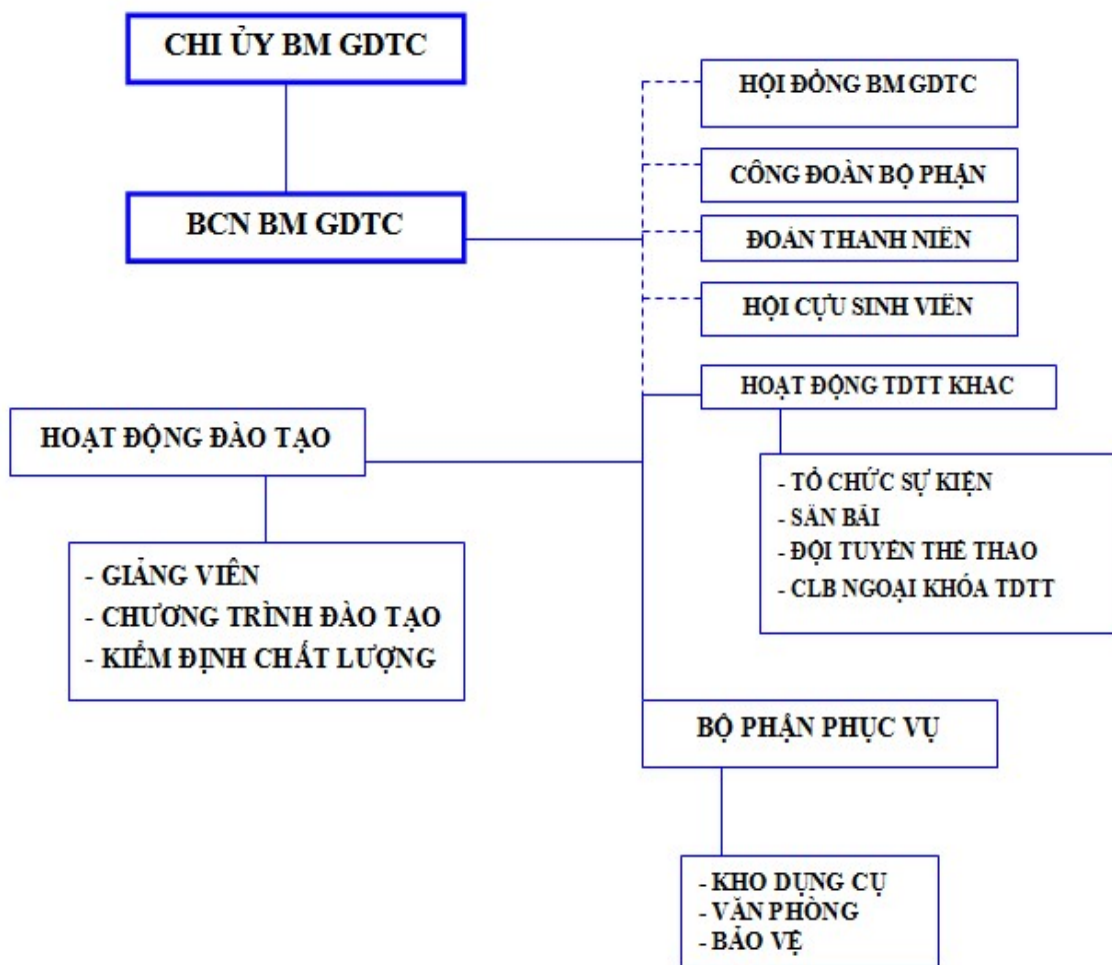
- *Công tác nghiên cứu khoa học:* Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được Ban Giám hiệu Trường ĐHCT rất quan tâm và chỉ đạo BM GDTC xây dựng kế hoạch đăng cai tổ chức với 6 kỳ Hội thảo NCKH liên tiếp ở cấp khu vực và cấp Quốc gia, được Vụ GDTC - Bộ GD&ĐT cùng với Hội Thể thao Đại học và Chuyên nghiệp ĐBSCL phối hợp tổ chức rất thành công, đã quy tụ được trên 30 trường Đại học trên cả nước tham gia vào Hội thảo NCKH, với kết quả này Trường ĐHCT là một trong ba trường tổ chức đăng cai thường xuyên nhất đối với hội thảo NCKH ở lĩnh vực TDTT. Bên cạnh đó, các GV còn tham gia viết bài đăng các tạp chí trong và ngoài nước, tham gia làm chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực TDTT và biên soạn các giáo trình giảng dạy...

- *Công tác tổ chức các phong trào TDTT:* Tổ chức thành công 39 kỳ Hội thao truyền thống toàn trường thu hút đông sinh viên và cán bộ tham gia; phối hợp với Công đoàn Trường ĐHCT tổ chức Hội thao công đoàn cho cán bộ hằng năm. Đã tham gia nhiều hoạt động TDTT cấp Tỉnh và Thành phố và giải sinh viên toàn quốc... đạt

nhiều thành tích cao. Đồng thời, Trường ĐHCT cũng là nơi đăng cai tổ chức nhiều sự kiện TDTT cho TP, cho khu vực và cho Bộ GD&ĐT, cụ thể: Giải Hội thao truyền thống Sacombank, Giải bóng chuyền trẻ khu vực, Giải Boxing Toàn quốc, Giải Vovinam toàn quốc...

Với các thế mạnh và thành tựu này, Trường ĐHCT là trường duy nhất trong khu vực được Hội Thể thao Đại học và Chuyên nghiệp ĐBSCL gởi danh sách đề nghị Trung Ương Hội Thể thao Việt Nam tặng bằng khen liên tiếp từ năm 2014 đến nay đối với tập thể và cá nhân có nhiều thành tích đóng góp cho quá trình thành công của Hội.

Sơ đồ tổ chức BM GDTC



*** Sứ mạng (Mission)**

BM GDTC Trường ĐHCT, thực hiện giảng dạy các môn thể dục thể thao cho sinh viên chuyên và không chuyên ngành giáo dục thể chất, thực hiện các hoạt động

nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động phong trào TĐTT phục vụ cho việc phát triển giáo dục đào tạo và thể chất cho khu vực ĐBSCL.

*** Tầm nhìn (Vision)**

Đến năm 2022, BM GDTC Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học và tổ chức các phong trào chất lượng tốt nhất trong khu vực ĐBSCL, góp phần nâng cao chất lượng bền vững cho trường ĐHCT.

Cơ cấu điều hành hoạt động đào tạo của BM GDTC gồm các thành phần sau:

- Ban chủ nhiệm BM GDTC: gồm trưởng Bộ môn và 02 phó trưởng Bộ môn.

- Tổ văn phòng : 02 VC và 01 NLD.

- Bộ môn hiện có 01 Chi ủy trực thuộc BM GDTC (11 đảng viên), 01 Công đoàn Bộ phận (21 công đoàn viên); 01 hội cựu chiến binh trực thuộc trường (02 đồng chí) và 01 hội cựu sinh viên thành lập từ đầu tháng 4/2016.

- Hội đồng khoa học BM.

BM GDTC phấn đấu đến năm 2022 sẽ theo tiến trình trở thành Khoa GDTC.

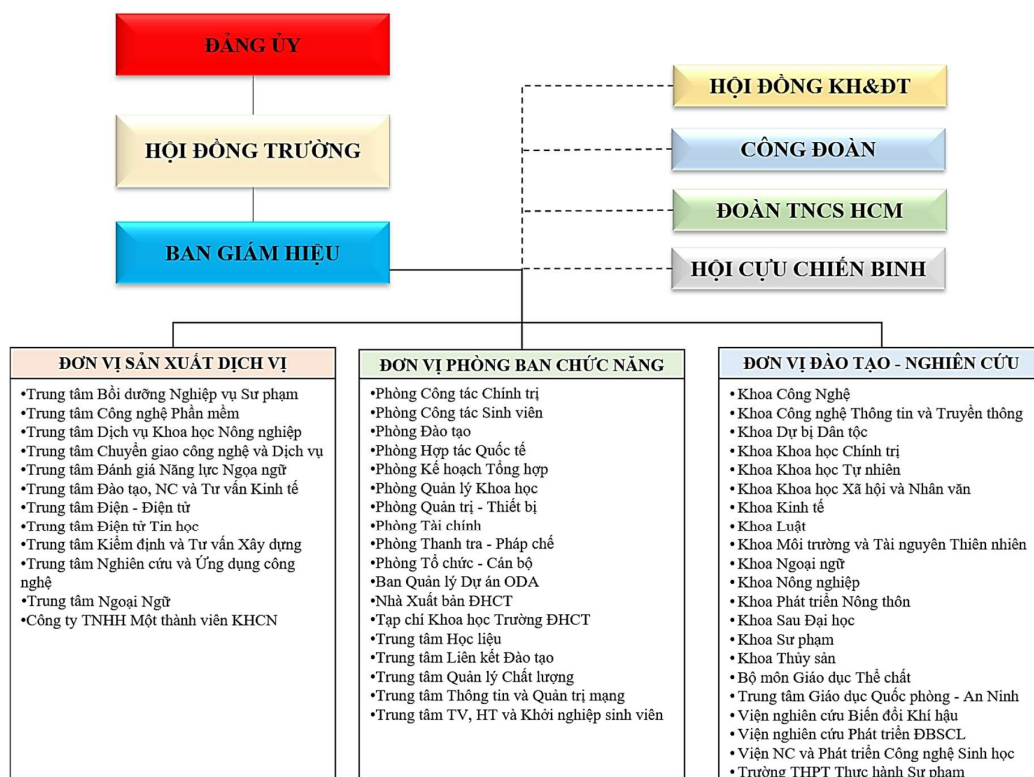
25. Cơ cấu tổ chức hành chính của CSGD và đơn vị thực hiện CTĐT

Trường Đại học Cần Thơ

Trường ĐHCT được thành lập ngày 31/03/1966 với tên gọi ban đầu là Viện ĐHCT, là trường công lập đa ngành và trọng điểm trực thuộc BGDĐT ở vùng ĐBSCL, là thành viên của tổ chức AUN (từ tháng 07/2013). Hoạt động duy trì và cải tiến chất lượng theo hướng tiếp cận chuẩn mực chất lượng quốc gia và quốc tế là chủ trương nhất quán của Trường. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả và công nhận chất lượng với số phiếu tán thành đạt tỷ lệ 92,86%. Năm 2016, QS University Rankings Asia xếp hạng Trường trong nhóm 251 - 300 trường đại học hàng đầu Châu Á. Năm 2018, Trường ĐHCT còn là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển thành Trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay Trường đào tạo 98 chuyên ngành đại học (trong đó có 2 CTĐT tiên tiến, 3 CTĐT chất lượng cao), 45 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 16 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của trường được thể hiện ở Hình bên dưới.



Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Cần Thơ

Chức năng và nhiệm vụ

Chức năng và nhiệm vụ của Trường ĐHCT được xác định theo CV số 12/TCCB ngày 02/01/1996 của BGDĐT và được điều chỉnh, bổ sung theo quy hoạch phát triển tổng thể của Trường trong từng thời kỳ Trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ “đào tạo, NCKH (NCKH), chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Song song với công tác đào tạo, Trường thực hiện các chương trình NCKH, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa và xã hội của vùng”.

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường ĐHCT đã xác định mục tiêu phát triển của Trường đến 2022 tại các quy hoạch phát triển tổng thể của Trường; tuyên bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi tại Quyết định số 1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/04/2014. Những nội dung này được trình bày cụ thể trong Tiêu chuẩn 1.

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Hà Thanh Toàn	1963	GS. TS.	0292 3830 604	httoan@ctu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy	Trần Thị Thanh Hiền	1965	PGS. TS.	0292 3872 098	tthien@ctu.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Lê Việt Dũng	1960	PGS. TS.	0292 3687 666	lvdung@ctu.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Trần Trung Tính	1973	PGS. TS.	0292 3872 073	tttinh@ctu.edu.vn
5	Hội đồng trường	Nguyễn Thanh Phương	1965	GS. TS.		ntphuong@ctu.edu.vn
6	Chủ tịch Công đoàn	Dương Thị Tuyên	1971	ThS		dttuyen@ctu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Trưởng Bộ môn GDTC	Nguyễn Văn Hòa		TS	02923872158	vanhoa@ctu.edu.vn
2.	Phó Trưởng Bộ môn GDTC	Lê Bá Tường		TS	02923872163	lbtuong@ctu.edu.vn
3.	Phó Trưởng Bộ môn GDTC	Nguyễn Thanh Liêm		TS	02923872272	thanhliem@ctu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư Chi ủy	Lê Bá Tường		TS	02923872163	lbtuong@ctu.edu.vn
2	Chủ tịch công đoàn BP	Nguyễn Thanh Liêm		TS	02923872272	thanhliem@ctu.edu.vn
3	Bí thư đoàn	Nguyễn Hữu Tri		ThS	02923872187	nhtri@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	thanh niên					
III.	Các phòng, ban					
1	Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp	Dương Thanh Long		ThS.	0918934011	dtlong@ctu.edu.vn
2	Trưởng Phòng Công tác Chính trị	Trần Thiện Bình		ThS.	0913759591	ttbinh@ctu.edu.vn
3	Trưởng Phòng Công tác SV	Nguyễn Thanh Tường	1965	TS.	0919 636 757	nttuong@ctu.edu.vn
4	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Trí		ThS.	0292.3872166	nmtri@ctu.edu.vn
5	Trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế	Lê Văn Lâm		PGS. TS.	0292.3872 160	lvlam@ctu.edu.vn
6	Trưởng PQLKH	Lê Văn Khoa		PGS. TS.	0292.3872 175	lvkhoa@ctu.edu.vn
7	Trưởng Phòng Tài chính	Nguyễn Văn Duyệt		ThS.	0292 383 2662	nvduyet@ctu.edu.vn
8	Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Lan Hương		TS.	0292 3872 114	nlhuong@ctu.edu.vn
9	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ	Nguyễn Văn Trí		ThS.	0916326193	nvtri@ctu.edu.vn
10	Phòng Quản trị - Thiết bị	Lê Phi Hùng		CN.	0918367309	lphung@ctu.edu.vn
11	Trưởng Ban Quản lý Công Trình	Trần Trung Tính		PGS. TS.	0292 3872 162	tttinh@ctu.edu.vn
12	Trưởng Ban Quản lý Dự án Nâng cấp	Trần Trung Tính		PGS. TS.	0292 3872 162	tttinh@ctu.edu.vn
13	GD. Trung	Lê Nguyễn Đoan		PGS.	02923872135	lndkhoi@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	tâm Chuyên giao Công nghệ và Dịch vụ	Khôi		TS.		
14	GĐ. Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ	Trần Văn Lụa		TS.	0292 387.2295	tvlua@ctu.edu.vn
15	GĐ. Trung tâm Học liệu	Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương		ThS.	0292 383 1565	nhvvuong@ctu.edu.vn
16	GĐ. TTQLCL	Phan Huy Hùng		TS.	02923. 872 170	phhung@ctu.edu.vn
17	GĐ. TTTQTM	Lưu Trùng Dương		ThS.	0292 3830 308	luutd@ctu.edu.vn
18	GĐ. Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV	Trần Cao Đệ		PGS. TS.	02923 872 284	tcde@ctu.edu.vn
19	GĐ. Nhà xuất bản ĐHCT	Trần Thanh Điện		TS.	02923839981	thanhdien@ctu.edu.vn
20	GĐ. Tạp chí Khoa học Trường ĐHCT	Hà Thanh Toàn		GS. TS.	02923 872 157	httoan@ctu.edu.vn
IV.	Các bộ môn					
1.						
...						

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	13	6	19
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	1	1	2
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	14	7	21

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ¹ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ¹ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
4	Tiến sĩ	5	5		3		
5	Thạc sĩ	13	13				
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	18	18		3		

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 20-2=18 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 18/21= 85.71%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32). Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							0
4	Tiến sĩ	2	5	5		3			11.8
5	Thạc sĩ	1	13	13					13
6	Đại học	0,5							0

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
	Tổng		18	18		3			24.8

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	5	27.78	4	1			5		
5	Thạc sĩ	13	72.22	10	3	0	6	4	3	
6	Đại học									
	Tổng	18	100	14	4	0	6	9	3	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42.28 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 27.78%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 72.22 %

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	16.67 %	27.78%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	27.78 %	38.89%

3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	33.33 %	33.33%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	22.22 %	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.
 Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2014-2015	848	61/60	13.9	61	16	18.25	0
2015-2016	190	64/60	2.9	64	15	18.00	0
2016-2017	98	41/40	2.4	41	17.57	20.5	0
2017-2018	103	39/40	2.6	39	17.75	20.55	0
2018-2019	96	24	4	23	18.25	21.10	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	61	64	41	39	23
Hệ không chính quy	26	26	26	26	26

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học
--	---------

	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	77.259,12	77.259,12	77.259,12	77.259,12	77.259,12
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	152	135	121	95	79
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	98	72	70	65	58
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	6.6	6.6	6.6	6.6	6.6

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Số lượng (người)	36	42	50	53	42
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	12.1%	16.7%	22.5%	25.9%	21.2%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	86.1%	90.41%	71.6%	82.46%	86.88%
Hệ không chính quy	0	0	0	0	53.86%

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp
--------------	----------------

	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	68/79	66/73	55/81	47/57	55/66
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	86.1	90.41	71.6	82.46	86.88
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	Không có thực hiện khảo sát	59%	49%	30%	38%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	việc làm SVTN	22%	39%	62%	50%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học</i> được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp		19%	12%	8%	12%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	Không có thực hiện khảo sát				73%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	việc làm SVTN	55%	57%	43%	38%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng)		26%	40%	57%	62%
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện					5-7 triệu

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	Không có thực hiện	59%	49%	30%	38%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	khảo sát việc làm SVTN	22%	39%	62%	50%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).		19%	12%	8%	12%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
 - Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
 - Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	4	3	2	1	6
4	Tổng		2	4	3	2	1	

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2015	0	0	0
2	2016	0	0	0
3	2017	0	0	0
4	2018	0	0	0
5	2019	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	8	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	8	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	2	1	0	0	1	6
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		2	1	0	0	1	6

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 6

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.33

46. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm

gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	8	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	8	0	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	1	2	3,0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	18	19	26	18	23	52,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		18	19	26	19	25	55,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi):

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	03	3	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	5	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	7	0
Trên 15 bài báo	0	3	0
Tổng số cán bộ tham gia	03	18	0

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng
----	--------------------	----------

		Hệ số**	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	1	2	3,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	18	19	26	18	23	52,0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		18	19	26	19	25	55,0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 55

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3.1

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	3	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	5	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	7	0
Trên 15 báo cáo	0	3	0
Tổng số cán bộ tham gia	03	18	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014-2015	0
2015-2016	0
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi
	Đề tài cấp	Đề tài	Đề tài cấp	

	NN	cấp Bộ*	trường	chú
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	2	0	0	0	2

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 220.000m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 69000m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 312 m² Nơi học: 330.000 m² Nơi vui chơi giải trí: 40.000 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 20.000 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 119.75 m²

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 60

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 40

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 16 máy

- Dùng cho người học học tập: 200 máy

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1.2

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 19

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 19/20

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 26.31 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100 %

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 167 SV

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 8.79 SV/GV

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 83.12 SV

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 38.2 %

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 61.8 %

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4.6tr

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi)
trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 6

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 03

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 55

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 55

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 200/167

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8 m²

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 10 m²

PHẦN IV. PHỤ LỤC

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H1.01.01.01	Luật giáo dục đại học	Số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012	Quốc hội
2	H1.01.01.02	Quyết định ban hành CTĐT ngành GDTC năm 2007, 2016, 2018	Số 1520/QĐ-ĐHCT ngày 27/08/2007; Số 2975/QĐ-ĐHCT, ngày 26/6/2016; Số: 3019 /ĐHCT, ngày 30/07/2019	Trường ĐHCT
3	H1.01.01.03	Tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường ĐHCT	Số 1086/QĐ-ĐHCT, ngày 17/04/2014	Trường ĐHCT
4	H1.01.01.04	Đề cương chi tiết học phần CTĐT ngành GDTC	2014, 2019	Trường ĐHCT
5	H1.01.01.05	Website giới thiệu mục tiêu đào tạo của trường ĐHCT	https://www.ctu.edu.vn/gioi-thieu/gioi-thieu.html	Trường ĐHCT
6	H1.01.01.06	Website giới thiệu tầm nhìn, sứ mạng của BM.GDTC	https://dpe.ctu.edu.vn/index.php/gioi-thieu/gioi-thieu-bo-mon	BM GDTC
7	H1.01.01.07	Thông báo lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT năm 2013	394/TB-ĐHCT 18/0/2013	Trường ĐHCT
8	H1.01.01.08	Biên bản họp tiểu ban khoa học giáo dục về việc thẩm định CTĐT của các ngành sư phạm	2014	Khoa Sư phạm
9	H1.01.01.09	Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT năm 2015	2378/KH-ĐHCT ngày 12/12/2014	Trường ĐHCT
10	H1.01.01.10	Kết quả lấy ý kiến phản hồi về CTĐT	Số 53/BC-ĐBCL&ĐT	TT.QLCL
11	H1.01.01.11	Quyết định ban hành CTĐT năm 2015 và bản mô tả CTĐT	Số 5002/QĐ-ĐHCT ngày 31-12-2015	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
12	H1.01.01.12	Báo cáo thường niên của Trường ĐHCT	2016,2017,2018,2019	Trường ĐHCT
13	H1.01.01.13	Website 3 công khai về Trường ĐHCT	https://www.ctu.edu.vn/cong-khai-tt36.html	Trường ĐHCT
14	H1.01.02.01	Công văn hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo	Số 2196/BGDĐT-GDDH	Bộ GDĐT
15	H1.01.02.02	Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TT-BGDĐT	Bộ GDĐT
16	H1.01.02.03	Công văn về Kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo bậc đại học từ khóa 40	Số 2097/KH-ĐHCT, ngày 8/11/2013	Trường ĐHCT
17	H1.01.02.04	Công văn về việc hướng dẫn điều chỉnh mục tiêu đào tạo, và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 40	Số 2098/ĐHCT, ngày 8/11/2013	Trường ĐHCT
18	H1.01.02.05	Công văn hướng dẫn điều chỉnh CTĐT ngành bậc đại học áp dụng từ K40	Số 2099/ĐHCT, ngày 08/11/2013	Trường ĐHCT
19	H1.01.02.06	Biên bản họp Hội đồng BM GDTC điều chỉnh CTĐT, CDR	2014,2018	BM GDTC
20	H1.01.02.07	Xây dựng ma trận mối tương quan giữa mục tiêu đào tạo và HP với	Số 2641/ĐHCT-ĐBCL&KT ngày 15/09/2017	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		CĐR		
21	H1.01.02.08	Tài liệu tập huấn về mục tiêu và CĐR	2018	Trường ĐHCT
22	H1.01.02.09	Bản so sánh các HP trong CTĐT với CĐR trình độ đại học khối ngành sư phạm	2013, 2018	BM GDTC
23	H1.01.03.01	Quyết định thành lập tổ thư ký, tổ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành GDTC	Số 4946/QĐ-ĐHCT, ngày 30/10/2013	Trường ĐHCT
24	H1.01.03.02	Hướng dẫn điều chỉnh CTĐT trình độ đại học	Số 2223/ĐHCT, ngày 19/10/2018	Trường ĐHCT
25	H1.01.03.02	Biên bản họp Hội đồng BM GDTC về xây dựng CTĐT áp dụng từ khóa 40	2014	BM GDTC
26	H1.01.03.03	Biên bản họp Hội đồng BM GDTC về xây dựng CTĐT áp dụng từ khóa 45	2019	BM GDTC
27	H1.01.03.04	Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về CTĐT	2019	BM GDTC
28	H1.01.03.05	Kết quả khảo sát giảng viên về CTĐT	2019	BM GDTC
29	H1.01.03.06	Kết quả khảo sát sinh viên về mục tiêu và CĐR CTĐT	2019	BM GDTC
30	H1.01.03.07	Kết quả khảo sát việc làm của SVTN giai đoạn 2016-2019	2016,2017,2018,2019	BM GDTC
31	H1.01.03.08	Poster tuyên sinh ngành GDTC Trường ĐHCT	2016,2017,2018	Trường ĐHCT
32	H1.01.03.09	Kết quả đánh giá HP KTSP, TTSP	2015, 2016, 2017, 2018, 2019	Khoa Sư phạm

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
33	H1.01.03.10	Quyết định thành lập Hội cựu sinh viên ngành GDTC và danh sách, hình ảnh	2016	BM GDTC
34	H2.02.01.01	Bản in CTĐT và bản mô tả năm 2014	2014	Trường ĐHCT
35	H2.02.01.02	Bản in CTĐT và bản mô tả năm 2019	2019	Trường ĐHCT
36	H2.02.01.03	Poster tuyển sinh đại học Trường ĐHCT hàng năm	2015,2016,2017,2018,2019	Trường ĐHCT
37	H2.02.02.01	Quyết định về chuyên đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ Trường ĐHCT	QĐ 1092/BGDĐT ngày 23/03/2018	Bộ GDĐT&ĐT
38	H2.02.02.02	Công văn hướng dẫn viết lại đề cương chi tiết học phần theo CDR áp dụng từ khóa 45	Số 2222/KH - ĐHCT	Trường ĐHCT
39	H2.02.02.03	Mẫu đề cương chi tiết HP của Trường ĐHCT 2014, 2018	Số 2224/KH - ĐHCT	Trường ĐHCT
40	H2.02.03.01	Website Trường ĐHCT thông báo chương trình đào tạo	https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html	Trường ĐHCT
41	H2.02.03.03	Website BM GDTC giới thiệu CTĐT, đề cương HP, tuyển sinh	https://dpe.ctu.edu.vn/index.php/thong-tin-dao-tao/chuong-trinh-dao-tao	BM GDTC
42	H3.03.01.01	Hướng dẫn xây dựng đề cương môn học phù hợp với chương trình đào tạo theo tín chỉ (Quy chế 43)	Số: 43/2007/QĐ-BGD&ĐT	Bộ GDĐT
43	H3.03.01.02	Quyết định ban hành mẫu đề cương và mẫu kế hoạch dạy học	Số 258/QĐ-ĐHCT, ngày 20/2/2014	Trường ĐHCT
44	H3.03.01.03	Kế hoạch tập huấn điều chỉnh CTĐT và đề cương chi tiết HP	Số 2223/ĐHCT, ngày 19/10/2018	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
45	H3.03.01.04	Quyết định giao nhiệm vụ xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo áp dụng từ khóa 40	2014	BM GDTC
46	H3.03.01.05	Quyết định giao nhiệm vụ xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo áp dụng từ khóa 45	2019	BM GDTC
47	H3.03.01.06	Bản mô hình ma trận CTĐT ngành GDTC áp dụng từ khóa 40	2017	BM GDTC
48	H3.03.01.07	Biên bản họp HĐ BM GDTC thông qua đề cương chi tiết HP CTĐT ngành GDTC khóa 40	2014	BM GDTC
49	H3.03.02.01	Kế hoạch đào tạo 04 năm 08 học kỳ CTĐT ngành GDTC các khóa 40, 41, 42, 43, 44, 45	2015,2016,2017,2018,2019	BM GDTC
50	H3.03.02.02	Công văn về việc thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi của người học trực tuyến về hoạt động giảng dạy của giảng viên	1912/2014;1994/2015;166/2016;1870/2016; 393/2016;173/2017;2642/2017;02/2018;03/2019	TTQLCL
51	H3.03.02.03	Thông tin tuyển sinh Trường ĐHCT	2017,2018,2019	Trường ĐHCT
52	H3.03.03.01	Kế hoạch đào tạo năm thứ nhất khóa 40, 41,42,43,44,45	2015,2016,2017,2018,2019	BM GDTC
53	H3.03.03.02	Biên bản họp Hội đồng khoa học Trường ĐHCT về mở rộng HP Kỹ năng mềm vào CTĐT trình độ đại học	2526/BB-ĐHCT ngày 17/12/2015	Trường ĐHCT
54	H3.03.03.03	Đề cương chi tiết HP Kỹ năng	2016	Trường

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		mềm		ĐHCT
55	H4.04.01.01	Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHCT năm 2017	2017	Trường ĐHCT
56	H4.04.01.02	Đề án Quy hoạch phát triển Trường ĐHCT trọng điểm đến 2022, tầm nhìn 2030	2014	Trường ĐHCT
57	H4.04.01.03	Đề án phát triển BM GDTC đến năm 2022, tầm nhìn đến năm 2030	2017	BM GDTC
58	H4.04.01.04	Kế hoạch tổ chức buổi sinh hoạt đầu năm, đầu khóa giai đoạn 2014 - 2019	2014-2019	Trường ĐHCT
59	H4.04.01.05	Biên bản họp lý kiến sinh viên định kỳ giai đoạn 2014 - 2019	2014-2019	BM GDTC
60	H4.04.01.06	Quy chế học vụ dành cho SV đại học chính quy 2013, 2017, 2019	2013,2017,2019	Trường ĐHCT
61	H4.04.02.01	Sổ tay KTSP, TTSP	2014	Trường ĐHCT
62	H4.04.02.02	Kế hoạch tổ chức thực hiện HP LVTN của BMGDTC	Số 52/KH-GDTC, ngày 25/9/2019 Số 117KH-GDTC, ngày 24/5/2015 Số 118/KH-GDTC, ngày 24/5/2018 Số 30/KH-GDTC, ngày 16/5/2016 Số 97/KH-BMGDTC, ngày 07/04/2014	BM GDTC
63	H4.04.02.03	Kế hoạch phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm LVTN của BMGDTC giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC
64	H4.04.02.04	Đề cương chi tiết HP KTSP và HP TTSP	2014,2019	Khoa Sư phạm
65	H4.04.02.05	Quy chế đánh giá điểm rèn luyện	Số 73/QĐ-ĐHCT	Trường

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		dành cho SV ĐH chính quy		ĐHCT
66	H4.04.02.06	Website kết quả phản hồi của sinh viên về việc giảng dạy HP của giảng viên	https://oss.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
67	H4.04.02.07	Quy định về công tác CVHT	2013,2017,2019	Trường ĐHCT
68	H4.04.02.08	Kế hoạch tổ chức buổi họp sinh hoạt toàn thể SV BMGDTC định kỳ theo học kỳ, giai đoạn 2014 - 2019	2014-2019	Trường ĐHCT
69	H4.04.03.01	Thông báo về việc đăng ký thực hiện các đề tài NCKH SV thực hiện giai đoạn 2014 - 2019	2014-2019	Trường ĐHCT
70	H4.04.03.02	Danh sách các bài báo khoa học SV ngành GDTC giai đoạn 2015-2019	2019	BM GDTC
71	H4.04.03.03	Thông báo học bổng khuyến khích SV tham gia các chương trình trao đổi SV với các trường quốc tế giai đoạn 2016 - 2019	2016-2019	Trường ĐHCT
72	H4.04.03.04	Danh sách sinh viên tham gia học tập trao đổi nước ngoài giai đoạn 2016 - 2019	Số 4492/QĐ-ĐHCT, ngày 21/11/2017	Trường ĐHCT
73	H5.05.01.01	Quy định về tổ chức thi và kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV theo học kỳ	2018	Trường ĐHCT
74	H5.05.01.02	Khung kế hoạch công tác năm học của Trường ĐHCT giai đoạn 2014-2019	2014-2019	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
75	H5.05.01.03	Quyết định thành lập Tổ giám sát việc tổ chức thi học kỳ Bộ môn GDTC giai đoạn 2016 - 2019	2016, 2017, 2018, 2019	BM GDTC
76	H5.05.01.04	Báo cáo quá trình giám sát việc tổ chức thi học kỳ Bộ môn GDTC giai đoạn 2016 - 2019	2016, 2017, 2018, 2019	BM GDTC
77	H5.05.01.05	Kế hoạch TTSP giai đoạn 2015-2019	2015-2019	Trường ĐHCT
78	H5.05.01.06	Báo cáo tổng kết thực tập sư phạm giai đoạn 2015- 2019	2015-2019	Trường ĐHCT
79	H5.05.01.07	Quyết định thành lập các hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp giai đoạn 2015- 2019	2015-2019	BM GDTC
80	H5.05.01.08	Phiếu chấm điểm, biên bản tổng hợp kết quả đánh giá HP LVTN sinh viên ngành GDTC	2015,2016,2017,2018,2019	BM GDTC
81	H5.05.01.09	Quyết định ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện dành cho SV trình độ đại học chính quy	Số 73/QĐ-ĐHCT 01/11/2017	Trường ĐHCT
82	H5.05.02.01	Tài liệu hướng dẫn TTSP, KTSP	2010, 2014	Khoa Sư phạm
83	H5.05.02.02	Website hỗ trợ tân sinh viên	https://tansinhvien.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
84	H5.05.02.03	Website giới thiệu đề cương học phần	https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html	Trường ĐHCT
85	H5.05.02.04	TB quy trình khiếu nại kết quả học tập của SV BM GDTC	2017	BM GDTC
86	H5.05.02.05	Website các văn bản Quy định công tác học vụ của SV Trường	7ctu.edu.vn/van-ban.html#a-v-n-ba-n-ca-p-tr-a-ng	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		ĐHCT		
87	H5.05.03.01	Sổ tay GV	2010	Trường ĐHCT
88	H5.05.03.02	Bảng điểm HP (Sinh lý TĐTT)	2018	BM GDTC
89	H5.05.03.03	Bài thi cuối kỳ (Sinh lý TĐTT)	2018	BM GDTC
90	H5.05.03.04	Biểu mẫu khiếu nại KQHT của SV BM GDTC	https://dpe.ctu.edu.vn/index.php/bieu-mau/bieu-mau-sinh-vien	BM GDTC
91	H5.05.04.01	Hệ thống quản lý đào tạo trường ĐHCT	https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php	Trường ĐHCT
92	H5.05.04.02	Quyết định phân công GV CVHT các lớp chuyên ngành giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	
93	H5.05.05.01	Trang thông tin điện tử của Trường về quy trình khiếu nại kết quả học tập	https://daa.ctu.edu.vn/quy-trinh	Trường ĐHCT
94	H5.05.05.02	Tổng hợp kết quả xử lý, giải quyết khiếu nại kết quả học tập SV BM GDTCgiai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC
95	H6.06.01.01	Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2022	tháng 03/2014	Trường ĐHCT
96	H6.06.01.02	kế hoạch phát triển BM GDTC giai đoạn 2017-2022 và đến năm 2030	ngày 17 tháng 12 năm 2018	Trường ĐHCT
97	H6.06.01.03	Quy hoạch lãnh đạo BM của cấp ủy	2017	Trường ĐHCT
98	H6.06.01.04	Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 939/QĐ-ĐHCT, ngày 28 tháng 3 năm 2017	Trường ĐHCT
99	H6.06.01.05	Hợp đồng mời giảng	Từ năm 2014 đến 2019	BM GDTC
100	H6.06.01.06	Quy định tiêu chuẩn và quy trình	Thư điện tử của trường	Trường

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		tuyển dụng và bổ nhiệm GV		ĐHCT
101	H6.06.01.07	Thông báo Kế hoạch tuyển dụng năm 2018 Trường	2018	Trường ĐHCT
102	H6.06.01.08	Kế hoạch tuyển dụng của BM	Số 52/ĐN-GDTC, ngày 12/10/2016 Số 01/KH-GDTC, ngày 9/1/2017	BM GDTC
103	H6.06.01.09	Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng năm 2018 của BM, Trường	2018	Trường ĐHCT
104	H6.06.01.10	Quy trình tuyển dụng VC	2016,2018	Trường ĐHCT
105	H6.06.01.11	Thông báo tuyển dụng, trên website của Nhà trường, website Phòng Tổ chức	Phòng Tổ chức Cán bộ	Quy trình tuyển dụng VC
106	H6.06.01.12	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 598/QĐ-ĐHCT, ngày 16 tháng 3 năm 2015	Trường ĐHCT
107	H6.06.01.13	Quyết định nghỉ hưu	Thầy Tuấn, Thầy Xên, Cô Xoan 4268/QĐ-ĐHCT, ngày 27/9/2019 Thầy Anh 5867/QĐ-ĐHCT, ngày 3/12/2019	Trường ĐHCT
108	H6.06.01.14	Quyết định tăng lương trước hạn cho cán bộ về hưu	2016,2019	Trường ĐHCT
109	H6.06.01.15	Thông báo Kế hoạch xét tặng Bằng khen Bộ trưởng cho cán bộ về hưu	Từ 2014-2019 của Trường	Trường ĐHCT
88	H6.06.01.16	Danh sách giảng viên BM GDTC	2019	Trường ĐHCT
89	H6.06.01.17	Quyết định cán bộ hướng dẫn đoàn sinh viên KTSP, TTSP	Từ năm 2014-2019	Trường ĐHCT
90	H6.06.02.01	Quyết định ban hành Quy định Chế độ làm việc đối với giảng viên	Số 4412/QĐ-ĐHCT, ngày 25/11/2015	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		Trường Đại học Cần Thơ		
91	H6.06.02.02	Quyết định kết quả thi đua khen thưởng	Từ năm 2014 đến 2019	Trường ĐHCT
92	H6.06.03.01	Về ban hành Quy định tuyển dụng và yêu cầu tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ đối với cán bộ giảng dạy	1636/QĐ-ĐHCT, ngày 16/10/2009	Trường ĐHCT
93	H6.06.03.02	Quy trình công tác tuyển dụng	https://dp.ctu.edu.vn/quytrinh-cong-tac/21-quy-trinh-cong-tac-tuyen-dung.html	Trường ĐHCT
94	H6.06.03.03	Quyết định phân cấp quản lý	https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbct/1120_QD_DHCT.pdf	Trường ĐHCT
95	H6.06.03.04	Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư	Quyết định Số: 37/2018/QĐ-TTg, ngày ngày 31 tháng 8 năm 2018	Trường ĐHCT
96	H6.06.04.01	Thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua-khen thưởng	Số: 906/ĐHCT-TCCB, ngày 10 tháng 5 năm 2018	Trường ĐHCT
97	H6.06.04.02	Mẫu đăng ký thi đua đầu năm	Biểu số: 1A-GV 20...	Trường ĐHCT
98	H6.06.04.03	Biên bản bình xét danh hiệu thi đua tập thể, cá nhân năm học giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	Trường ĐHCT
99	H6.06.04.04	Biên bản họp giao ban giai đoạn 2015 - 2019	Giai đoạn 2015 - 2019	BM GDTC
100	H6.06.05.01	Kế hoạch đào tạo tiên sĩ giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC
101	H6.06.05.02	Quyết định cử đi viên chức, người lao động BM GDTC tham gia học	Số 1360/QĐ-ĐHCT, ngày 19/5/2014, Số 679/QĐ-ĐHCT, ngày 20/3/2015, Số 1091/QĐ-ĐHCT, ngày 20/4/2015, Số 3652/QĐ-	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		<i>ngắn hạn giai đoạn 2015 - 2019</i>	ĐHCT, ngày 9/9/2016, Số 4080/QĐ-ĐHCT, ngày 19/9/2018, Số 5615/QĐ-ĐHCT, ngày 30/11/2018	
102	H6.06.05.03	Đề nghị cử viên chức tham gia học tập nâng cao trình độ của BM giai đoạn 2014 - 2019	2015-2019	BM GDTC
103	H6.06.05.04	Quyết định thu nhận giảng viên hoàn thành khóa học	2015,2017,2018,2019	Trường ĐHCT
104	H6.06.05.05	Kết quả thi nâng ngạch giảng viên chính hạng 2 giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	Trường ĐHCT
105	H6.06.05.06	Danh sách cử viên chức BM GDTC học lớp bồi dưỡng nâng ngạch giảng viên giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC
106	H6.06.05.07	Đề án học tập nâng cao trình độ GV BM GDTC 2015 - 2020	2015-2019	BM GDTC
107	H6.06.05.08	Danh sách quyết định trao máy tính cho tiến sĩ	2015,2017,2018,2019	Trường ĐHCT
108	H6.06.05.09	Danh sách cán bộ học ngoại ngữ văn bằng 2	2019	BM GDTC
109	H6.06.05.10	Danh sách học An Ninh Quốc phòng	2018,2019	Trường ĐHCT
110	H6.06.05.11	<i>Quyết định học Cao cấp lý luận chính trị</i>	2015,2019	Trường ĐHCT
111	H6.06.06.01	Kế hoạch năm học BM GDTC giai đoạn 2015 - 2019	Các năm 2014-2019	BM GDTC
112	H6.06.06.02	Biên bản đánh giá xếp loại viên chức của BM GDTC	Các năm 2014-2019	BM GDTC
113	H6.06.06.03	Danh sách tăng lương trước hạn giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
114	H6.06.06.04	Lý lịch khoa học giảng viên	16 giảng viên	BM GDTC
115	H6.06.06.05	Khối lượng giờ giảng hàng năm BM GDTC giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC
116	H6.06.06.06	Quyết định danh hiệu thi đua năm học giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	Trường ĐHCT
117	H6.06.07.01	Kế hoạch tổ chức Hội thảo NCKH giai đoạn 2014 - 2019	Giai đoạn 2014 - 2019	Trường ĐHCT
118	H6.06.07.02	Kỷ yếu hội thảo NCKH các kỳ 2014-2019	Các năm 2014 đến nay	
119	H6.06.07.03	Quyết định phân công GV kiêm nhiệm công tác văn phòng	2015-2018	Trường ĐHCT
120	H6.06.07.04	Phiếu kê khai khối lượng giảng viên hàng năm - ĐHCT	https://qldiem.ctu.edu.vn/htql/hindex.php	Trường ĐHCT
121	H6.06.07.05	Các văn bản/thông báo về NCKH của trường do viên chức thực hiện giai đoạn 2015 - 2019	Giai đoạn 2015 - 2019	Trường ĐHCT
122	H6.06.07.06	Danh sách đề tài cấp cơ sở viên chức BM GDTC thực hiện 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC
123	H6.06.07.07	Tạp chí khoa học, Kỷ yếu Hội nghị KHTQ giai đoạn 2014 - 2019	2014,2015,2016,2017,2018,2019	Trường ĐHCT
124	H6.06.07.08	Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong Trường Đại học Cần Thơ	Số 5976/QĐ-ĐHCT, ngày 23/12/2013	Trường ĐHCT
125	H7.07.01.01	Công bố Quy trình công tác tại Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 5706/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc	Trường ĐHCT
126	H7.07.01.02	Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban chức năng thuộc trường ĐHCT	Số 2346/QĐ-ĐHCT, ngày 21/7/2014	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
127	H7.07.01.03	Quyết định quy trình về công tác tuyển dụng viên chức, người lao động Trường ĐHCT	Quyết định số 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27 tháng 12 năm 2012	Trường ĐHCT
128	H7.07.01.04	Quyết định phê duyệt tuyển dụng viên chức phục vụ BM GDTC giai đoạn 2015 - 2019	2015, 2019	Trường ĐHCT
129	H7.07.01.05	Phân công nhiệm vụ viên chức Văn Phòng BM GDTC	2018	BM GDTC
130	H7.07.01.06	Danh sách VC làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, TT.HL và Phòng ban, TT phục vụ sinh viên	2019	Trường ĐHCT
131	H7.07.01.07	Công văn phân công nhiệm vụ văn phòng, giảng viên kiêm nhiệm công tác văn phòng BM GDTC	2015, 2018	Bộ môn GDTC
132	H7.07.02.01	Quyết định Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của trường ĐHCT	Quyết định số 2511/QĐ-ĐHCT ngày 12 tháng 06 năm 2013	Trường ĐHCT
133	H7.07.02.02	Thông báo tuyển lao động của Trường ĐHCT	2017, 2018, 2019	Trường ĐHCT
134	H7.07.02.03	Thông báo kế hoạch tình biên đội ngũ nhân viên trong toàn trường trên website	https://dp.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
135	H7.07.02.04	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức phục vụ BM GDTC giai đoạn 2015 - 2019	2015, 2018	BM GDTC
136	H7.07.03.01	Mẫu tự đánh giá VC không tham gia giảng dạy (CB phục vụ)	2019	Trường ĐHCT
137	H7.07.03.02	Kê hoạch đánh giá, phân loại VC,	2015-2019	Trường

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		bình xét danh hiệu thi đua năm học hàng năm, giai đoạn 2015 - 2019		ĐHCT
138	H7.07.03.03	Kết quả đánh giá, phân loại VC, bình bầu danh hiệu năm học hàng năm BM.GDTC, giai đoạn 2015 - 2019	Số 033/QĐ-ĐHCT, ngày 31/5/2019	BM GDTC
139	H7.07.03.04	Lý lịch nhân viên, viên chức phục vụ BM GDTC	2019	Trường ĐHCT
140	H7.07.04.01	Quyết định về việc cử VC tham gia khóa tập huấn kỹ năng giao tiếp và lễ tân hành chính năm 2016	TB số 1822/TB-ĐHCT, ngày 09/09/2016	Trường ĐHCT
141	H7.07.04.02	Thông báo đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, viên chức giai đoạn 2015 - 2019	2015,2016,2017,2018,2019	Trường ĐHCT
142	H7.07.04.03	Quyết định cử viên chức (nhân viên phục vụ) học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ, văn bằng, chứng chỉ	2015,2016,2017,2018,2019	Trường ĐHCT
143	H7.07.05.01	Ban hành Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành	Số: 3875/QĐ-ĐHCT, 16/12/2015	Trường ĐHCT
144	H7.07.05.02	Bản chấm công tháng	12/2019	BM GDTC
145	H7.07.05.01	Biên bản họp giao ban, phân giao, nhắc nhở viên chức phục vụ, văn phòng	2016,2018,2019	BM GDTC
146	H8.08.01.01	Kế hoạch tuyển sinh đại học chính quy trường ĐHCT giai đoạn 2015-2019	2015-2019	Trường ĐHCT
147	H8.08.01.02	Thông tư sửa đổi, bổ sung quy chế thi tuyển sinh đại học giai đoạn	2015-2019	Bộ GDĐT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		2015 - 2019		
148	H8.08.01.03	Kế hoạch tổ chức "Ngày hội Tuyển sinh Hướng nghiệp tại Trường ĐHCT", giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	Trường ĐHCT
149	H8.08.01.04	Video clip giới thiệu ngành GDTC	https://dpe.ctu.edu.vn/index.php/thong-tin-dao-tao/tuyen-sinh-gdte	BM GDTC
150	H8.08.01.05	Quy chế tuyển sinh đại học cao đẳng hệ chính quy hàng năm 2015 - 2019	2015-2019	Bộ GDĐT
151	H8.08.01.06	Hướng dẫn thực hiện việc tuyển sinh đại học cao đẳng hệ chính quy	https://tuyensinh.ctu.edu.vn/	Bộ GDĐT
152	H8.08.02.01	Website tuyển sinh Trường ĐHCT	https://tuyensinh.ctu.edu.vn	Trường ĐHCT
153	H8.08.03.01	Trang HTQL dành cho cán bộ	http://htql.ctu.edu.vn	Trường ĐHCT
154	H8.08.04.01	Danh sách bố trí lớp cố vấn học tập cho sinh viên giai đoạn 2015 - 2019	Số 3781/QĐ-ĐHCT, ngày 12/10/2015 https://dpe.ctu.edu.vn/index.php/lien-he/50-thong-tin-can-bo/63-danh-sach-cvht	Trường ĐHCT
155	H8.08.04.02	Trang web giới thiệu Trung tâm phục vụ SV	https://ssc.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
156	H8.08.04.03	Trang web hỗ trợ tân sinh viên	http://tansinhvien.ctu.edu.vn	
157	H8.08.04.04	Quy định Công tác cố vấn học tập	Số 2067/QĐ-ĐHCT, ngày 04/12/2007	Trường ĐHCT
158	H8.08.04.05	Thông báo học bổng sinh viên	https://dsa.ctu.edu.vn/thong-bao/hoc-bong.html	Trường ĐHCT
159	H8.08.04.06	Danh sách học bổng khuyến khích	Số 511/QĐ-ĐHCT, ngày 3/3/2014 Số 6286,6287/QĐ-ĐHCT ngày 24/11/2014 Số 3804/QĐ-ĐHCT, ngày 3/9/2019	Trường ĐHCT
160	H8.08.04.07	Kế hoạch Hội diễn văn nghệ truyền thống Trường ĐHCT giai đoạn	Giai đoạn 2015 - 2019	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		2015 - 2019		
161	H8.08.04.08	Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên giai đoạn 2015 - 2019	Giai đoạn 2015 - 2019	Trường ĐHCT
162	H8.08.04.09	Thông báo về hỗ trợ học phí cho sinh viên	Giai đoạn 2015 - 2019	Trường ĐHCT
163	H8.08.04.10	Kế hoạch tổ chức Hội trại văn hóa thanh niên, hoạt động chào mừng ngày thành lập Trường ĐHCT	Số 228/KH-ĐTN, 17/02/2016	Trường ĐHCT
164	H8.08.05.01	Sơ đồ Khu II, Trường ĐHCT	https://www.ctu.edu.vn/images/upload/10lydochonDHCT.mp4	Trường ĐHCT
157	H8.08.05.02	Website Bộ môn GDTC	https://dpe.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
158	H8.08.05.03	Website Trường Đại học Cần Thơ	https://www.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
159	H8.08.05.04	Hình ảnh về Khu II, Trường ĐHCT	https://www.ctu.edu.vn/images/upload/10lydochonDHCT.mp4	Trường ĐHCT
160	H8.08.05.05	Website phòng công tác sinh viên	https://dsa.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
161	H8.08.05.06	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên	https://scs.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
162	H8.08.05.07	Hướng dẫn quy trình chăm sóc sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe ban đầu cho sinh viên	Số 352/TB-ĐHCT, 29/02/2016	Trường ĐHCT
163	H8.08.05.08	Quyết định thành lập đội PCCC	Số 78/QĐ-ĐHCT, 03/01/2016	Trường ĐHCT
164	H8.08.05.09	Quy định phòng cháy và chữa cháy trường ĐHCT	Số 1784/QĐ-ĐHCT, ngày 21/05/2013	Trường ĐHCT
165	H8.08.05.10	Kế hoạch tập huấn Phòng cháy chữa cháy của Trường ĐHCT giai	Giai đoạn 2015 - 2019	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		đoạn 2015 - 2019		
166	H9.09.01.01	Sơ đồ bản vẽ nhà thi đấu TDTT, nhà tập luyện TDTT	2019	Trường ĐHCT
167	H9.09.01.02	Thông báo công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trung cấp sư phạm năm học 2018 - 2019	07/2019	Trường ĐHCT
168	H9.09.01.03	Quyết định phân giao đất, nhà cửa, vật kiến trúc cho các đơn vị quản lý, sử dụng	Số 6031/QĐ-ĐHCT, ngày 17/11/2014	Trường ĐHCT
169	H9.09.01.04	Kế hoạch mua sắm trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy	năm 2017, 2018	Bộ môn GDTC
170	H9.09.01.05	Sơ đồ bố trí nơi tập luyện môn học thực hành	2018	Bộ môn GDTC
171	H9.09.02.01	Video giới thiệu Trung tâm học liệu	2019	TTHL
172	H9.09.02.02	Hướng dẫn sử dụng Trung tâm học liệu	2019	TTHL
173	H9.09.02.03	Nội quy sử dụng Trung tâm học liệu	26/12/2019	TTHL
174	H9.09.02.04	Cơ sở vật chất TTHL-Số liệu máy tính	2019	TTHL
175	H9.09.02.05	Danh mục đầu sách, giáo trình ngành GDTC	2019	TTHL
176	H9.09.03.01	Cơ cấu tổ chức, sơ đồ bố trí Khoa, Phòng của Trường	2019	Trường ĐHCT
177	H9.09.03.02	Quyết định cải tạo, sửa chữa hàng năm BM GDTC giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
178	H9.09.03.03	Kế hoạch hướng dẫn kiểm kê tài sản hàng năm giai đoạn 2015 - 2019	2015 - 2019	Trường ĐHCT
179	H9.09.03.04	Danh mục tài sản cố định, dụng cụ, trang thiết bị TDTT BM GDTC quản lý	2019	BM GDTC
180	H9.09.03.05	Số theo dõi mượn - trả dụng cụ	2016-2019	BM GDTC
181	H9.09.04.01	Thành lập Trung tâm thông tin và quản trị mạng	Số 1366/QĐ-ĐHCT, ngày 03/10/2018	Trường ĐHCT
182	H9.09.04.02	Danh mục các máy tính công phục vụ sinh viên	19/12/2019	TTTTQTM
183	H9.09.04.03	Trang web trung tâm TT&QTM	https://inac.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
184	H9.09.04.04	Các khu vực phủ sóng wifi phục vụ sinh viên và các hoạt động chung	01/03/2017	TTTTQTM
185	H9.09.04.05	Nội quy sử dụng máy tính công - internet-email	2019	TTTTQTM
186	H9.09.04.06	Quy trình hỗ trợ quản lý, đào tạo của TTTTQTM	2019	TTTTQTM
187	H9.09.04.07	Hướng dẫn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến	2019	TTTTQTM
188	H9.09.05.01	Nội quy về công tác nội trú tại Ký túc xá Trường ĐHCT	2016-2017	Trung tâm phục vụ SV
189	H9.09.05.02	Nội quy cán tin	Số 101/NQ-ĐHCT, ngày 23/01/2013	Trường ĐHCT
190	H9.09.05.03	Thông báo v/v khám chữa bệnh ban đầu tại Trạm y tế Trường ĐHCT	Số 216/CTSV-TB, ngày 30/10/2018	PCTSV
191	H9.09.05.04	Quyết định về việc thành lập đội	Số 78/QĐ-ĐHCT, ngày 13/1/2016	Trường

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		PCCC và tổ PCCC trường ĐHCT	Số 79/QĐ-ĐHCT, ngày 13/1/2016	ĐHCT
192	H9.09.05.05	Phê duyệt phương án PCCC cho khu II và khu III trường ĐHCT	ngày 17/8/2011	Sở cảnh sát PCCC TP. Cần Thơ
185	H9.09.05.06	Kế hoạch thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trường ĐHCT	133/ĐHCT, ngày 2/1/2013	Trường ĐHCT
186	H9.09.05.07	Hợp đồng với công ty vệ sinh khu vực BM GDTC	2017,2018,2019	Trường ĐHCT
187	H9.09.05.08	Sơ đồ hướng dẫn tìm phòng học phòng làm việc BM GDTC	2019	BM GDTC
188	H9.09.05.09	Số điện thoại của các bệnh viện gần Trường ĐHCT	2019	PCTSV
189	H10.10.01.01	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHCT	Số 355/QĐ-ĐHCT, ngày 18/02/2019	Trường ĐHCT
190	H10.10.01.02	Quyết định ban hành về lấy ý kiến các bên liên quan giai đoạn 2015 - 2019	Số 1258/QĐ-ĐHCT, ngày 20/08/2015	Trường ĐHCT
191	H10.10.01.03	Mẫu lấy ý kiến các bên liên quan	Số 35/ĐBCL&KT ngày 05/06/2014	TTQLCL
192	H10.10.01.04	Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng giai đoạn 2015 - 2019	Số 53/2015; số/2016; số 12/2018; số 484/2019	TTQLCL
193	H10.10.01.05	Công văn xin kiến của nhà tuyển dụng về SVTN ngành GDTC	2019	BM GDTC
194	H10.10.02.01	Kết quả lấy ý kiến cựu sinh viên về CTĐT ngành GDTC	2019	BM GDTC
195	H10.10.02.02	Kết quả lấy ý kiến của giảng viên về CTĐT ngành GDTC	2019	BM GDTC
196	H10.10.02.03	Kết quả lấy ý kiến của sinh viên về	2019	BM GDTC

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		CTĐT ngành GDTC		
197	H10.10.03.01	Kế hoạch giám sát kiểm tra coi thi kết thúc, HP của bộ môn GDTC giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	BM GDTC
198	H10.10.03.02	Hướng dẫn sử dụng công cụ đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra	Số 2144/ĐHCT-QLCL, ngày 23/09/2019	TTQLCL
199	H10.10.03.03	Thời khóa biểu giảng viên, sinh viên	2019	Trường ĐHCT
200	H10.10.03.04	Lịch trường	2015-2019	Trường ĐHCT
201	H10.10.03.05	Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá môn học	2017-2019	TTQLCL
202	H10.10.03.06	Biên bản họp tiếp xúc của bộ môn với CVHT và sinh viên ngành GDTC 2015-2019	2015-2019	Trường ĐHCT
203	H10.10.04.01	Quyết định Trường ĐHCT đạt chuẩn kiểm định	Nghị quyết 05/HDKDCL ngày 20/04/2018	Hội đồng KĐCLGD
204	H10.10.04.02	Danh mục các bài báo khoa học do GV BM GDTC thực hiện	2015-2019	BM GDTC
205	H10.10.05.01	Kết quả lấy ý kiến sinh viên về dịch vụ hỗ trợ	2019	Trường ĐHCT
206	H10.10.05.02	Trang Website về tài liệu giáo trình BM GDTC	https://dpe.ctu.edu.vn/index.php/giao-trinh-tai-lieu	TTQLCL
207	H10.10.05.03	Phân giao kinh phí Bộ môn GDTC giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	Trường ĐHCT
208	H10.10.05.04	Trang web Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ	https://ctts.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
209	H10.10.05.05	Trung tâm NC và Ứng dụng công nghệ ,	(https://ccac.ctu.edu.vn/)	Trường ĐHCT
210	H10.10.05.06	Website trung tâm học liệu	https://lrc.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT
211	H10.10.05.07	Không gian sáng chế	(https://mis.ctu.edu.vn/)	Trường ĐHCT
212	H10.10.06.01	Quy định hoạt động đảm bảo chất lượng	Số 1086/QĐ-ĐHCT, ngày 17/04/2014	Trường ĐHCT
213	H10.10.06.02	Thông báo về việc triển khai hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy giai đoạn 2015 - 2019	2015-2019	TTQLCL
214	H10.10.06.03	Biên bản họp giao ban BMGDTC	2015-2019	BM GDTC
215	H10.10.06.04	Kết quả khảo sát và đánh giá cơ chế phản hồi của các BLQ	https://qat.ctu.edu.vn/qui-trinh-bieu-mau.html	Trường ĐHCT
216	H11.11.01.01	Báo cáo tổng kết sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2015 - 2019	2019	BM GDTC
217	H11.11.01.02	Kế hoạch xét tốt nghiệp SV	Số 767/ĐHCT-ĐT, ngày 06/05/2015 Số 2290/ĐHCT-ĐT, ngày 17/11/2015 Số 2307/ĐHCT-ĐT, ngày 10/11/2016 Số 3191/ĐHCT-ĐT, ngày 10/11/2017 Số 2433/ĐHCT-ĐT, ngày 09/11/2018	Trường ĐHCT
218	H11.11.01.03	Quyết định xét công nhận tốt nghiệp SV ngành GDTC	Số 530/QĐ-ĐHCT, ngày 02/03/2018	Trường ĐHCT
219	H11.11.01.04	Thông báo cảnh báo học vụ SV từ năm 2015-2019	2014-2019	Trường ĐHCT
220	H11.11.01.05	Quyết định xóa tên sinh viên ngành GDTC giai đoạn 2015 - 2019	2014-2019	Trường ĐHCT
221	H11.11.01.06	Hỗ trợ Sinh viên đăng ký Giấy xác	https://dsa.ctu.edu.vn/ho-tro-online/102-dang-ky-giay-xac-nhan-vay-	Trường

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		nhận để bổ sung hồ sơ vay vốn	von-tai-dia-phuong-theo-lop.html	ĐHCT
222	H11.11.02.01	Bảng thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp của SV ngành GDTC trong 5 năm gần nhất	2019	BM GDTC
223	H11.11.02.02	Danh sách sinh viên tốt nghiệp chậm tiến độ 2015-2019	2015-2019	Trường ĐHCT
224	H11.11.03.01	Báo cáo tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp giai đoạn 2015 - 2019	Giai đoạn 2015 - 2019	BM GDTC
225	H11.11.03.02	Báo cáo kết quả công tác ĐBCL năm 2015 và phương hướng năm 2016	Số 53/BC-ĐBCL&KT, TTĐBCK&KT trường ĐHCT ngày 22/12/2015	Trường ĐHCT
226	H11.11.03.03	Báo cáo kết quả công tác ĐBCL năm 2016 và phương hướng năm 2017	Số 52/BC-ĐBCL&KT, TTĐBCK&KT trường ĐHCT ngày 26/12/2016	Trường ĐHCT
227	H11.11.03.04	Báo cáo kết quả công tác ĐBCL năm 2017 và phương hướng năm 2018	Số 12/BC-ĐBCL&KT, TTĐBCK&KT trường ĐHCT ngày 9/4/2017	BM GDTC
228	H11.11.03.05	Báo cáo kết quả công tác ĐBCL năm 2018 và phương hướng năm 2019	Số 484/BC-ĐBCL&KT, TTĐBCK&KT trường ĐHCT ngày 13/3/2019	BM GDTC
229	H11.11.03.06	Báo cáo kết quả công tác ĐBCL năm 2019 và phương hướng năm 2020	Số 318/BC-ĐBCL&KT, TTĐBCK&KT trường ĐHCT ngày 20/02/2020	BM GDTC
230	H11.11.04.01	Hướng dẫn thực hiện và quản lý đề tài NCKH của sinh viên	Số: 305/ĐHCT-QLKH ngày 04 tháng 3 năm 2009	Trường ĐHCT
231	H11.11.04.02	Quy định nhiệm vụ KHCN trường ĐHCT	Số 144/QĐ-ĐHCT 19/01/2016	Trường ĐHCT
232	H11.11.05.01	Danh sách các nhà tuyển dụng	2019	BM GDTC

ST T	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
		tham gia góp ý xây dựng CTĐT ngành GDTC		
233	H11.11.05.02	Ý kiến của nhà tuyển dụng về SVTN ngành GDTC	2019	BM GDTC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3404 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 19 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên
giai đoạn 2019 - 2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Điều 11, Chương II, của “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Công văn số 28/QLCL, ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng về việc đề nghị ra quyết định Kiểm định chất lượng (KĐCL) chương trình đào tạo (CTĐT) giáo viên và cử viên chức tham gia Hội đồng tự đánh giá CTĐT;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các Hội đồng Tự đánh giá và các Ban Thư ký của Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên các ngành: Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Tiếng Anh và Giáo dục Thể chất theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác KĐCL CTĐT giáo viên theo kế hoạch. Nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch hội đồng phân công và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trường phòng: Tổ chức-Cán bộ, Kế hoạch-Tổng hợp, Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

DANH SÁCH

Hội đồng Tự đánh giá và Ban thư ký của Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục thể chất giai đoạn 2019-2020

(Kèm theo Quyết định số: 3454/QĐ-ĐHCT, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

I. Danh sách Hội đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vị trí trong Hội đồng ĐG
1.	GS. TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	PGS. TS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực
3.	TS. Nguyễn Văn Hòa	Trưởng BM GDTC	Phó Chủ tịch
4.	TS. Lê Thanh Sơn	Thư ký Hội đồng trường	Thành viên
5.	GVC. TS. Lê Thị Nguyệt Châu	Đại diện Hội đồng KH&ĐT	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 2
6.	GVC. ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
7.	CVC. CN. Lê Phi Hùng	Trưởng Phòng QTTB	Thành viên
8.	GVC. TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc TT.QLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1
9.	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng Phòng CTSV	Thành viên
10.	PGS. TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi	Phó Trưởng Phòng QLKH	Thành viên
11.	TS. Lê Bá Tường	Phó Trưởng BM GDTC	Thành viên; phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3
12.	TS. Nguyễn Thanh Liêm	Giảng viên BM GDTC	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 4
13.	Nguyễn Trường Sang	Sinh viên, SP. GDTC	Thành viên

II. Danh sách Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vị trí trong Ban Thư ký
1.	ThS. Nguyễn Hữu Tri	Giảng viên BM GDTC	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 1&2
2.	ThS. Nguyễn Văn Thái	Giảng viên chính BM GDTC	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 1
3.	ThS. Đoàn Thu Ánh Điểm	Giảng viên BM GDTC	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 2&1
4.	TS. Đặng Thị Kim Quyên	Giảng viên BM GDTC	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 2
5.	ThS. Châu Hoàng Cầu	Giảng viên BM GDTC	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 3&4
6.	TS. Phan Việt Thái	Giảng viên BM GDTC	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 3
7.	ThS. Phạm Như Hiếu	Giảng viên BM GDTC	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 4&3
8.	ThS. Tống Lê Minh	Giảng viên BM GDTC	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 4
9.	ThS. Đào Phong Lâm	Phó Giám đốc TT, QLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1&2
10.	KS. Nguyễn Thị Trinh	Chuyên viên TT QLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3&4



**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT
GIAI ĐOẠN 2019 - 2020**

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Giáo dục thể chất và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong 05 năm (từ năm 2015 đến năm 2019).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH số 769/QLCL-BGDĐT ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng Bộ giáo dục và Đào tạo.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Thành phần Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục thể chất được thành lập theo quyết định số 3404/QĐ-ĐHCT ngày 19/8/2019 của Trường Đại học Cần Thơ, Hội đồng gồm 13 thành viên (danh sách kèm theo)

4.2. Ban Thư kí giúp việc và các nhóm chuyên trách

Ban Thư kí của Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục thể chất được thành lập theo quyết định số 3404/QĐ-ĐHCT ngày 19/8/2019 của Trường Đại học Cần Thơ, gồm 12 thành viên (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Lê Bá Tường Nguyễn Hữu Tri Phạm Như Hiếu	18/11/2019 đến 29/12/2019	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	Lê Bá Tường Nguyễn Hữu Tri Phạm Như Hiếu	18/11/2019 đến 29/12/2019	
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Lê Bá Tường Nguyễn Hữu Tri Phạm Như Hiếu	18/11/2019 đến 29/12/2019	
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy	Nguyễn Văn Thái Đặng Thị Kim Quyên	18/11/2019 đến 29/12/2019	

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
	và học	Châu Hoàng Cầu		
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nguyễn Văn Thái Đặng Thị Kim Quyên Châu Hoàng Cầu	18/11/2019 đến 29/12/2019	
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nguyễn Văn Hòa Lê Bá Tường Tống Lê Minh	18/11/2019 đến 29/12/2019	
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nguyễn Văn Hòa Tống Lê Minh Nguyễn Hữu Tri	18/11/2019 đến 29/12/2019	
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nguyễn Thanh Liêm Châu Hoàng Cầu Tống Lê Minh	18/11/2019 đến 29/12/2019	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nguyễn Thanh Liêm Tống Lê Minh Châu Hoàng Cầu	18/11/2019 đến 29/12/2019	
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Phan Việt Thái Đoàn Thu Ánh Điem Tống Lê Minh	18/11/2019 đến 29/12/2019	
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Phan Việt Thái Đoàn Thu Ánh Điem Tống Lê Minh	18/11/2019 đến 29/12/2019	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, điều chỉnh mục tiêu của Chương trình đào tạo (CTĐT) và Chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT. - Viết bản mô tả CTĐT và bản mô tả học phần. - Vẽ sơ đồ cơ cấu tổ chức của bộ môn (5 năm trước: bổ sung các tổ chuyên ngành Chuyển sang tổ chức nhân sự). - Lập Ma trận các kỹ năng. - Cập nhật Trang thông tin điện tử của bộ môn, bổ sung các tài liệu quảng bá, các bản tin về ngành học. - Thu thập và xử lý, phân tích sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan. - Thu thập, sắp xếp các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CTĐT. - Tham khảo các báo cáo kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Lê Bá Tường, Nguyễn Hữu Tri, Phạm Như Hiếu - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		<p>quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát mức độ đáp ứng của CTĐT đối với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường và của Bộ môn. 			
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, điều chỉnh và cập nhật đề cương chi tiết, CDR các học phần của CTĐT. - Vẽ cấu trúc tóm tắt CTĐT, mối tương quan giữa học phần và CDR, biểu đồ khối kiến thức chuyên ngành đào tạo. - Lập Ma trận các kỹ năng. - Thu thập biên bản rà soát, điều chỉnh CTĐT - Thu thập và xử lý, phân tích Sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT. - Tham khảo Các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Lê Bá Tường, Nguyễn Hữu Tri, Phạm Như Hiếu. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật bản mô tả Chương trình dạy học (CTDH) và Bản mô tả học phần. - Lập Ma trận các kỹ năng. - Vẽ bản tóm tắt mối tương quan giữa nội dung, kỹ năng, phương pháp dạy học, đánh giá. - Cập nhật trang thông tin điện tử của bộ môn, bổ sung các tài liệu quảng bá, các bản tin về ngành học. - Thu thập biên bản rà soát, điều chỉnh CTDH. - Thu thập và xử lý, phân tích Sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan CTDH. - Tham khảo các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Lê Bá Tường, Nguyễn Hữu Tri, Phạm Như Hiếu - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật các phương pháp tiếp cận trong dạy và học. - Vẽ bản tóm tắt mối tương 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Nguyễn Văn Thái, Đặng Thị Kim Quyên, Châu Hoàng Cầu. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
	dạy và học	<p>quan giữa CĐR, phương pháp dạy học, đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật trang thông tin điện tử của bộ môn, bổ sung các tài liệu quảng bá, các bản tin về ngành học. - Thu thập : biên bản, công văn, quy định, rà soát, điều chỉnh phương pháp dạy và học. - Thu thập và xử lý, phân tích sự đóng góp ý kiến của người học. - Tham khảo các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo. 		
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật các phương pháp, nội dung và tiêu chí đánh giá kết quả người học. - Vẽ bảng mô tả kết quả đánh giá theo thang điểm và xếp loại. - Thu thập và xử lý, phân tích sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan. - Thu thập : biên bản, công văn, quy định, rà soát, điều chỉnh các phương pháp, nội dung, và tiêu chí đánh giá. - Tham khảo các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Nguyễn Văn Thái, Thị Kim Quyên, Châu Hoàng Cầu - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nhu cầu đào tạo và hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH) của Bộ môn. - Thu thập các công văn, quyết định về kế hoạch tuyển dụng và chính sách nhân sự. - Thu thập các thông tin, minh chứng về kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, NCKH cho giảng viên (GV) và nghiên cứu viên (NCV). - Đánh giá kết quả công việc của GV, NCV trong giảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Nguyễn Văn Hòa, Lê Bá Tường, Tống Lê Minh. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, tiền trả nước tổ chức phỏng vấn. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		dạy và NCKH, chính sách khen thưởng.			
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát các công văn qui định về số lượng, tiêu chuẩn nhân viên phục vụ công tác giảng dạy, phòng thực hành (PTH), TTHL, CNTT... - Phân tích nhu cầu giảng dạy thực hành, nhu cầu hỗ trợ NCKH của GV và sinh viên (SV). - Thu thập các công văn, quyết định về kế hoạch tuyển dụng và chính sách nhân sự. - Thu thập các thông tin, minh chứng về kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, việc làm của nhân viên. - Đánh giá kết quả công việc của nhân viên và chính sách khen thưởng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Nguyễn Văn Hòa, Tổng Lê Minh, Nguyễn Hữu Tri - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, tiền trả nước tổ chức phòng văn. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin về công tác tuyển sinh (chỉ tiêu, khối thi, phương pháp xét tuyển, điều kiện học tập, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, cơ hội học tập nâng cao trình độ...). - Thu thập các thông tin, minh chứng về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học. - Thu thập các ý kiến phản hồi của sinh viên về điều kiện học tập, giảng dạy của GV, dịch vụ hỗ trợ của Trường. - Thu thập các thông tin, minh chứng liên quan đến việc giải đáp, phản hồi các ý kiến của người học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Nguyễn Thanh Liêm, Tổng Lê Minh, Châu Hoàng Cầu - Cơ sở vật chất: văn phòng làm việc, máy tính, máy in, máy quay phim, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: <ul style="list-style-type: none"> + Chi phí cho việc in ấn, photo; + Chi phí thực hiện video giới thiệu ngành học; + Bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát lại văn bản qui định về sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị TĐTT phục vụ công tác giảng dạy. - Thu thập danh mục dụng cụ, thiết bị, sân bãi thực 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Nguyễn Thanh Liêm, Tổng Lê Minh, Châu Hoàng Cầu - Cơ sở vật chất: 03 PTN, 01 PTH, 01 Văn phòng làm việc của Bộ 	28/10/2019 đến 29/12/2019	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		<p>hành TĐTT, Phòng học (PH), phòng làm việc (PLV).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập danh mục các tài liệu phục vụ cho giảng dạy và NCKH. - Thu thập các kế hoạch mua sắm, sửa chữa dài hạn, ngắn hạn các loại máy móc, thiết bị, tài liệu trong các sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ TĐTT chuyên dùng, PH, PLV. - Thu thập sổ sách, quản lý các sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ TĐTT chuyên dùng (sổ nhật ký sử dụng, sổ mượn – trả). - Thu thập các văn bản về kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn các sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ TĐTT chuyên dùng; chống cháy nổ, chống độc hại. - Thu thập các văn bản về kế hoạch, phương án bảo quản, bảo trì các thiết bị, các sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ TĐTT chuyên dùng, PLV. 	<p>môn, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính: chi phí cho việc in ấn, photo các loại sổ sách. 		
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát lại toàn bộ quá trình cải tiến và phát triển CTDH. - Thu thập ý kiến của các bên liên quan về CTDH: <ul style="list-style-type: none"> + GV trực tiếp giảng dạy; + SV đã tốt nghiệp sau 2 năm. + Nhà tuyển dụng (Ban Giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn các Trường THPT). - Phân tích kết quả phản hồi của các bên liên quan. - Thu thập các văn bản, kế hoạch điều chỉnh CTDH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Phan Việt Thái, Đoàn Thu Ánh Điểm, Tổng Lê Minh - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: <ul style="list-style-type: none"> + Chi phí thiết kế hệ thống câu hỏi lấy ý kiến các bên liên quan. + Chi phí cho việc in ấn, photo các loại sổ sách. + Chi phí tổ chức phỏng vấn, lấy ý kiến các bên liên quan. 	28/10/2019 đến 29/12/2019	
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập số liệu về người học. - Thu thập thông tin về khảo sát tỉ lệ SV có việc làm sau 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực: Phan Việt Thái, Đoàn Thu Ánh Điểm, Tổng Lê Minh 	28/10/2019 đến 29/12/2019	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		khi tốt nghiệp. - Phân tích các số liệu thu thập được từ phản hồi của SV và nhà tuyển dụng về sự hài lòng. - Đánh giá kết quả phân tích được và đề xuất hướng điều chỉnh phù hợp.	- Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: + Chi phí thiết kế hệ thống câu hỏi lấy ý kiến các bên liên quan. + Chi phí cho việc in ấn, photo các loại sổ sách. + Chi phí tổ chức phỏng vấn, lấy ý kiến các bên liên quan.		

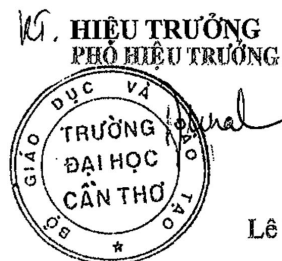
6. Thời gian thực hiện tự đánh giá

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 4 (12/8/2019 đến 8/9/2019)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.
Tuần 5-9 (9/9/2019 đến 13/10/2019)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT đề: <ul style="list-style-type: none"> • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; 2. Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 10-14 (14/10/2019 đến 17/11/2019)	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT đề thông qua: <ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 15-20 (18/11/2019 đến 29/12/2019)	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của

Thời gian	Các hoạt động
	minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 21-27 (30/12/2019 đến 16/02/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 28 (17/02/2020 đến 23/02/2020)	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thụ ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 29-30 (24/02/2020 đến 08/3/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 31-32 (09/3/2020 đến 22/3/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 33-34 (23/3/2020 đến 05/4/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 35 (06/4/2020 đến 12/4/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu VT, BM GDTC.



Lê Việt Dũng